

PURCHASE ORDER

GENERAL TERMS AND CONDITIONS

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

ĐƠN ĐẶT HÀNG

This Purchase Order General Terms and Conditions ("**PO GTC**") shall govern and form an integral part of the PO (as defined below) (PO and PO GTC collectively known as "**Agreement**") between the entity identified as ADA in the applicable PO ("**ADA**") and the person or entity identified as the Supplier in the PO ("**Supplier**").

*Các Điều Khoản và Điều Kiện Chung Đơn Đặt Hàng này ("**ĐKVDK Đơn Hàng**") điều chỉnh và cấu thành một phần không tách rời của Đơn Hàng (như được định nghĩa dưới đây) (Đơn Hàng và ĐKVDK Đơn Hàng gọi chung là "**Thỏa Thuận**") giữa pháp nhân được xác định là ADA trong Đơn Hàng liên quan ("**ADA**") và người hoặc pháp nhân được xác định là Nhà Cung Cấp trong Đơn Hàng ("**Nhà Cung Cấp**").*

The PO shall become a binding contract subject to these PO GTC and shall be deemed to be accepted by the Supplier during the Term as specified in the PO: (i) by acknowledgement of the PO; or (ii) by the Supplier's commencement of delivery or provision of the Goods and Services (including planning) or shipment of the Goods and Services; or (iii) by other conduct(s) by the Supplier or any of its representatives reasonably demonstrating their acceptance of the PO, whichever occurs first.

Đơn Hàng này sẽ là một hợp đồng ràng buộc, chịu sự điều chỉnh của ĐKVDK Đơn Hàng này và sẽ được xem là được chấp nhận bởi Nhà Cung Cấp trong Thời Hạn nêu tại Đơn Hàng: (i) bằng cách xác nhận Đơn Hàng; hoặc (ii) bằng việc Nhà Cung Cấp bắt đầu giao hoặc cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ (bao gồm cả việc lên kế hoạch) hoặc giao Hàng Hóa và Dịch Vụ; hoặc (iii) bởi (các) hành vi khác của Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ đại diện nào của Nhà Cung Cấp thể hiện một cách hợp lý việc Nhà Cung Cấp chấp nhận Đơn Hàng, tùy trường hợp nào xảy ra trước.

1. DEFINITIONS

ĐỊNH NGHĨA

1.1 Capitalized words used in this PO GTC shall have the meanings ascribed below:

Các từ viết hoa được sử dụng trong ĐKVDK Đơn Hàng này sẽ có nghĩa như được chỉ định dưới đây:

"ADA Information" means all information, reports or data such as diagrams, plans, statistics, drawings and supporting records or materials (whether in writing, orally, or by any electronic or other means), which has come into the possession of the Supplier which relate to ADA, member(s) of ADA's Affiliate, its customers (including its customers' customers) or suppliers and shall include but is not limited to data on the network, formulae, photographs, drawings, specifications, software programs, samples and any technical, business plans, financial or commercial information relating to ADA or member(s) of ADA's Affiliate; or any information relating to its business, operations, processes, plans, intentions, product information, know-how, design rights, trade secrets, market strategy and opportunities, customer and supplier details and business affairs and any other material bearing or incorporating any information and documentation relating to ADA or member(s) of ADA's Affiliate; and any Personal Data which ADA or ADA's Affiliate controls the Processing of or which comes into the knowledge, possession or control of the Supplier pursuant to the PO.

"Thông Tin ADA" có nghĩa là tất cả thông tin, báo cáo hoặc dữ liệu như sơ đồ, kế hoạch, số liệu thống kê, bản vẽ và hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ (dù bằng văn bản, lời nói hoặc bằng bất kỳ phương tiện điện tử hoặc phương tiện nào khác) được Nhà Cung Cấp chiếm hữu mà liên quan đến ADA, (các) thành viên của Bên Liên Kết của ADA, khách hàng của ADA (bao gồm cả khách hàng của những khách hàng đó) hoặc nhà cung cấp và sẽ bao gồm nhưng không giới hạn, dữ liệu trên mạng, công thức, ảnh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, chương trình phần mềm, mẫu và bất kỳ kế hoạch kỹ thuật, kinh doanh, thông tin tài chính hoặc thương mại nào liên quan đến ADA hoặc (các) thành viên của Bên Liên Kết của ADA; hoặc bất kỳ thông tin nào liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động, quy trình, kế hoạch, ý định, thông tin sản phẩm, bí quyết, quyền thiết kế, bí mật thương mại, chiến lược và cơ hội thị trường, thông tin chi tiết về khách hàng và nhà cung cấp cũng như các vấn đề kinh doanh và bất kỳ tài liệu nào khác chứa hoặc kết hợp bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến ADA hoặc (các) thành viên của Bên Liên Kết của ADA; và bất kỳ Dữ Liệu Cá Nhân mà ADA hoặc Bên Liên Kết của ADA kiểm soát việc Xử Lý hoặc Dữ Liệu Cá Nhân mà Nhà Cung Cấp biết được, chiếm hữu hoặc kiểm soát theo Đơn Hàng này.

"ADA Data" includes, but is not limited to, the data, text, drawings, diagrams, plans, statistics or images (together with any database made up of any of these) which are embodied in any electronic, magnetic, electromagnetic, optical, tangible or other media which are supplied to the Supplier by or on behalf of ADA or any other member(s) of ADA's Affiliate; or which the Supplier accesses, processes, stores, transmits or replicates using or on ADA's systems or equipment pursuant to the PO; or which the Supplier has custody or control of for purposes connected to the PO, including any

Personal Data which ADA or any other member(s) of ADA's Affiliate controls the Processing of or which comes into the knowledge, possession or control of the Supplier pursuant to the PO.

"Dữ Liệu ADA" bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu, văn bản, bản vẽ, sơ đồ, kế hoạch, số liệu thống kê hoặc hình ảnh (cùng với bất kỳ cơ sở dữ liệu nào được tạo thành từ bất kỳ dữ liệu, văn bản, bản vẽ, sơ đồ, kế hoạch, số liệu thống kê hoặc hình ảnh nêu trên) được thể hiện trong bất kỳ phương tiện điện tử, từ tính, điện tử, quang học, hữu hình hoặc các phương tiện khác được cung cấp cho Nhà Cung Cấp bởi hoặc đại diện cho ADA hoặc bất kỳ (các) thành viên nào khác của Bên Liên Kết của ADA; hoặc phương tiện mà Nhà Cung Cấp truy cập, xử lý, lưu trữ, truyền hoặc sao chép, bằng cách sử dụng hoặc, trên các hệ thống hoặc thiết bị của ADA theo Đơn Hàng; hoặc phương tiện mà Nhà Cung Cấp có quyền lưu giữ hoặc kiểm soát cho các mục đích liên quan đến Đơn Hàng, bao gồm mọi Dữ Liệu Cá Nhân mà ADA hoặc bất kỳ (các) thành viên nào khác của Bên Liên Kết của ADA kiểm soát việc Xử Lý hoặc Dữ Liệu Cá Nhân mà Nhà Cung Cấp biết được, sở hữu hoặc kiểm soát theo Đơn Hàng.

"ADA Group" means ADA and its Affiliates and associated companies.

"Tập Đoàn ADA" có nghĩa là ADA và các Bên Liên Kết và các công ty liên kết của ADA.

"ADA Systems" means the hardware (including computer hardware), software and telecommunications or information technology equipment, systems and networks used or owned by ADA or any other member(s) of ADA's Affiliate or licensed to ADA or any other member(s) of ADA's Affiliate by a third party.

"Hệ Thống ADA" có nghĩa là phần cứng (bao gồm cả phần cứng máy tính), phần mềm và thiết bị, hệ thống và mạng viễn thông hoặc công nghệ thông tin, hệ thống và mạng được sử dụng hoặc sở hữu bởi ADA hoặc bất kỳ (các) thành viên khác của Tập Đoàn ADA hoặc được một bên thứ ba cấp phép cho ADA hoặc bất kỳ (các) thành viên khác của Tập Đoàn ADA.

"Affiliate" means, as to an entity, any other entity directly or indirectly controlling, controlled by, or under common control with, such entity.

"Bên Liên Kết" có nghĩa là, liên quan đến một bên, bất kỳ công ty mà, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên đó, hoặc được kiểm soát bởi bên đó, hoặc đặt dưới sự kiểm soát chung với bên đó.

"Applicable Laws" means with respect to any person or thing, any supranational, national, state, provincial, municipal or local law, common law, regulation, directive, guideline, constitution, act of parliament, ordinance, treaty, convention, by-law, circular, guidance, notice, codes, rule (including the rules of any applicable stock exchange), order, injunction, judgment, decree, arbitral award, ruling, finding or other similar requirement enacted, adopted, promulgated or applied by an Authority, including any amendments, re-enactment or replacement of it, that has the force of law with respect to such person or thing in any relevant jurisdiction.

"Luật Áp Dụng" có nghĩa là, đối với bất kỳ người nào hoặc sự vật nào, bất kỳ luật của siêu quốc gia, quốc gia, tiểu bang, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc địa phương, thông luật, quy định, chỉ thị, hướng dẫn, hiến pháp, đạo luật của nghị viện, pháp lệnh, hiệp ước, công ước, luật lệ, thông tư, chỉ đạo, thông báo, bộ luật, quy tắc (bao gồm cả các quy tắc của bất kỳ sàn giao dịch chứng khoán áp dụng nào), lệnh, lệnh cấm, phán quyết, nghị định, phán quyết trọng tài, quyết định, phát hiện hoặc yêu cầu tương tự khác do Cơ Quan Có Thẩm Quyền ban hành, thông qua, công bố hoặc áp dụng, bao gồm cả bất kỳ các sửa đổi, tái ban hành hoặc thay thế các văn bản này, có hiệu lực pháp lý đối với người hoặc vật đó ở bất kỳ khu vực tài phán nào có liên quan.

"Authority" includes any supranational, national, state, municipal or local government, governmental, semi-governmental, inter-governmental, regulatory, judicial or quasi-judicial body, agency, department, entity or authority, stock exchange or self-regulatory organisation established under statute and shall include persons exercising executive, legislative, judicial, regulatory or administrative functions of or pertaining to government.

"Cơ Quan Có Thẩm Quyền" bao gồm mọi cơ quan siêu quốc gia, quốc gia, tiểu bang, thành phố hoặc chính quyền địa phương, chính phủ, bán chính phủ, liên chính phủ, cơ quan quản lý, tư pháp hoặc bán tư pháp, cơ quan, bộ phận, tổ chức hoặc cơ quan có thẩm quyền, sàn giao dịch chứng khoán hoặc tổ chức tự quản lý được thành lập theo luật và sẽ bao gồm những người thực hiện các chức năng hành pháp, lập pháp, tư pháp, quản lý hoặc hành chính của hoặc liên quan đến chính phủ.

"Business Day" means means any day of the week (excluding weekends and public holidays) on which commercial banks are open for business in the territory where ADA corporate entity domiciles in.

"Ngày Làm Việc" nghĩa là bất kỳ ngày nào trong tuần (không bao gồm cuối tuần và ngày lễ) mà các ngân hàng thương mại mở cửa hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ nơi ADA đặt trụ sở.

"Best Industry Practice" means, in relation to any undertaking and any circumstances, the exercise of the degree of skill, care, diligence, prudence, foresight and judgement which could reasonably be expected from highly skilled, experienced persons, entities and world leading suppliers and contractors engaged in comparable types of undertaking under similar circumstances, applying equivalent or better standards currently applied in the industry relevant to the Goods and Services being provided or delivered and any other products, works and services that may become available to ensure, without limitation, the objectives and obligations identified in this Agreement are achieved and performed that include best practices and value in respect of price, performance and time to market.

"Thực Tiễn Ngành Tốt Nhất" có nghĩa là, liên quan đến bất kỳ cam kết nào và bất kỳ trường hợp nào, việc thực hiện với mức độ kỹ năng, sự cẩn thận, chăm chỉ, thận trọng, tầm nhìn xa và phán đoán mà có thể được mong đợi một cách hợp lý từ những người, chủ thể có tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, các nhà cung cấp và các nhà thầu hàng đầu thế giới khi họ tham gia vào các loại công việc có thể đánh giá được trong các hoàn cảnh tương tự, áp dụng các tiêu chuẩn tương đương hoặc tốt hơn các tiêu chuẩn hiện đang được áp dụng trong ngành liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ và bất kỳ sản phẩm, công trình và dịch vụ nào khác có thể sẵn có để đảm bảo, nhưng không giới hạn, việc đạt được và thực hiện các mục tiêu và nghĩa vụ đã xác định trong Thỏa Thuận này, và bao gồm các thông lệ và giá trị tốt nhất về giá cả, hiệu suất và thời gian đưa ra thị trường.

"Confidential Information" means all information, reports or data such as diagrams, plans, statistics, drawings and supporting records or materials (whether in writing, orally, or by any electronic or other means), which has come into the possession of the Supplier before, on or after the Term which relate to member(s) of ADA Group, its customers (including its customers' customers) or suppliers and shall include but is not limited to:

"Thông Tin Bí Mật" nghĩa là tất cả thông tin, báo cáo hoặc dữ liệu như sơ đồ, kế hoạch, số liệu thống kê, bản vẽ và hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ (dù bằng văn bản, lời nói hay bằng bất kỳ phương tiện điện tử hoặc phương tiện nào khác) được Nhà Cung Cấp chiếm hữu trước, trong hoặc sau Thời Hạn liên quan đến (các) thành viên của Tập Đoàn ADA, khách hàng của Tập Đoàn (bao gồm cả khách hàng của những khách hàng đó) hoặc nhà cung cấp và sẽ bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) data on the network, formulae, photographs, drawings, specifications, software programs, samples and any technical, business plans, financial or commercial information relating to member(s) of ADA Group; or

dữ liệu ở trên mạng, công thức, ảnh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, chương trình phần mềm, mẫu thử và bất kỳ kế hoạch kỹ thuật, kinh doanh, thông tin tài chính hoặc thương mại liên quan đến (các) thành viên của Tập Đoàn ADA; hoặc

- b) any information relating to its business, operations, processes, plans, intentions, product information, know-how, design rights, trade secrets, market strategy and opportunities, customer and supplier details and business affairs and any other material bearing or incorporating any information and documentation relating to member(s) of ADA Group; and

mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, hoạt động, quy trình, kế hoạch, ý định, thông tin sản phẩm, bí quyết, quyền thiết kế, bí mật kinh doanh, chiến lược và cơ hội thị trường, chi tiết về khách hàng và nhà cung cấp cũng như các vấn đề kinh doanh của (các) thành viên đó và bất kỳ tài liệu nào khác mang hoặc kết hợp bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến (các) thành viên của Tập Đoàn ADA; và

- c) any Personal Data which ADA or any other member(s) of ADA Group controls the Processing of or which comes into the knowledge, possession or control of the Supplier pursuant to this Agreement.

bất kỳ Dữ Liệu Cá Nhân nào mà ADA hoặc bất kỳ (các) thành viên nào khác của Tập Đoàn ADA kiểm soát Việc Xử Lý hoặc Dữ Liệu Cá Nhân mà Công Ty biết được, chiếm hữu hoặc kiểm soát theo Thỏa Thuận này.

"Data Protection Law" means all Applicable Laws, policies and regulations relating to the collecting and processing of personal data and privacy in effect from time to time.

"Luật Bảo Vệ Dữ Liệu" nghĩa là tất cả các Luật Áp Dụng, chính sách và quy định hiện hành liên quan đến việc thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư có hiệu lực vào từng thời điểm.

"Data Subject" means an individual who is the subject of the Personal Data.

"Chủ Thể Dữ Liệu" có nghĩa là một cá nhân là chủ thể của Dữ Liệu Cá Nhân.

"Deliverable" or **"Deliverables"**: all work products (including data and in any media) developed and/or supplied by Supplier (or Supplier's approved subcontractor) for ADA as part of the delivery of Goods, Services, including Intellectual Property Rights in connection with the PO. Deliverable(s) are

“work made for hire” as that term is defined under copyright law.

“Giao Phẩm” hoặc **“Các Giao Phẩm”**: toàn bộ sản phẩm công việc (bao gồm dữ liệu và dưới mọi hình thức) được phát triển và/hoặc cung cấp bởi Nhà Cung Cấp (hoặc nhà thầu phụ được phê duyệt của Nhà Cung Cấp) cho ADA như một phần của việc cung cấp Hàng Hóa, Dịch Vụ, bao gồm cả các Quyền Sở Hữu Trí Tuệ liên quan đến Đơn Hàng. Giao Phẩm được xem là “tác phẩm được thuê thực hiện” theo định nghĩa của luật bản quyền.

“Fees” means the amount ADA is required to pay under the relevant PO to the Supplier, which may include but shall not be limited to, any applicable taxes.

“Phí” có nghĩa là số tiền ADA phải thanh toán theo Đơn Hàng liên quan cho Nhà Cung Cấp, và có thể bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ khoản thuế nào được áp dụng.

“Goods and Services” means tangible and intangible goods and services, including but not limited to content, creatives, software, services, tools, peripherals, spare parts, Licensed Data, and any related software and documentation specified in the PO.

“Hàng Hóa và Dịch Vụ” có nghĩa là hàng hóa và dịch vụ hữu hình và vô hình, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung, sáng tạo, phần mềm, dịch vụ, công cụ, thiết bị ngoại vi, phụ tùng thay thế, Dữ Liệu Được Cấp Phép cũng như bất kỳ phần mềm và tài liệu liên quan nào được chỉ định trong Đơn Hàng.

“Intellectual Property Rights” means patents, rights to inventions, copyright and related rights, trade marks, business names and domain names, moral rights, rights in get-up, goodwill and the right to sue for passing off, rights in designs, database rights, rights to use and protect the confidentiality of, confidential information (including know-how), and all other intellectual property rights, in each case whether registered or unregistered and including all applications and rights to apply for and be granted, renewals or extensions of, and rights to claim priority from, such rights and all similar or equivalent rights or forms of protection which subsist or will subsist now or in the future in any part of the world.

“Quyền Sở Hữu Trí Tuệ” có nghĩa là bằng sáng chế, quyền đối với phát minh, quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, tên doanh nghiệp và tên miền, quyền nhân thân, quyền thành lập, lợi thế thương mại và quyền khởi kiện gian lận, quyền đối với thiết kế, cơ sở dữ liệu, quyền sử dụng và bảo vệ tính bảo mật của thông tin bí mật (bao gồm cả bí quyết), và tất cả các quyền sở hữu trí tuệ khác, dù đã đăng ký hay chưa đăng ký trong từng trường hợp, và bao gồm tất cả các đơn đăng ký và quyền đăng ký và được cấp các quyền đó và tất cả các quyền tương tự hay tương đương hoặc hình thức bảo hộ, gia hạn các quyền đó và tất cả các quyền tương tự hay tương đương hoặc hình thức bảo hộ, và quyền yêu cầu quyền ưu tiên đối với các quyền đó và tất cả các quyền tương tự hay tương đương hoặc hình thức bảo hộ, mà đang tồn tại hoặc sẽ tồn tại ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

“Malware” means anything, software or device which may impair or otherwise adversely affect the operation of any computer or system, prevent or hinder access to any program or data (whether by rearranging within the computer or any storage medium or device, altering or erasing, the program or data in whole or in part, or otherwise), gain unauthorised access to any program, equipment, system or data or collect data or surveillance without authorisation, including worms, trojan horses, computer viruses, ransomware, spyware or similar things.

“Phần Mềm Độc Hại” có nghĩa là bất kỳ vật, phần mềm hoặc thiết bị nào có thể làm suy yếu hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của bất kỳ máy tính hoặc hệ thống nào, ngăn cản hoặc cản trở quyền truy cập vào bất kỳ chương trình hoặc dữ liệu nào (cho dù bằng cách sắp xếp lại bên trong máy tính hoặc bất kỳ phương tiện lưu trữ hoặc thiết bị nào, thay đổi hoặc xóa, toàn bộ hoặc một phần chương trình hoặc dữ liệu hoặc cách khác), truy cập trái phép vào bất kỳ chương trình, thiết bị, hệ thống hoặc dữ liệu nào, hoặc thu thập dữ liệu hoặc giám sát trái phép, bao gồm sâu máy tính, Trojan horses, virus máy tính, phần mềm tống tiền, phần mềm gián điệp hoặc tương tự.

“Parties” means collectively ADA and the Supplier, whereas the term **“Party”** shall mean any of them.

“Các Bên” có nghĩa là ADA và Nhà Cung Cấp, trong khi thuật ngữ **“Bên”** có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số đó.

“Personnel” means all employees, agents, suppliers, contractors and other representatives of such Party (or its subcontractors) who are involved, or proposed to be involved, in the provision of Goods and Services.

“Nhân Sự” có nghĩa là tất cả nhân viên, đại lý, nhà cung cấp, nhà thầu và đại diện khác của Bên đó (hoặc nhà thầu phụ của Bên đó) có liên quan hoặc được đề xuất tham gia vào việc cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ.

“Personal Data” means personal data, personal information or data relating to individuals.

“Dữ Liệu Cá Nhân” nghĩa là dữ liệu cá nhân, thông tin cá nhân hoặc dữ liệu liên quan đến cá nhân.

“Process” or “Processing” means collecting, recording, holding or storing Personal Data or carrying out any operation or set of operations on Personal Data, including (a) the organization, adaptation or alteration of Personal Data; (b) the retrieval, consultation or use of Personal Data; (c) the disclosure of Personal Data by transmission, transfer, dissemination or otherwise making available; or (d) the alignment, combination, correction, erasure or destruction of Personal Data.

“Xử Lý” hoặc “Việc Xử Lý” nghĩa là thu thập, ghi lại, lưu giữ hoặc lưu trữ Dữ Liệu Cá Nhân hoặc thực hiện bất kỳ hoạt động hoặc tập hợp các hoạt động nào đối với Dữ Liệu Cá Nhân, bao gồm (a) việc tổ chức, điều chỉnh hoặc thay đổi Dữ Liệu Cá Nhân; (b) việc truy xuất, tư vấn hoặc sử dụng Dữ Liệu Cá Nhân; (c) việc tiết lộ Dữ Liệu Cá Nhân bằng cách truyền, chuyển giao, phổ biến hoặc hình thức cung cấp thông tin khác; hoặc (d) liên kết, kết hợp, chỉnh sửa, xóa hoặc hủy Dữ Liệu Cá Nhân.

“Purchase Order” or “PO” means a mutually agreed Purchaser Order incorporating this PO GTC.

“Đơn Đặt Hàng” hoặc “Đơn Hàng” có nghĩa là Đơn Đặt Hàng được Các Bên thống nhất kết hợp với ĐKVDK Đơn Hàng này.

“Sanction(s)” refers to the measures imposed by Authority to restrict trade, financial transactions, or other economic activities with a specific country, entity, or individual. Types of sanctions may include financial sanctions, trade sanctions, embargo and diplomatic sanctions.

“Lệnh Trừng Phạt” có nghĩa là các biện pháp do Cơ Quan Có Thẩm Quyền ban hành nhằm hạn chế thương mại, giao dịch tài chính hoặc các hoạt động kinh tế khác với một quốc gia, tổ chức hoặc cá nhân cụ thể. Các loại lệnh trừng phạt có thể bao gồm lệnh trừng phạt tài chính, lệnh trừng phạt thương mại, lệnh cấm vận và lệnh trừng phạt ngoại giao.

“Sanctions Laws” means Applicable Laws relating to Sanctions, which may include the following Sanctions lists:

“Luật Về Lệnh Trừng Phạt” có nghĩa là các Luật Áp Dụng liên quan đến Lệnh Trừng Phạt, có thể bao gồm các danh sách các Lệnh Trừng Phạt sau:

- (a) the United Nations Security Council (UNSC) Sanctions Lists, or its equivalent;
danh sách trừng phạt của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc hoặc danh sách tương đương;
- (b) the consolidated list of persons, groups and entities subject to EU financial sanctions, or its equivalent;
danh sách tổng hợp các cá nhân, nhóm và tổ chức thuộc đối tượng bị áp dụng lệnh trừng phạt tài chính của Liên Minh Châu Âu (EU) hoặc danh sách tương đương;
- (c) the Specially Designated Nationals and Blocked Persons List (SDN)) issued by the U.S. Department of the Treasury’s OFAC, or its equivalent;
danh sách các cá nhân và tổ chức được chỉ định đặc biệt và bị phong tỏa tài sản do Văn Phòng Kiểm Soát Tài Sản Nước Ngoài thuộc Bộ Ngân Khố Hoa Kỳ ban hành, hoặc danh sách tương đương;
- (d) the financial sanctions list issued by the Office of Financial Sanctions Implementation, HM Treasury, or its equivalent;
danh sách trừng phạt tài chính do Văn Phòng Thực Thi Lệnh Trừng Phạt Tài Chính thuộc Bộ Tài Chính Vương Quốc Anh ban hành, hoặc danh sách tương đương;
- (e) the sanctions list(s) issued by the Financial Action Task Force (FATF), or its equivalent;
danh sách trừng phạt do Lực Lượng Đặc Nhiệm Hành Động Tài Chính (FATF) ban hành, hoặc danh sách tương đương;
- (f) the sanction list(s) issued by the Ministry of Investment, Trade and Industry of Malaysia pursuant to the Strategic Trade Act of 2010, or its equivalent;
danh sách trừng phạt do Bộ Đầu Tư, Thương Mại và Công Nghiệp Malaysia ban hành theo Đạo Luật Thương Mại Chiến Lược năm 2010, hoặc danh sách tương đương;
- (g) the restriction list(s) issued by the Central Bank of Malaysia, or its equivalent;
danh sách hạn chế do Ngân Hàng Trung Ương Malaysia ban hành, hoặc danh sách tương đương;
- (h) the list(s) of restricted persons issued by the Ministry of Home Affairs of Malaysia, or its equivalent; and
danh sách các cá nhân bị hạn chế do Bộ Nội Vụ Malaysia ban hành, hoặc danh sách tương đương; và

- (i) the sanctions list(s) issued by the relevant Authority.

danh sách trừng phạt do Cơ Quan Có Thẩm Quyền liên quan ban hành.

"Sanctioned Person" means any individual, company, entity or organisation that is subject to Sanctions imposed by the relevant Authority;

"Người Bị Trừng Phạt" có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, pháp nhân hoặc tổ chức nào thuộc đối tượng bị áp dụng Lệnh Trừng Phạt do Cơ Quan Có Thẩm Quyền ban hành.

"Sanctions Requisite Approval for Payment" means the prior written approval for payment given and approved by the Authority in accordance with the Sanctions Laws, or its equivalent;

"Phê Duyệt Bắt Buộc Về Lệnh Trừng Phạt Cho Việc Thanh Toán" có nghĩa là sự chấp thuận bằng văn bản trước khi thanh toán được cấp và phê duyệt bởi Cơ Quan Có Thẩm Quyền theo quy định của Luật Về Lệnh Trừng Phạt, hoặc tương đương.

"Sub-Processor" means any party appointed by, or on behalf of, the Supplier to Process Personal Data in connection with the PO.

"Bên Xử Lý Phụ" có nghĩa là bất kỳ bên nào được chỉ định bởi hoặc thay mặt Nhà Cung Cấp Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân liên quan đến Đơn Hàng này.

"Term" means the Term of the Purchase Order specified in the PO.

"Thời Hạn" có nghĩa là Thời Hạn của Đơn Đặt Hàng được chỉ định trong Đơn Hàng.

"Timelines" means the implementation plan for the delivery of the Goods and Services to ADA as set out in the PO.

"Thời Gian Biểu" nghĩa là kế hoạch thực hiện việc giao Hàng Hóa và Dịch Vụ cho ADA như được nêu trong Đơn Hàng.

2. DELIVERY, TRANSPORTATION AND SHIPPING

GIAO HÀNG VÀ VẬN CHUYỂN

- 2.1 **Delivery, Transportation, Shipping.** The Supplier shall: (a) ensure the Goods and Services are suitably packed to avoid damage in transit or in storage, marked, transmitted, delivered or shipped in accordance with ADA's requirements and all applicable laws or regulations; and (b) not charge for any costs relating to handling, packaging, storage or transportation (including duties, taxes, fees, etc.) unless otherwise expressly stated in the PO. The Supplier shall include the delivery order, bills of lading or other shipping receipts with the correct classification and identification of the Goods and Services, which shall be delivered or shipped in accordance with the requirements as set out by ADA and the relevant authorities. The identification markings on each package of the Goods and Services including the packing slips, delivery order, bills of lading and invoices must be sufficiently clear to enable ADA to identify the Goods and Services.

Giao Hàng, Vận Chuyển. Nhà Cung Cấp sẽ: (a) đảm bảo Hàng Hóa và Dịch Vụ được đóng gói phù hợp để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển hoặc lưu kho, được đánh dấu, truyền, giao hoặc vận chuyển theo yêu cầu của ADA và tất cả các luật hoặc quy định áp dụng; và (b) không tính bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc xử lý, đóng gói, lưu kho hoặc vận chuyển (bao gồm cả thuế quan, thuế, phí, v.v.) trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Đơn Hàng. Nhà Cung Cấp phải đính kèm phiếu giao hàng, vận đơn hoặc biên lai vận chuyển khác cùng với phân loại và nhận dạng chính xác Hàng Hóa và Dịch Vụ mà sẽ được giao hoặc vận chuyển theo các yêu cầu do ADA và các cơ quan có thẩm quyền liên quan quy định. Các dấu hiệu nhận dạng trên mỗi gói Hàng Hóa và Dịch Vụ bao gồm cả phiếu đóng gói, phiếu giao hàng, vận đơn và hóa đơn phải đủ rõ ràng để ADA có thể xác định Hàng Hóa và Dịch Vụ.

- 2.2 Notwithstanding clause 2.1, ADA may reject the Goods and Services, if they are defective and not in accordance with ADA's requirement under the PO or are reasonably believed to be counterfeit and such rejected Goods and Services shall be removed by the Supplier at the instruction of ADA.

Bất kể Khoản 2.1, ADA có thể từ chối Hàng Hóa và Dịch Vụ nếu chúng bị lỗi và không phù hợp với yêu cầu của ADA theo Đơn Hàng hoặc có lý do hợp lý để cho rằng Hàng Hóa và Dịch Vụ đó là hàng giả, và Hàng Hóa và Dịch Vụ bị từ chối đó sẽ được Nhà Cung Cấp loại bỏ theo hướng dẫn của ADA.

- 2.3 **Delivery.** Deliveries will be made in the manner, on the dates, and at the time specified in the PO or in accordance with any subsequent written instructions by ADA. Time is of the essence for all deliveries. ADA will not be required to pay for or accept any Goods and Services that do not meet, fulfil or comply with, the requirements of the PO and the PO GTC. In the event the Supplier is unable to comply with the delivery date as specified in the PO, the Supplier shall notify ADA not less than 2 Business Days before such delivery date, and ADA may purchase replacements elsewhere, and the Supplier shall be liable for the actual costs incurred by ADA.

Giao Hàng. Việc giao hàng sẽ được thực hiện theo cách thức, vào ngày và giờ được chỉ định trong Đơn Hàng hoặc theo bất kỳ hướng dẫn bằng văn bản nào sau đó của ADA. Thời gian là điều cốt yếu đối với mọi hoạt động giao hàng. ADA sẽ không bị buộc phải thanh toán hoặc chấp nhận bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào không đáp ứng, hoàn tất hoặc tuân thủ các điều kiện của Đơn Hàng và ĐKVĐK Đơn Hàng. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp không thể tuân thủ ngày giao hàng như được chỉ định trong Đơn Hàng, Nhà Cung Cấp phải thông báo cho ADA không ít hơn 2 Ngày Làm Việc trước ngày giao hàng. và ADA có thể mua hàng thay thế ở nơi khác và Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm cho các chi phí thực tế phát sinh cho ADA.

- 2.4 **Title and Risk.** Title to the Goods and Services shall pass to ADA upon full payment of the PO value. The risk of damage, or loss of, the Goods and Services shall remain with the Supplier until the Goods and Services have been inspected and accepted by ADA in writing.

Quyền Sở Hữu và Rủi ro. Quyền sở hữu đối với Hàng Hóa và Dịch Vụ sẽ được chuyển giao cho ADA sau khi giá trị Đơn Hàng được thanh toán đầy đủ. Rủi ro hư hỏng hoặc mất mát đối với Hàng Hóa và Dịch Vụ sẽ vẫn thuộc về Nhà Cung Cấp cho đến khi Hàng Hóa và Dịch Vụ được ADA kiểm tra và chấp nhận bằng văn bản.

- 2.5 **Quality.** The Goods and Services shall be valid, functional, marketable, and free from any faults and defects, failing which, ADA may elect to either reject any such Goods and Services without any liability whatsoever to the Supplier, or, to require the Supplier to replace, repair or make good any faults, defects or non-conformance with stated specifications and requirements, at its own cost and expense.

Chất Lượng. Hàng Hóa và Dịch Vụ phải hợp lệ, hoạt động tốt, có khả năng thương mại và không được có bất kỳ lỗi và khiếm khuyết nào; ngược lại, ADA có thể chọn từ chối bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ bị lỗi hay khiếm khuyết mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Nhà Cung Cấp, hoặc yêu cầu Nhà Cung Cấp, bằng chi phí của Nhà Cung Cấp, thay thế, sửa chữa hoặc hoàn thiện bất kỳ lỗi, khiếm khuyết hoặc sự không phù hợp với các thông số kỹ thuật và yêu cầu đã quy định.

3. GENERAL GOODS AND SERVICE REQUIREMENTS

YÊU CẦU CHUNG VỀ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

- 3.1 The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp phải:

- a) perform the Services in accordance with the PO, including any specifications as may be required by ADA.

thực hiện Dịch Vụ theo Đơn Hàng, bao gồm mọi thông số kỹ thuật mà ADA có thể yêu cầu.

- b) The Supplier must, in accordance with PO:

Nhà Cung Cấp phải, theo Đơn Hàng:

- i. deliver the Goods and Services to ADA in compliance with ADA's specifications and requirements and shall ensure the services is successfully installed, completed, integrated and well operate as stated in the PO. In the absence of such specifications and in all cases other than the supply of services, the Goods and Services shall meet the manufacturers' prevailing published specifications;

cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ cho ADA theo các thông số kỹ thuật và yêu cầu của ADA và phải đảm bảo các dịch vụ được cài đặt, hoàn thiện, tích hợp thành công và vận hành tốt như đã nêu trong Đơn Hàng. Trong trường hợp không có các thông số kỹ thuật đó và trong mọi trường hợp không phải là cung cấp dịch vụ, Hàng Hóa và Dịch Vụ phải đáp ứng các thông số kỹ thuật hiện hành đã được công bố của nhà sản xuất;

- ii. perform all the and any other relevant tasks set out in the PO; and

thực hiện tất cả và bất kỳ công việc liên quan nào khác như nêu trong Đơn Hàng; và

- iii. perform any other activities or tasks reasonably incidental to or directly connected with the obligations of the Supplier under the PO which are not expressly stated.

thực hiện bất kỳ hoạt động hoặc công việc nào khác ngẫu nhiên hoặc liên quan trực tiếp đến các nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp theo Đơn Hàng mà không được nêu một cách rõ ràng.

- c) Without limiting any other obligation imposed on the Supplier under the PO, the Supplier must:

Không giới hạn bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Nhà Cung Cấp theo Đơn Hàng, Nhà Cung Cấp phải:

- i. supply the Goods and Services and perform its other obligations under the PO, in a timely, diligent and competent manner, and with all due skill and care;
cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ cũng như thực hiện các nghĩa vụ khác của mình theo Đơn Hàng, một cách kịp thời, siêng năng và có thẩm quyền, cũng như với tất cả kỹ năng và sự cẩn trọng phù hợp;
- ii. supply and deliver the Goods and Services under the PO;
cung cấp và giao Hàng Hóa và Dịch Vụ theo Đơn Hàng;
- iii. provide, manage and maintain sufficient resources, including human resources, equipment and facilities, to enable it to fulfil its obligations under the PO;
cung cấp, quản lý và duy trì đủ nguồn lực, bao gồm cả nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất, giúp Nhà Cung Cấp thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Đơn Hàng;
- iv. not adversely interfere with ADA's business;
không can thiệp bất lợi vào hoạt động kinh doanh của ADA;
- v. comply with all reasonable directions given by ADA from time to time in connection with the Goods and Services;
tuan thủ tất cả các hướng dẫn hợp lý do ADA đưa ra vào từng thời điểm liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ;
- vi. provide such other services as are necessary for, or reasonably incidental or collateral to, the performance of its obligations under the PO.
cung cấp các dịch vụ khác cần thiết cho, hoặc phát sinh hợp lý hoặc bổ sung cho, việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Đơn Hàng.

3.2 The Supplier in the course of providing Goods and Services to ADA shall ensure its Personnel are:

Nhà Cung Cấp trong quá trình cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ cho ADA phải đảm bảo Nhân Sự của mình:

- a) highly qualified, certified, efficient, competent and experienced professionals capable of carrying the roles, duties and responsibilities of the Supplier for the purpose of executing the PO:
là các chuyên gia có trình độ cao, được chứng nhận, hiệu quả, có năng lực và kinh nghiệm để có thể thực hiện các vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp nhằm mục đích thực hiện Đơn Hàng;
- b) the Personnel shall devote all the time and attention to the performance of their work in relation to the providing the PO during the Term;
sẽ dành toàn bộ thời gian và sự chú ý để thực hiện công việc của họ liên quan đến việc cung cấp Đơn Hàng trong Thời Hạn;
- c) the Personnel shall exercise all care, skill and diligence in the performance of carrying out their obligations under the PO according to Best Industry Practice.
sẽ thực hiện tất cả sự quan tâm, kỹ năng và sự siêng năng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của họ theo Đơn Hàng theo Thực Tiễn Ngành Tốt Nhất.

3.3 Notwithstanding the aforementioned and anything stated to the contrary herein, the Supplier shall be fully responsible for the acts, omissions, defaults and neglect of the Personnel regardless of whether the Supplier has knowledge of the same.

Bất kể những điều đã nói ở trên và bất kỳ điều gì được nêu ngược lại trong tài liệu này, Nhà Cung Cấp sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hành vi, thiếu sót, sai sót và sơ suất của Nhân Sự bất kể Nhà Cung Cấp có biết về điều đó hay không.

3.4 Where ADA requires the Supplier to replace the services of any of the Personnel for any reasons whatsoever, ADA shall notify the Supplier accordingly in writing and the Supplier shall replace such Personnel of equivalent or requisite or higher skill, qualification, capability and experience. Any replacement of Personnel as may be requested by ADA shall be at the cost and expense of the Supplier and the Supplier shall ensure the replacement process would not disrupt or cause delays.

Trong trường hợp ADA yêu cầu Nhà Cung Cấp thay thế dịch vụ của bất kỳ Nhân Sự nào vì bất kỳ lý do gì, ADA sẽ thông báo cho Nhà Cung Cấp bằng văn bản và Nhà Cung Cấp sẽ thay thế Nhân Sự khác có kỹ năng, trình độ, năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc cần thiết hoặc cao hơn. Bất kỳ việc thay thế Nhân Sự nào theo yêu cầu của ADA sẽ thực hiện bằng chi phí của Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp phải đảm bảo quy trình thay thế sẽ không làm gián đoạn hoặc gây ra sự chậm trễ.

- 3.5 If for any reasons beyond the reasonable control of the Supplier, it becomes necessary to substitute any of the Personnel or if the Supplier determines in its reasonable judgement that it is appropriate to change or substitute any of the Personnel, the Supplier shall notify and consult ADA on a suitable replacement and provide a Personnel of equivalent, requisite or higher skill, qualifications, capability and experience reasonably acceptable to ADA and any cost incurred thereby in such replacement shall be borne by the Supplier.

Nếu, vì bất kỳ lý do nào ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Nhà Cung Cấp, cần phải thay thế bất kỳ Nhân Sự nào hoặc nếu Nhà Cung Cấp xác định, theo nhận định hợp lý của mình, rằng việc thay đổi hoặc thay thế bất kỳ Nhân Sự nào là phù hợp, thì Nhà Cung Cấp phải thông báo và tham khảo ý kiến của ADA liên quan đến việc thay thế phù hợp và cung cấp Nhân Sự có kỹ năng, trình độ, năng lực và kinh nghiệm tương đương, cần thiết hoặc cao hơn mà có thể chấp nhận cho ADA một cách hợp lý, và mọi chi phí phát sinh do việc thay thế đó sẽ do Nhà Cung Cấp chịu.

- 3.6 The Supplier shall ensure that the Personnel shall be bound by and comply with the confidentiality obligations as stated herein.

Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng Nhân Sự sẽ bị ràng buộc và tuân thủ các nghĩa vụ bảo mật như được nêu trong tài liệu này.

4. REPRESENTATIONS AND WARRANTIES

CÁC TUYÊN BỐ VÀ ĐẢM BẢO

- 4.1 **Mutual Representations and Warranties.** Each party represents and warrants that: (a) it is duly organized, validly existing, and in good standing in the jurisdiction it is formed; (b) its execution and delivery of this Agreement has been duly and validly authorized and this Agreement constitutes a valid, binding, and enforceable obligation upon its execution; and (c) it shall comply with all Applicable Laws in performing this Agreement.

Các Tuyên Bố và Đảm Bảo Chung. *Mỗi Bên tuyên bố và đảm bảo rằng: (a) Bên đó được thành lập hợp lệ, tồn tại hợp pháp và đang hoạt động tại khu vực tài phán mà bên đó thành lập; (b) việc ký kết và thực hiện Thỏa Thuận này bởi bên đó đã được chấp thuận hợp lệ và hợp pháp và Thỏa Thuận này cấu thành nghĩa vụ có hiệu lực, ràng buộc và có khả năng thi hành khi được ký kết; và (c) Bên đó sẽ tuân thủ toàn bộ Luật áp Dụng khi thực hiện Thỏa Thuận này.*

- 4.2 Supplier further represents and warrants that in respect of any Goods and Services:

Nhà Cung Cấp tuyên bố và bảo đảm rằng, đối với bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào:

- a) it has the right and authority to permit the use, reproduction, distribution, and transmission of the Goods and Services;

Nhà Cung Cấp có quyền và thẩm quyền cho phép sử dụng, sao chép, phân phối và truyền tải Hàng Hóa và Dịch Vụ;

- b) it has the right and authority to confer the rights and titles over the Goods and Services to ADA as outlined in the PO;

Nhà Cung Cấp có quyền và thẩm quyền để chuyển giao các quyền và quyền sở hữu đối với Hàng Hóa và Dịch Vụ cho ADA theo như quy định trong Đơn Hàng;

- c) the Goods and Services supplied by the Supplier are, at all times during the Term of, and as specified in, the PO:

Hàng Hóa và Dịch Vụ do Nhà Cung Cấp cung cấp tại mọi thời điểm trong Thời Hạn của, và như được quy định tại, Đơn Hàng:

- i. is factually accurate;

là đúng và chính xác;

- ii. does not contain any illegal, fraudulent or deceptive materials;

không chứa bất kỳ tài liệu bất hợp pháp, gian lận hoặc lừa đảo nào;

- iii. does not contain spyware, virus, malicious code or peer to peer applications;

không chứa phần mềm gián điệp, vi rút, mã độc hoặc các ứng dụng ngang hàng;

- iv. does not violate any laws, codes governing standards of practice, or industry best practices;
không vi phạm bất kỳ luật, quy tắc nào quản lý các tiêu chuẩn thực hành hoặc các thông lệ tốt nhất trong ngành;
- v. are new, unused, not secondhand and do not contain any used or reconditioned materials, unless ADA has agreed otherwise in writing;
là hàng hóa và dịch vụ mới, chưa qua sử dụng, không phải đồ cũ và không chứa bất kỳ vật liệu đã qua sử dụng hoặc tân trang nào, trừ khi ADA có thỏa thuận khác bằng văn bản;
- vi. has been disclosed to ADA in writing on the existence of any third party code including without limitation open source code, that is included in or is provided in connection with the Goods and Services and the Supplier is in compliance with all the licensing applicable to such third party code;
sự tồn tại của bất kỳ mã của bên thứ ba nào bao gồm nhưng không giới hạn ở mã nguồn mở, mà được bao gồm trong hoặc được cung cấp liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ, đã được tiết lộ cho ADA và Nhà Cung Cấp tuân thủ tất cả các giấy phép áp dụng cho mã của bên thứ ba đó;
- vii. shall not cause any loss or corruption of any ADA Data in any way including due to Supplier negligence and wilful misconduct and provided in such a manner so as not to detrimentally affect the operation or capacity of ADA Systems or any of ADA's networks or information technology or business systems;
không gây ra bất kỳ mất mát hoặc hư hỏng nào đối với bất kỳ Dữ Liệu ADA bằng bất kỳ cách thức nào bao gồm cả do sơ suất và cố ý của Nhà Cung Cấp, và được cung cấp theo cách không gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động hoặc khả năng của Hệ Thống ADA hoặc bất kỳ mạng hoặc công nghệ thông tin hoặc hệ thống kinh doanh nào của ADA;
- viii. not infringe any third party Intellectual Property Rights;
không vi phạm bất kỳ Quyền Sở Hữu Trí Tuệ nào của bên thứ ba;
- ix. are genuine, merchandisable, valid, functional, marketable and redeemable;
là hàng hóa chính hãng, có khả năng thương mại, hợp lệ, hoạt động tốt, có thể đưa ra thị trường và có thể được quy đổi;
- x. shall not be expired and shall have a reasonable remaining shelf life, with an expiry date sufficiently distant from the delivery date to allow for their proper use in the ordinary course of business;
không được hết hạn và phải còn thời hạn sử dụng hợp lý, với ngày hết hạn đủ xa so với ngày giao hàng để bảo đảm việc sử dụng phù hợp trong quá trình kinh doanh thông thường;
- xi. does not infringe confidentiality obligations owed to any third party; and
không vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với bất kỳ bên thứ ba; và
- xii. it has duly obtained and shall ensure that it shall obtain all necessary consents, licences, Intellectual Property Rights and authorisations to undertake in delivering the Goods and Services.
Nhà Cung Cấp đã có được một cách hợp lệ và đảm bảo rằng sẽ có được tất cả sự đồng ý, giấy phép, Quyền Sở Hữu Trí Tuệ và ủy quyền cần thiết để thực hiện trong việc cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ.

4.3 Unless specified in the PO, the Supplier further warrants the warranty period shall be at least twelve (12) months immediately following the written acceptance of the Goods and Services by ADA. If any defect occurs during the warranty period, the Supplier shall forthwith, at its own cost and expense repair or replace the Goods and Services, failing which, ADA may repair, or replace it and the Supplier shall reimburse ADA for all costs and expenses incurred relating thereto. During the warranty period, ADA will not be required to pay for the proportion of work other than those specified under this Agreement.

Trừ khi được quy định trong Đơn Hàng, Nhà Cung Cấp đảm bảo thêm rằng thời gian bảo hành sẽ là ít nhất mười hai (12) tháng ngay sau khi ADA chấp nhận Hàng Hóa và Dịch Vụ bằng văn bản. Nếu có bất kỳ khiếm khuyết nào xảy ra trong thời gian bảo hành, Nhà Cung Cấp sẽ ngay lập tức sửa

chữa hoặc thay thế Hàng Hóa và Dịch Vụ bằng chi phí của mình, nếu không thì ADA có thể sửa chữa hoặc thay thế nó và Nhà Cung Cấp sẽ bồi hoàn cho ADA mọi phí và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc thay thế đó. Trong thời gian bảo hành, ADA sẽ không phải thanh toán cho phần công việc ngoài những công việc được quy định trong Thỏa Thuận này.

- 4.4 **Breach of Warranty.** Without prejudice to any other remedies available to ADA, if a breach of any of the Warranties occurs, then, the Supplier must at its own risk and cost, undertake its obligations in relation to the Goods and Services including to perform the support services and promptly repair, replace, upgrade or improve the Deliverables so that it complies with the Warranties under the PO.

Vi Phạm Đảm Bảo. Không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác của ADA, nếu xảy ra vi phạm bất kỳ Bảo Đảm nào thì Nhà Cung Cấp phải tự chịu rủi ro và chi phí, thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ, bao gồm cả việc thực hiện các dịch vụ hỗ trợ và nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa, thay thế, nâng cấp hoặc cải tiến Giao Phẩm để Nhà Cung Cấp tuân thủ các Bảo Đảm theo Đơn Hàng.

5. ACCEPTANCE

PHÊ DUYỆT

- 5.1 The Supplier shall ensure that its Personnel will undertake and complete the Deliverables in accordance with the Timelines. The Supplier shall notify ADA in writing upon completion of all Deliverables. If the Deliverables are in accordance with the provisions of this Agreement, ADA shall then accept the Deliverables by way of issuance of a formal, written acceptance by an authorised representative of ADA ("**Final Sign-off**").

Nhà Cung Cấp đảm bảo rằng Nhân Sự của mình sẽ thực hiện và hoàn thành Giao Phẩm theo đúng Thời Gian Biểu. Nhà Cung Cấp phải thông báo cho ADA bằng văn bản sau khi hoàn thành tất cả các Giao Phẩm. Nếu Giao Phẩm phù hợp với các quy định của Thỏa Thuận này thì ADA sẽ phê duyệt Giao Phẩm bằng cách phát hành văn bản đồng ý chính thức bởi người đại diện được ủy quyền của ADA ("**Phê Duyệt Cuối Cùng**").

- 5.2 Prior to the issuance of the Final Sign-Off, ADA will notify the Supplier of any non-conformance of the Deliverables, specifying any requirement of the non-conformance and the Supplier shall assess the non-conformance and take corrective steps to rectify the same to complete the Deliverables upon notification of such non-conformance by ADA. Such corrective steps taken by the Supplier for rectification to conform to ADA's requirements shall be at no additional cost to ADA.

Trước khi đưa ra Phê Duyệt Cuối Cùng, ADA sẽ thông báo cho Nhà Cung Cấp về mọi điểm không tuân thủ của Giao Phẩm, nêu rõ mọi yêu cầu về sự không tuân thủ đó và Nhà Cung Cấp sẽ đánh giá sự không tuân thủ và thực hiện các bước khắc phục để khắc phục sự không tuân thủ đó để hoàn thiện Giao Phẩm sau khi ADA thông báo. Các bước khắc phục này sẽ do Nhà Cung Cấp thực hiện để phù hợp với yêu cầu của ADA và sẽ không phát sinh thêm phí cho ADA.

- 5.3 In the event the Supplier fails to rectify the non-conformance within 90 days after being notified by ADA, ADA shall have the right to terminate the PO.

Trong trường hợp Nhà Cung Cấp không khắc phục sự không tuân thủ trong vòng 90 ngày sau khi được ADA thông báo, ADA có quyền chấm dứt Đơn Hàng.

6. VARIATIONS

THAY ĐỔI

- 6.1 ADA may at any time during the Term of the PO, require the Supplier to revise the dates and time specified in the implementation plan for the delivery, including the date for acceptance of the Goods and Services, or to undertake any reasonable alteration or addition to or omission from the Goods and Services ("**Variation**").

ADA có thể, vào bất kỳ thời điểm trong Thời Hạn của Đơn Hàng, yêu cầu Nhà Cung Cấp thay đổi ngày và giờ được chỉ định trong kế hoạch thực hiện giao hàng, bao gồm cả ngày chấp nhận Hàng Hóa và Dịch Vụ hoặc thực hiện bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung hợp lý nào hoặc thiếu sót trong Hàng Hóa và Dịch Vụ ("**Thay Đổi**").

- 6.2 In such a case, the Supplier shall analyse the impact on the Timelines, costs and whether changes would be required to be made to the Goods and Services.

Trong trường hợp đó, Nhà Cung Cấp phải phân tích tác động đến Thời Gian Biểu, chi phí và liệu có cần bất kỳ thay đổi nào đối với Hàng Hóa và Dịch Vụ hay không.

- 6.3 Any such changes referred to in Clause 6.2 shall require the mutual written agreement of the Parties.

Bất kỳ thay đổi nào nêu tại Khoản 6.2 phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

- 6.4 If the effect of the Variation is that the Supplier shall still be able to deliver the Goods and Services within the Timelines, the Supplier shall not be entitled to any upward variation to the Fees and the Timelines as stated in the PO.

Nếu ảnh hưởng của Thay Đổi là Nhà Cung Cấp vẫn có thể giao Hàng Hóa và Dịch Vụ theo Thời Gian Biểu thì Nhà Cung Cấp sẽ không được hưởng bất kỳ sự điều chỉnh tăng nào đối với Phí và Thời Gian Biểu như đã nêu trong Đơn Hàng.

7. BILLING

THANH TOÁN

- 7.1 **Fees.** In consideration of the Supplier providing, undertaking and completing the delivery of the Goods and Services in accordance with this Agreement, ADA shall pay the Supplier the amount stated in the PO.

Phí. Trên cơ sở xem xét việc Nhà Cung Cấp cung cấp, thực hiện và hoàn thành việc giao Hàng Hóa và Dịch Vụ theo Thỏa Thuận này, ADA sẽ thanh toán cho Nhà Cung Cấp số tiền nêu trong Đơn Hàng.

- 7.2 **Billing and Payment.** Unless otherwise stated on the PO, invoicing shall be one hundred percent (100%) of the PO value upon written acceptance of the Goods and Services by ADA. Unless otherwise stated in the PO, the payment term is 45 days upon receipt of a valid and correct invoice together with all the relevant supporting documents. All payments under the PO are without prejudice to ADA's claims, rights, or remedies. Invoices issued by the Supplier shall not contain any terms which would add additional terms or would amend, alter, revise or vary the terms as contained in this Agreement. In the event the invoices contain any such term, the Parties agree that such terms shall not apply to this Agreement.

Lập Hóa Đơn và Thanh Toán. Trừ khi có quy định khác tại Đơn Hàng, hóa đơn được xuất sẽ là một trăm phần trăm (100%) giá trị Đơn Hàng khi ADA phê duyệt Hàng Hóa và Dịch Vụ bằng văn bản. Trừ khi có quy định khác trong Đơn Hàng, thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn hợp lệ và chính xác cùng với tất cả các chứng từ hỗ trợ liên quan. Tất cả các khoản thanh toán theo Đơn Hàng sẽ không ảnh hưởng đến các khiếu nại, quyền hoặc biện pháp khắc phục của ADA. Hóa đơn do Nhà Cung Cấp phát hành không được chứa bất kỳ điều khoản nào mà có thể làm phát sinh điều khoản mới hoặc sửa đổi, thay đổi, điều chỉnh hay làm khác đi các điều khoản trong Thỏa Thuận này. Trong trường hợp hóa đơn có chứa bất kỳ điều khoản nào như vậy, Các Bên đồng ý rằng những điều khoản đó sẽ không được áp dụng cho Thỏa Thuận này.

- 7.3 **Dispute.** ADA may raise a query over or dispute the accuracy of the documents submitted by the Supplier by providing relevant details and reason for raising the query or dispute to the Supplier within 14 days from the receipt of such documents.

Tranh Chấp. ADA có thể nêu câu hỏi hoặc tranh chấp về tính chính xác của các tài liệu do Nhà Cung Cấp nộp bằng cách cung cấp các thông tin liên quan và lý do nêu câu hỏi hoặc tranh chấp cho Nhà Cung Cấp trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được các tài liệu đó.

- 7.4 **Suspension of Payment.** ADA shall have the right to withhold any part of the payments if ADA is not satisfied with the performance of the Supplier or if there is a suspicious activity by the Supplier and the Supplier fails to rectify and make good any issues raised by ADA in relation to the Deliverables to the reasonable satisfaction of ADA.

Đình Chỉ Thanh Toán. ADA có quyền giữ lại một phần bất kỳ của các khoản thanh toán nếu ADA không hài lòng với việc thực hiện của Nhà Cung Cấp hoặc nếu có hoạt động đáng ngờ từ phía Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp không khắc phục, sửa chữa các vấn đề do ADA nêu ra liên quan đến các Giao Phẩm đạt yêu cầu hợp lý của ADA.

- 7.5 **Taxes.** Unless otherwise stated in the PO, the price includes all applicable taxes, duties and charges. Supplier shall separately invoice ADA for any sales or similar turnover taxes or charges that the Supplier is required by law to collect from ADA. Invoices shall be in the appropriate format required by local law to permit the deduction of payments for income tax purposes by ADA.

Thuế. Trừ khi có quy định khác trong Đơn Hàng, giá bao gồm tất cả các loại thuế, phí và lệ phí hiện hành. Nhà Cung Cấp phải lập hóa đơn riêng cho ADA cho mọi khoản thuế hoặc phí bán hàng hoặc doanh thu tương tự mà pháp luật yêu cầu Nhà Cung Cấp phải thu từ ADA. Hóa đơn phải ở định dạng thích hợp theo yêu cầu của luật pháp địa phương để cho phép ADA khấu trừ các khoản thanh toán cho mục đích thuế thu nhập.

- a) Where Goods and Services Tax ("GST"), Value Added Tax ("VAT"), Sales and Service Tax ("SST") or tax of similar nature is applicable on any Goods and Services supplied under the PO, ADA shall pay for the GST, VAT, SST, or tax of similar nature under each invoice provided that the Supplier has complied with the following: (a) the Supplier is duly licensed

with the relevant authorities to collect GST or tax of similar nature; (b) GST or tax of similar nature for each invoice is included under the relevant invoice at the time of the issuance of the invoice; and (c) all invoices provided by the Supplier to ADA complies with the relevant laws relating to GST or tax of similar nature enforced by the authorities.

Trường hợp Thuế Hàng hóa và Dịch vụ ("GST"), Thuế Giá trị Gia tăng ("VAT"), Thuế Bán hàng và Dịch vụ ("SST") hoặc thuế có tính chất tương tự được áp dụng đối với bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào được cung cấp theo Đơn Hàng, ADA sẽ thanh toán GST, VAT, SST hoặc thuế có tính chất tương tự theo mỗi hóa đơn với điều kiện Nhà Cung Cấp đã tuân thủ những điều sau: (a) Nhà Cung Cấp được cơ quan liên quan cấp phép hợp lệ để thu GST hoặc thuế có tính chất tương tự; (b) GST hoặc thuế có tính chất tương tự đối với từng hóa đơn được bao gồm trong hóa đơn liên quan tại thời điểm phát hành hóa đơn; và (c) tất cả hóa đơn do Nhà Cung Cấp cung cấp cho ADA đều tuân thủ các luật liên quan liên quan đến GST hoặc thuế có tính chất tương tự do cơ quan có thẩm quyền thực thi.

- b) The Supplier shall be responsible for complying with all applicable tax laws and regulations including but not limited to the filing of any statutory tax returns. The Supplier agrees to keep ADA harmless against any claims or penalties that may be imposed on ADA by reason of the failure of the Supplier to comply with its obligations under applicable tax laws.

Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành về thuế, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc nộp bất kỳ tờ khai thuế theo luật định nào. Nhà Cung Cấp đồng ý giữ cho ADA không bị ảnh hưởng trước mọi khiếu nại hoặc hình phạt có thể áp dụng đối với ADA do Nhà Cung Cấp không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo luật thuế hiện hành.

- 7.6 **Withholding Tax.** If ADA is required by law to make any deduction or withholding of any sum otherwise payable to Supplier under the PO, ADA is entitled to deduct or withhold such amount and effect payment thereof to the relevant tax authority. ADA will upon request from the Supplier, provide the Supplier with official tax receipts or other evidence issued by the applicable tax authorities sufficient to establish that any taxes which are withheld have been paid by ADA. If the Supplier is entitled to a preferential tax rate through tax residency under the relevant treaty or convention, the Supplier may furnish to ADA the evidence by way of letter or certificate issued by the relevant tax authority confirming the tax residence status of the Supplier. Upon receipt of the evidence, ADA shall implement the appropriate preferential tax rate.

***Thuế Khấu Trừ.** Nếu luật pháp yêu cầu ADA thực hiện bất kỳ khoản khấu trừ hoặc giữ lại bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà Cung Cấp theo Đơn Hàng thì ADA có quyền khấu trừ hoặc giữ lại số tiền đó và đồng số tiền đó cho cơ quan thuế liên quan. ADA sẽ, theo yêu cầu của Nhà Cung Cấp, cung cấp cho Nhà Cung Cấp biên lai thuế chính thức hoặc bằng chứng khác do cơ quan thuế hiện hành cấp đủ để chứng minh rằng mọi khoản thuế khấu trừ đã được ADA đóng. Nếu Nhà Cung Cấp được hưởng mức thuế suất ưu đãi thông qua việc cư trú thuế theo hiệp ước hoặc công ước có liên quan thì Nhà Cung Cấp có thể cung cấp cho ADA bằng chứng bằng thư hoặc giấy chứng nhận do cơ quan thuế có liên quan cấp xác nhận tình trạng cư trú thuế của Nhà Cung Cấp. Sau khi nhận được bằng chứng, ADA sẽ áp dụng mức thuế suất ưu đãi phù hợp.*

- 7.7 **Set off.** ADA may deduct from monies otherwise due to Supplier, any amount due from Supplier to ADA in connection with this Agreement.

***Cấn Trừ.** ADA có thể khấu trừ từ các khoản tiền phải trả cho Nhà Cung Cấp, bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà Cung Cấp phải trả cho ADA liên quan đến Thỏa Thuận này.*

- 7.8 **Late Billing.** ADA is not liable to pay Supplier, and Supplier must not invoice ADA for any amount in respect of any Goods and Services provided under this Agreement, where the invoice for such Goods and Services is received by ADA more than three (3) months after the last date on which such amount should have been invoiced in accordance with Clause 7.

***Yêu Cầu Thanh Toán Trễ.** ADA không có trách nhiệm thanh toán cho Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp sẽ không được lập hóa đơn cho ADA cho bất kỳ số tiền nào liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ được cung cấp theo Thỏa Thuận này, trong trường hợp ADA nhận được hóa đơn cho Hàng Hóa và Dịch Vụ đó trễ hơn ba (3) tháng kể từ ngày cuối cùng mà số tiền đó lẽ ra phải được lập hoá đơn theo Khoản 7.*

8. TERM AND TERMINATION

THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT

- 8.1 This Agreement shall be effective during the Term unless terminated in accordance with this Agreement.

Thỏa Thuận này sẽ có hiệu lực trong Thời Hạn trừ khi được chấm dứt theo quy định tại Thỏa Thuận.

- 8.2 Notwithstanding any provision to the contrary in this Agreement, either Party may, without prejudice to any of its other rights and remedies, terminate this Agreement by serving written notice on the other Party if:

Bất kể bất kỳ điều khoản trái ngược nào trong Thỏa Thuận này, mỗi Bên có thể, không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào khác của mình, chấm dứt Thỏa Thuận này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia nếu:

- a) the other Party commits a material breach of any of its obligations under this Agreement and such Party fails to remedy such breach (if capable of remedy) within two (2) weeks after being given the notice to do so;

Bên kia vi phạm nghiêm trọng bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Thỏa Thuận này và Bên đó không khắc phục vi phạm đó (nếu có khả năng khắc phục) trong vòng hai (2) tuần sau khi nhận được thông báo yêu cầu khắc phục;

- b) any of the representations and/or warranties made by the other Party is untrue, incorrect or misleading;

bất kỳ tuyên bố và/hoặc đảm bảo nào của Bên kia là không đúng sự thật, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn;

- c) the other Party shall go into liquidation whether compulsory or voluntary (otherwise than for the purposes of restructuring or amalgamation which shall have been approved in advance); or if a petition shall be presented or an order made for the appointment of an administrator in relation to the other Party or if a receiver, administrative receiver, judicial manager or manager shall be appointed over any part of the assets or undertaking of the other Party and such appointment is not revoked within thirty (30) days from the date of such appointment; or

Bên kia tiến hành thanh lý, dù là bắt buộc hay tự nguyện (trừ mục đích tái cơ cấu hoặc hợp nhất đã được phê duyệt trước); hoặc nếu có đơn yêu cầu hoặc lệnh bổ nhiệm người quản lý liên quan đến Bên kia hoặc nếu người tiếp nhận, người tiếp nhận hành chính, người quản lý tư pháp hoặc người quản lý được chỉ định đối với bất kỳ phần tài sản hoặc cam kết nào của bên kia Bên và việc bổ nhiệm đó không bị thu hồi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày bổ nhiệm; hoặc

- d) it becomes illegal or unlawful for either Party to perform any of its duties and obligations under this Agreement;

một trong hai Bên thực hiện bất kỳ nhiệm vụ và nghĩa vụ nào của mình theo Thỏa Thuận này trở nên bất hợp pháp hoặc trái phát luật;

- e) ADA receives a notice from the Supplier pursuant to Clause 17 or ADA has reasonable belief that this may occur; or

ADA nhận được thông báo từ Nhà Cung Cấp theo Khoản 17 hoặc ADA có cơ sở hợp lý để tin rằng việc này có thể xảy ra; hoặc

- f) the Declaration is found by ADA to be false, incomplete or misleading;

Tuyên Bố bị ADA xác định là sai, không đầy đủ hoặc gây hiểu nhầm;

- g) ADA has reasonable grounds to believe that the Supplier, or any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents, or subcontractors, is or has become a Sanctioned Person, or is owned, controlled by, or acting on behalf of a Sanctioned Person;

ADA có căn cứ hợp lý để tin rằng Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ nào của Nhà Cung Cấp là hoặc đã trở thành Người Bị Trừng Phạt, hoặc thuộc sở hữu, chịu sự kiểm soát của, hoặc hành động thay mặt cho một Người Bị Trừng Phạt;

- h) ADA has reasonable grounds to believe that the Supplier, or any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents, or subcontractors has violated or potentially violated the Sanctions Laws; or

ADA có căn cứ hợp lý để tin rằng Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ nào của Nhà Cung Cấp đã vi phạm hoặc có khả năng vi phạm các Luật Về Lệnh Trừng Phạt; hoặc

- i) ADA has reasonable grounds to believe that the Supplier, or any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents, or subcontractors has entered into any contract, transaction, agreement, arrangement or otherwise engaged in any

commercial activity that could violate the Sanctions Laws or reasonably be expected to result in it being designated as a Sanctioned Person.

ADA có căn cứ hợp lý để tin rằng Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ nào của Nhà Cung Cấp đã ký kết bất kỳ hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, sắp xếp nào hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động thương mại nào có thể vi phạm các Luật Về Lệnh Trừng Phạt hoặc có khả năng dẫn đến việc Nhà Cung Cấp bị liệt kê là Người Bị Trừng Phạt.

- 8.3 Without affecting any other right or remedy available to it, ADA may terminate or suspend any portion of this Agreement with immediate effect by written notice to the Supplier if the Supplier's representations and warranties under Clause 4 were found to be untrue or inaccurate.

Không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác của mình, ADA có thể chấm dứt hoặc đình chỉ bất kỳ phần nào của Thỏa Thuận này với hiệu lực ngay lập tức bằng văn bản thông báo cho Nhà Cung Cấp nếu tuyên bố và bảo đảm của Nhà Cung Cấp theo Khoản 4 được phát hiện là không đúng sự thật hoặc không chính xác.

- 8.4 ADA may terminate this Agreement in its entirety at any time without cause or liability, by providing the Supplier with fourteen (14) days' prior written notice.

ADA có thể chấm dứt toàn bộ Thỏa Thuận này vào bất kỳ lúc nào mà không cần nguyên nhân hoặc trách nhiệm pháp lý bằng cách gửi cho Nhà Cung Cấp thông báo bằng văn bản trước mười bốn (14) ngày.

- 8.5 Upon termination:

Khi chấm dứt:

- a) other than the provisions expressly provided in this Agreement to survive termination or which, by their nature, are intended to survive termination, this Agreement shall terminate and cease to have any further force or effect;

ngoài các điều khoản được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận là sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi Thỏa Thuận chấm dứt hoặc, vì bản chất của điều khoản đó, được dự định là sẽ tiếp tục tồn tại sau khi chấm dứt, Thỏa Thuận này sẽ chấm dứt và không còn hiệu lực nữa;

- b) the Supplier shall immediately invoice to ADA all outstanding unpaid invoices in respect of any portion of the Goods and Services supplied but for which no invoice has been submitted;

Nhà Cung Cấp phải ngay lập tức lập hóa đơn cho ADA cho tất cả các hóa đơn chưa thanh toán còn tồn đọng đối với bất kỳ phần Hàng Hóa và Dịch Vụ nào được cung cấp nhưng chưa lập hóa đơn;

- c) the Supplier shall permanently destroy, or return to ADA and other relevant member(s) of ADA Group, all Confidential Information or deal with the same in the manner instructed by ADA and other relevant member(s) of ADA Group, within the earlier of the time period required under law (if any) and fourteen (14) days after the termination or expiry of this Agreement.

Nhà Cung Cấp phải hủy vĩnh viễn hoặc trả lại cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA, tất cả Thông Tin Bí Mật hoặc xử lý Thông Tin Bí Mật theo cách được ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA hướng dẫn, trong khoảng thời gian được pháp luật yêu cầu (nếu có) hoặc mười bốn (14) ngày sau khi Thỏa Thuận này chấm dứt hoặc hết hạn, tùy thời hạn nào sớm hơn.

- d) no Party shall in any way exhibit any links or display any information that would lead any person to believe that ADA or other members of ADA Group and the Supplier are linked or related in any manner;

không Bên nào được hiển thị bất kỳ liên kết hoặc thể hiện bất kỳ thông tin, bằng bất kỳ cách nào nào, mà sẽ khiến bất kỳ người nào tin rằng ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA và Nhà Cung Cấp là có liên kết hoặc liên quan dưới bất kỳ hình thức nào;

- e) the Supplier hereby irrevocably assigns, transfers and conveys to ADA the Intellectual Property Rights in the Deliverables and parts thereof delivered to ADA as at the date of termination of this Agreement, upon payment by ADA of the amounts it is liable to pay as referred to in this Clause 8.3;

Nhà Cung Cấp theo đây nhượng lại, chuyển giao và chuyển nhượng một cách không hủy ngang cho ADA Quyền Sở Hữu Trí Tuệ đối với Giao Phẩm và các bộ phận của chúng mà đã được giao cho ADA vào ngày chấm dứt Thỏa Thuận này, khi ADA thanh toán số tiền mà ADA có trách nhiệm phải trả như được tham chiếu đến tại Khoản 8.3 này;

- f) except as expressly set out in Clause 9, the Intellectual Property Rights owned by a particular Party shall not at any time thereafter be used by the other Party for any purpose whatsoever;
trừ khi được quy định rõ ràng tại Khoản 9, Quyền Sở Hữu Trí Tuệ thuộc sở hữu của một Bên cụ thể sẽ không được Bên kia sử dụng vào bất kỳ thời điểm nào sau đó cho bất kỳ mục đích nào;
- g) ADA shall only be liable to pay the Supplier in accordance with Clause 8.3;
ADA chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho Nhà Cung Cấp theo Khoản 8.3;
- h) ADA shall not be liable to the Supplier by virtue of early termination of this Agreement, including but not limited to any claim for loss of profits and revenue or prospective profits.
ADA sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà Cung Cấp do việc chấm dứt sớm Thỏa Thuận này, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ khiếu nại nào về việc mất lợi nhuận và doanh thu hoặc lợi nhuận tiềm năng.
- 8.6 Termination or expiry of this Agreement shall not affect any rights, remedies, obligations or liabilities of the Parties that have accrued up to the date of termination or expiry, including the right to claim damages in respect of any breach of this Agreement which existed at or before the date of termination or expiry.
Việc Thỏa Thuận này chấm dứt hoặc hết hạn sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, biện pháp khắc phục, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý nào của Các Bên mà đã phát sinh cho đến ngày chấm dứt hoặc hết hạn, bao gồm cả quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bất kỳ vi phạm nào đối với Thỏa Thuận này mà đã tồn tại vào hoặc trước ngày chấm dứt hoặc hết hạn.
- 8.7 All terms of this Agreement which, by their nature, are intended to survive termination of this Agreement will survive termination, including but not limited to all payment obligations, use restrictions, confidentiality obligations, data security and protection, indemnification obligations, and limitations of liability.
Tất cả các điều khoản của Thỏa Thuận này mà, vì bản chất của điều khoản đó, được dự định là sẽ tiếp tục tồn tại khi Thỏa Thuận này chấm dứt, sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực khi chấm dứt, bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các nghĩa vụ thanh toán, hạn chế sử dụng, nghĩa vụ bảo mật, bảo mật và bảo vệ dữ liệu, nghĩa vụ bồi hoàn và giới hạn trách nhiệm pháp lý.

9. INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 9.1 The Supplier acknowledges and agrees that all rights, title and interest in and to all Intellectual Property Rights vested in ADA are and shall remain with ADA. The ADA name, all ADA logos, and the product names associated with the Goods and Services are trademarks of ADA, its licensors, or third parties, and nothing contained in this Agreement shall be construed as conferring any rights to the Supplier therein. The Supplier shall not remove any ADA trademark or logo from the Goods and Services, if applicable.
Nhà Cung Cấp thừa nhận và đồng ý rằng tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong và đối với tất cả các Quyền Sở Hữu Trí Tuệ được cấp cho ADA đang và sẽ vẫn thuộc về ADA. Tên ADA, tất cả logo ADA và tên sản phẩm liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ là thương hiệu của ADA, người cấp phép của ADA hoặc bên thứ ba và không có nội dung nào trong Thỏa Thuận này sẽ được hiểu là trao bất kỳ quyền nào trong đó cho Nhà Cung Cấp. Nhà Cung Cấp không được xóa bất kỳ nhãn hiệu hoặc logo ADA khỏi Hàng Hóa và Dịch Vụ, nếu có.
- 9.2 Each party will own and retain all rights to its pre-existing IP and any IP developed independently of the Goods and Services, Deliverables under the PO, including any of such Party's IP rights therein.
Mỗi Bên sẽ sở hữu và giữ lại toàn bộ quyền đối với Quyền SHTT đã tồn tại trước đó của mình và bất kỳ Quyền SHTT nào được phát triển độc lập, không liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ, Giao Phẩm theo Đơn Hàng, bao gồm cả bất kỳ quyền nào của Quyền SHTT của Bên đó trong Hàng Hóa và Dịch Vụ, Giao Phẩm.
- 9.3 ADA will own all Deliverables, including all Intellectual Property Rights, all media, data in any format, hardware, and other tangible materials created by Supplier while delivering the Services. Any Supplier work which is a written or customized product, data or report related to, or to be used in, a Deliverable is regarded as Intellectual Property Rights.
ADA sẽ sở hữu toàn bộ Giao Phẩm, bao gồm toàn bộ Quyền Sở Hữu Trí Tuệ, mọi hình thức phương tiện, dữ liệu dưới bất kỳ định dạng nào, phần cứng và các tài liệu hữu hình khác được tạo ra bởi Nhà

Cung Cấp trong quá trình cung cấp Dịch Vụ. Bất kỳ công việc nào của Nhà Cung Cấp là sản phẩm bằng văn bản hoặc được thực hiện theo yêu cầu, dữ liệu hoặc báo cáo có liên quan đến, hoặc được sử dụng trong, một Giao Phẩm đều được xem là Quyền Sở Hữu Trí Tuệ.

- 9.4 If Deliverables do not qualify as a work made for hire, the Supplier agrees assigns to ADA all right, title, and interest in and to the Deliverables, including all Intellectual Property Rights. The Supplier waives all moral rights in Deliverables.

Nếu Giao Phẩm không đủ điều kiện để được xem là tác phẩm được thuê thực hiện, Nhà Cung Cấp đồng ý chuyển nhượng cho ADA toàn bộ quyền, danh nghĩa và lợi ích đối với Các Giao Phẩm, bao gồm toàn bộ Quyền Sở Hữu Trí Tuệ. Nhà Cung Cấp từ bỏ mọi quyền nhân thân đối với Các Giao Phẩm.

- 9.5 If the Supplier uses any the Supplier or third-party intellectual property in any Goods and Services, Supplier will continue to own Supplier's intellectual property rights.

Nếu Nhà Cung Cấp sử dụng bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào của Nhà Cung Cấp hoặc của bên thứ ba trong bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào, Nhà Cung Cấp sẽ tiếp tục sở hữu các quyền sở hữu trí tuệ đó của Nhà Cung Cấp.

- 9.6 The Supplier will grant ADA a worldwide, nonexclusive, perpetual, irrevocable, royalty-free, fully paid-up right and license, under all current and future Intellectual Property Rights, to use Supplier's and third-party intellectual property consistent with ADA ownership interests under this Clause 9.

Nhà Cung Cấp sẽ cấp cho ADA quyền và giấy phép sử dụng, trên phạm vi toàn cầu, không độc quyền, vĩnh viễn, không thể hủy ngang, miễn phí bản quyền và đã được thanh toán toàn bộ, theo mọi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ hiện tại và tương lai, quyền sở hữu trí tuệ của Nhà Cung Cấp và của bên thứ ba phù hợp với quyền sở hữu của ADA theo Khoản 9 này.

- 9.7 The Supplier grants to ADA and its affiliated companies (including their employees, contractors, consultants, outsourced workers, and interns engaged by ADA or any of its affiliated companies to perform services) a worldwide, irrevocable, nonexclusive, perpetual, paid-up and royalty free license for any Goods and Services that include software, data or other intellectual property not subject to a mutually executed separate license (including installed applications). The license allows ADA to use such software, data and intellectual property in connection with Goods and Services. ADA may transfer this license to ADA affiliated Supplier, or a successor owner by sale or lease.

Nhà Cung Cấp cấp cho ADA và các Nhà Cung Cấp liên kết của ADA (bao gồm cả nhân viên, nhà thầu, tư vấn viên, lao động thuê ngoài và thực tập sinh được ADA hoặc các công ty liên kết của ADA thuê để thực hiện dịch vụ) quyền, trên phạm vi toàn cầu, không thể hủy ngang, không độc quyền, vĩnh viễn, miễn phí và đã thanh toán đầy đủ, đối với tất cả Hàng Hóa và Dịch Vụ mà bao gồm phần mềm, dữ liệu hoặc quyền sở hữu trí tuệ khác không thuộc phạm vi của một thỏa thuận cấp phép riêng được hai bên ký kết (bao gồm cả các ứng dụng được cài đặt). Quyền này cho phép ADA sử dụng phần mềm, dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Hàng Hóa và Dịch Vụ đó. ADA có thể chuyển giao quyền này cho công ty liên kết của ADA hoặc cho chủ sở hữu kế thừa thông qua việc bán hoặc cho thuê.

- 9.8 The Supplier assigns and passes through to ADA all of the third-party manufacturers' and licensors' warranties and indemnities for the Goods and Services

Nhà Cung Cấp chuyển nhượng và chuyển giao cho ADA toàn bộ các bảo hành và bồi hoàn của nhà sản xuất và bên cấp phép thứ ba đối với Hàng Hóa và Dịch Vụ.

- 9.9 The licenses in Clauses 9 are perpetual and shall survive the expiry or termination of this Agreement.

Các quyền và giấy phép theo Khoản 9 có hiệu lực vĩnh viễn và sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi Thỏa Thuận này hết hạn hoặc bị chấm dứt.

- 9.10 The Supplier shall indemnify and hold ADA harmless against any and all third party claims, actions and demands that the use of the rights granted by the Supplier herein infringes any rights of such third party and shall indemnify ADA against any damages and expenses (including reasonable legal costs and expenses) which may be awarded or agreed to be paid to any such third party in respect of any such claim or action against ADA.

Nhà Cung Cấp sẽ bồi hoàn và giữ cho ADA không bị tổn hại trước bất kỳ và tất cả các khiếu nại, hành động và yêu cầu của bên thứ ba rằng việc sử dụng các quyền do Nhà Cung Cấp cấp trong Thỏa Thuận này vi phạm bất kỳ quyền nào của bên thứ ba đó và sẽ bồi hoàn cho ADA mọi thiệt hại và chi phí (bao gồm cả phí và chi phí pháp lý hợp lý) mà có thể được trao cho hoặc được đồng ý thanh toán cho bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến bất kỳ khiếu nại hoặc hành động nào chống lại ADA.

- 9.11 All rights not expressly granted in this Agreement are reserved by ADA.

Tất cả các quyền không được cấp rõ ràng trong Thỏa Thuận này đều được ADA bảo lưu.

10. INDEMNIFICATION AND LIMITS OF LIABILITY

BỒI HOÀN VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

- 10.1 The Supplier will defend, hold harmless, settle, pay damages and indemnify ADA, its directors, officers, employees and its customers, and their respective successors and assigns, with regards to any and all claims, actions, liabilities, losses, expenses, damages and costs (including without limitation, reasonable attorney's fees) that may at any time be incurred by ADA and its Affiliates by reason of any claims, suits or proceedings made by a third party for libel, defamation, violation of right of privacy or publicity, breach of contract, copyright infringement, trademark infringement or other infringement of any third party right, fraud, breach of any terms in the Agreement, misrepresentation, product liability or violation of any law, statute, ordinance, rule or regulation including any breach of confidential information, data protection, non-solicitation and anti-bribery.

Nhà Cung Cấp sẽ bảo vệ, giữ vô hại, giải quyết, bồi thường thiệt hại và bồi hoàn cho ADA, các giám đốc, cán bộ, người lao động và khách hàng của ADA cũng như những người kế thừa và người được chuyển nhượng tương ứng của họ, liên quan đến bất kỳ và tất cả các khiếu nại, hành động, trách nhiệm, tổn thất, chi phí, thiệt hại và chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn phí luật sư hợp lý) mà ADA và các Bên Liên Kết của ADA có thể phải chịu vào bất kỳ lúc nào vì bất kỳ khiếu nại, vụ kiện hoặc thủ tục nào do bên thứ ba thực hiện vì bồi nhọ, phỉ báng, p vi phạm quyền riêng tư hoặc công khai, vi phạm hợp đồng, vi phạm bản quyền, vi phạm nhãn hiệu hoặc vi phạm khác đối với bất kỳ quyền nào của bên thứ ba, gian lận, vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Thỏa Thuận, tuyên bố sai, trách nhiệm sản phẩm hoặc vi phạm bất kỳ luật, sắc lệnh, quy tắc hoặc quy định nào bao gồm cả những hành vi vi phạm bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu, không lôi kéo và chống hối lộ.

- 10.2 The Supplier shall further indemnify ADA for any other unlawful conduct engaged or non-compliance with any Applicable Laws and regulations by the Supplier in relation to the performance of its obligations under this Agreement; and/or any fines, penalties or compensation imposed by any governmental authority on ADA, in respect of ADA's purchase of the Goods and Services, where such fines, penalties or compensation were incurred by ADA as a result of ADA's reliance on the Supplier's representations, warranties and undertakings.

Nhà Cung Cấp sẽ bồi hoàn cho ADA đối với bất kỳ hành vi trái pháp luật nào khác hoặc sự không tuân thủ bất kỳ Luật Áp Dụng và quy định hiện hành nào của Nhà Cung Cấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này; và/hoặc bất kỳ khoản tiền phạt, hình phạt hoặc bồi thường nào do bất kỳ cơ quan chính phủ nào áp dụng đối với ADA đối với việc mua Hàng Hóa và Dịch Vụ bởi ADA, trong trường hợp các khoản tiền phạt, hình phạt hoặc bồi thường đó phát sinh cho ADA vì ADA tin tưởng vào các tuyên bố, bảo đảm và cam kết của Nhà Cung Cấp.

- 10.3 In the course of defending, settling or paying damages on behalf of ADA, the Supplier shall not make any admission of fault or liability on behalf of ADA or its Affiliates without ADA's prior written consent.

Trong quá trình bảo vệ, giải quyết hoặc bồi thường thiệt hại thay mặt cho ADA, Nhà Cung Cấp không được đưa ra bất kỳ thừa nhận lỗi hoặc trách nhiệm pháp lý thay mặt cho ADA hoặc các Bên Liên Kết của ADA mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA.

- 10.4 NEITHER PARTY SHALL BE LIABLE TO THE OTHER IN CONTRACT, TORT, EQUITY, STATUTE, OR UNDER ANY OTHER CAUSE, FOR ANY LOSS, DAMAGE, COST OR EXPENSES OF ANY NATURE WHATSOEVER, INCURRED OR SUFFERED BY THE CLAIMING PARTY, IF THE LOSS, DAMAGE, COST OR EXPENSE (I) IS INDIRECT, CONSEQUENTIAL, OR CONSTITUTES OTHER SPECIAL DAMAGES; OR (II) IN TERMS OF TURNOVER, PROFIT (INCLUDING POTENTIAL TURNOVER OR PROFIT), BUSINESS OR GOODWILL, WHETHER ARISING DIRECTLY OR INDIRECTLY FROM OR IN CONNECTION WITH A RELEVANT BREACH, AND EVEN IF ARISING AS A DIRECT AND NATURAL RESULT OF THE RELEVANT BREACH.

KHÔNG BÊN NÀO PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÊN CÒN LẠI TRONG HỢP ĐỒNG, NGOÀI HỢP ĐỒNG, LỄ CÔNG BẰNG, ĐẠO LUẬT, HOẶC VÌ BẤT KỲ NGUYÊN NHÂN NÀO KHÁC, ĐỐI VỚI BẤT KỲ TỔN THẤT, THIẾT HẠI, PHÍ HOẶC CHI PHÍ DƯỚI BẤT KỲ TÍNH CHẤT NÀO, PHÁT SINH CHO HOẶC PHẢI CHỊU BỒI BÊN KHIẾU NẠI, NẾU TỔN THẤT, THIẾT HẠI, PHÍ HOẶC CHI PHÍ (I) LÀ GIÁN TIẾP, DO HẬU QUẢ HOẶC TẠO LÊN CÁC THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT KHÁC; HOẶC (II) VỀ DOANH THU, LỢI NHUẬN (BAO GỒM DOANH THU HOẶC LỢI NHUẬN TIỀM NĂNG), KINH DOANH HOẶC LỢI THẾ THƯƠNG MẠI, CHO DÙ PHÁT SINH TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP TỪ

HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN MỘT VI PHẠM LIÊN QUAN VÀ NGAY CẢ KHI VIỆC PHÁT SINH ĐÓ LÀ KẾT QUẢ TRỰC TIẾP VÀ TỰ NHIÊN CỦA VI PHẠM LIÊN QUAN.

- 10.5 NOTWITHSTANDING ANYTHING TO THE CONTRARY ELSEWHERE CONTAINED HEREIN, ADA'S MAXIMUM LIABILITY TO THE SUPPLIER, IN ANY EVENT, SHALL NOT EXCEED THE AGGREGATE CHARGES OR PAYMENTS PAID BY ADA UNDER THIS AGREEMENT FOR THE SIX (6) MONTHS PERIOD PRECEDING THE DATE THE FIRST LIABILITY AROSE.

BẤT KỂ BẤT KỲ NỘI DUNG NÀO QUY ĐỊNH NGƯỢC LẠI TẠI THỎA THUẬN NÀY, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TỐI ĐA CỦA ADA ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP, TRONG BẤT KỲ TRƯỜNG HỢP, SẼ KHÔNG VƯỢT QUÁ TỔNG CÁC PHÍ HOẶC KHOẢN THANH TOÁN TRẢ BỞI ADA THEO THỎA THUẬN NÀY TRONG KHOẢNG THỜI GIAN SÁU (6) THÁNG TRƯỚC NGÀY PHÁT SINH TRÁCH NHIỆM ĐẦU TIÊN.

- 10.6 THE PROVISIONS OF THIS SECTION 10 STATE THE SOLE, EXCLUSIVE, AND ENTIRE LIABILITY OF ADA TO THE SUPPLIER, AND IS THE SUPPLIER'S SOLE REMEDY, WITH RESPECT TO CLAIMS COVERED UNDER THIS AGREEMENT.

CÁC QUY ĐỊNH CỦA KHOẢN 10 NÀY QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM DUY NHẤT, ĐỘC QUYỀN VÀ TOÀN BỘ CỦA ADA ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP VÀ LÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC DUY NHẤT CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI CÁC KHIẾU NẠI ĐƯỢC BAO GỒM TRONG THỎA THUẬN NÀY.

- 10.7 Each Party's indemnification obligations are conditioned on the indemnified Party providing the indemnifying Party with: (a) prompt written notice of any matter that is subject to indemnification hereunder; (b) the right to assume the exclusive defence and control of any such matter (provided that the indemnified party may participate in the defence at its own expense); and (c) cooperation with any reasonable requests assisting the indemnifying Party's defence of such matter.

Nghĩa vụ bồi hoàn của mỗi Bên được áp dụng với điều kiện Bên được bồi hoàn cung cấp cho Bên bồi hoàn: (a) thông báo bằng văn bản kịp thời về bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi bồi hoàn theo Thỏa Thuận này; (b) quyền tiếp nhận và kiểm soát độc quyền việc bào chữa và xử lý bất kỳ vấn đề đó (với điều kiện Bên được bồi hoàn có thể tham gia vào việc bào chữa nhưng tự chịu chi phí của mình); và (c) sự hợp tác theo các yêu cầu hợp lý nhằm hỗ trợ Bên bồi hoàn trong việc bào chữa cho vấn đề đó.

11. REMEDIES AND INJUNCTIVE RELIEF

BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC VÀ NGĂN CHẶN

- 11.1 The rights and remedies reserved to ADA in the Agreement are cumulative with, and in addition to, all other or further remedies provided in law. The Supplier acknowledges and agrees that money damages would not be a sufficient remedy for any actual, anticipatory or threatened breach of the Agreement by the Supplier with respect to its delivery of Goods and Services to ADA and that, in addition to all other rights and remedies which the ADA may have, ADA shall be entitled to specific performance and injunctive or other equitable relief as a remedy for any such breach.

Các quyền và biện pháp khắc phục dành cho ADA trong Thỏa Thuận được tích lũy với, và bổ sung cho, tất cả các biện pháp khắc phục khác được hoặc sẽ được quy định bởi luật. Nhà Cung Cấp thừa nhận và đồng ý rằng các khoản tiền bồi thường thiệt hại không phải là biện pháp khắc phục đầy đủ đối với bất kỳ hành vi vi phạm Thỏa Thuận thực tế, có thể đoán trước hoặc đe dọa có thể xảy ra, nào của Nhà Cung Cấp liên quan đến việc giao Hàng Hóa và Dịch Vụ cho ADA, và rằng ngoài tất cả các quyền và biện pháp khắc phục khác mà ADA có thể có, ADA sẽ có quyền đối với thực hiện cụ thể và biện pháp khẩn cấp theo lệnh hoặc biện pháp ngăn chặn công bằng khác như một biện pháp khắc phục đối với bất kỳ vi phạm đó.

12. CONFIDENTIALITY

BẢO MẬT

- 12.1 The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp sẽ:

- a) treat as confidential and keep secret all Confidential Information, including all information which has already been disclosed to it pursuant to this Agreement and prior to the entry of this Agreement;

xem đó là bí mật và giữ bí mật tất cả Thông Tin Bí Mật, bao gồm tất cả thông tin đã được tiết lộ theo Thỏa Thuận này và trước khi Thỏa Thuận này được ký kết;

- b) only disclose the Confidential Information to its Personnel for the purpose of performing the Supplier's obligations in this Agreement and shall take all proper and effective precautions to prevent the disclosure of the Confidential Information to unauthorised persons and to preserve the secrecy and confidentiality of the Confidential Information and, in particular but without in any way limiting the generality of the foregoing, take all necessary action to prevent unauthorised persons from obtaining access to the Confidential Information whether by direct or indirect exposure;

chỉ tiết lộ Thông Tin Bí Mật cho Nhân Sự của mình nhằm mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp trong Thỏa Thuận này và sẽ thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa thích hợp và hiệu quả để ngăn chặn việc tiết lộ Thông Tin Bí Mật cho những người không được phép và để giữ bí mật và bảo mật của Thông Tin Bí Mật và, đặc biệt nhưng không hạn chế tính tổng quát của những điều đã nói ở trên, thực hiện mọi hành động cần thiết để ngăn chặn những người không có thẩm quyền truy cập Thông Tin Bí Mật dù bằng cách tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp;

- c) upon the termination or expiry of this Agreement, deal with Confidential Information in accordance with Clause 8.3; and

khi Thỏa Thuận này chấm dứt hoặc hết hạn, xử lý Thông Tin Bí Mật theo Khoản 8.3; và

- d) take all necessary steps to ensure that the Supplier's Personnel who have access to the Confidential Information comply with and are bound by this confidentiality requirement in favour of ADA.

thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng Nhân Sự của Nhà Cung Cấp mà có quyền truy cập Thông Tin Bí Mật sẽ tuân thủ và bị ràng buộc bởi yêu cầu bảo mật này đối với ADA.

- 12.2 Except with the prior written consent of ADA, the Supplier, and the Supplier's Personnel who have access to the Confidential Information shall not, at any time:

Trừ khi ADA đồng ý trước bằng văn bản, Nhà Cung Cấp và Nhân Sự của Nhà Cung Cấp mà có quyền truy cập Thông Tin Bí Mật sẽ không, vào bất kỳ thời điểm:

- a) communicate to any person or body or entity, any Confidential Information disclosed to them for the purpose of the provision or delivery of the Goods and Services or discovered by them in the course of the provision and performance of the Goods and Services in accordance with the Agreement;

trao đổi với bất kỳ cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức nào về bất kỳ Thông Tin Bí Mật nào mà được tiết lộ cho mình nhằm mục đích cung cấp hoặc giao Hàng Hóa và Dịch Vụ hoặc do mình biết được trong quá trình cung cấp và thực hiện Hàng Hóa và Dịch Vụ theo quy định tại Thỏa Thuận;

- b) make public any information as to the recommendations, assessments and opinions formulated in the course of or as a result of the provision or performance of its obligations under this Agreement;

công khai mọi thông tin về các khuyến nghị, đánh giá và ý kiến được đưa ra trong quá trình hoặc kết quả từ việc cung cấp hoặc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này;

- c) make or caused to be made any press statement nor publish any material whatsoever relating to the Agreement; or

đưa ra hoặc yêu cầu đưa ra bất kỳ tuyên bố báo chí nào cũng như xuất bản bất kỳ tài liệu nào liên quan đến Thỏa Thuận; hoặc

- d) use or permit to be used in any manner the Confidential Information for any purpose whatsoever except for the purposes expressly authorised by ADA.

sử dụng hoặc cho phép sử dụng Thông Tin Bí Mật theo bất kỳ cách nào cho bất kỳ mục đích nào ngoại trừ các mục đích được ADA cho phép rõ ràng.

- 12.3 This Clause 12 shall not apply to Confidential Information which:

Khoản 12 này sẽ không áp dụng đối với Thông Tin Bí Mật mà:

- a) is or becomes part of the public domain through no act or omission of the Supplier;

là hoặc trở thành một phần của thông tin công khai mà không phải do hành động hoặc thiếu sót nào của Nhà Cung Cấp;

- b) was in the Supplier's lawful possession prior to the disclosure and had not been obtained by the Supplier either directly or indirectly from ADA;
đã thuộc quyền chiếm hữu hợp pháp của Nhà Cung Cấp trước khi được tiết lộ và Nhà Cung Cấp không có được thông tin đó dù là trực tiếp hoặc gián tiếp từ ADA;
- c) is lawfully disclosed to the Supplier by a third party without restriction on disclosure;
được tiết lộ hợp pháp cho Nhà Cung Cấp bởi một bên thứ ba mà không bị hạn chế tiết lộ;
- d) is independently developed by the Supplier; or
được phát triển độc lập bởi Nhà Cung Cấp; hoặc
- e) is required by law or any governmental or other regulatory authority to be disclosed.
được yêu cầu tiết lộ bởi luật pháp hoặc bất kỳ cơ quan chính phủ hoặc cơ quan quản lý nào khác.
- 12.4 The Supplier hereby agrees to take all reasonable steps to ensure that the Confidential Information are not disclosed or distributed by its Personnel, employees, officers, directors, agents or other personnel who obtain or have access to the Confidential Information in violation of this Agreement. In the event where any such person or persons misuse or use the Confidential Information without the consent of ADA, the Supplier is liable to indemnify ADA and other relevant members of ADA Group for any loss or damage suffered or incurred as a result of the misuse or unauthorised use.
Nhà Cung Cấp theo đây đồng ý thực hiện tất cả các bước hợp lý để đảm bảo rằng Thông Tin Bí Mật không bị tiết lộ hoặc phân phối bởi Nhân Sự, người lao động, cán bộ, giám đốc, đại lý hoặc những cá nhân khác của mình mà có được hoặc có quyền truy cập Thông Tin Bí Mật theo cách vi phạm Thỏa Thuận này. Trong trường hợp bất kỳ người nào lạm dụng hoặc sử dụng Thông Tin Bí Mật mà không có sự đồng ý của ADA, Nhà Cung Cấp có trách nhiệm bồi hoàn cho ADA và các thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA mọi tổn thất hoặc thiệt hại phải chịu hoặc phát sinh do việc lạm dụng hoặc sử dụng trái phép.
- 12.5 The obligations in this Clause 12 shall survive the termination or expiry of this Agreement.
Các nghĩa vụ tại Khoản 12 này sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi Thỏa Thuận này chấm dứt hoặc hết hạn.

13. DATA SECURITY AND PROTECTION

BẢO MẬT VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU

- 13.1 The Supplier shall comply with the obligations set out in Schedule 1.

Nhà Cung Cấp sẽ tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Phụ Đính 1.

14. FORCE MAJEURE

BẤT KHẢ KHÁNG

- 14.1 If Supplier is prevented from producing, selling or delivering any Goods and Services, or ADA is unable to accept delivery, buy or use any Goods and Services, as a direct result of an event or occurrence that is not reasonably foreseeable for the affected party and without such party's fault or negligence, then the affected party shall provide notice to the other within seven (7) days from the date of occurrence thereof stating the cause and the anticipated duration of delay. Such events and occurrences may include, by way of example and not limitation, natural disasters, fires, explosions, riots, wars, sabotage, labour problems (including lockouts, strikes and slowdowns). If any delay lasts more than thirty (30) days, ADA may terminate the PO without any liability or obligation to purchase or pay for raw materials, partial, work-in-process or finished Goods and Services.

Nếu Nhà Cung Cấp bị ngăn cản sản xuất, bán hoặc giao bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào hoặc ADA không thể chấp nhận việc giao, mua hoặc sử dụng bất kỳ Hàng Hóa và Dịch Vụ nào do kết quả trực tiếp của một sự kiện hoặc sự cố mà bên bị ảnh hưởng không thể dự đoán trước một cách hợp lý và nếu không có lỗi hoặc sơ suất của bên đó thì bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, nêu rõ nguyên nhân và thời gian trì hoãn dự kiến. Các sự kiện và sự cố như vậy có thể bao gồm, ví dụ nhưng không giới hạn, thiên tai, hỏa hoạn, vụ nổ, bạo loạn, chiến tranh, phá hoại, các vấn đề lao động (bao gồm bế xưởng, đình công và đình trệ). Nếu bất kỳ sự chậm trễ nào kéo dài hơn ba mươi (30) ngày, ADA có thể chấm dứt Đơn Hàng mà không có bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ nào trong việc mua hoặc thanh toán nguyên liệu thô, một phần, đang thực hiện hoặc toàn bộ Hàng Hóa và Dịch Vụ.

15. INSURANCE

BẢO HIỂM

- 15.1 The Supplier shall obtain sufficient coverage and maintain validity of all appropriate insurance (including, without limitation, business, workers' compensation, auto, errors and omissions, professional, product, property, public, commercial and comprehensive general liability insurance) at the amount stated in the PO or consistent with the law and industry best practice applicable for the delivery of Goods and Services. Each policy shall name ADA as a loss payee or additional insured and the Supplier shall on request provide certificates and copy of the insurance policies in effect to ADA.

Nhà Cung Cấp phải có đủ bảo hiểm và duy trì hiệu lực của tất cả các bảo hiểm thích hợp (bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm kinh doanh, bồi thường cho người lao động, ô tô, sai sót và thiếu sót, bảo hiểm trách nhiệm chung về nghề nghiệp, sản phẩm, tài sản, công cộng, thương mại và bảo hiểm chung toàn diện) với số tiền nêu trong Đơn Hàng hoặc phù hợp với luật pháp và thông lệ tốt nhất của ngành áp dụng cho việc cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ. Mỗi hợp đồng sẽ nêu tên ADA là người được bồi thường tổn thất hoặc người được bảo hiểm bổ sung và Nhà Cung Cấp phải cung cấp giấy chứng nhận và bản sao các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực cho ADA theo yêu cầu.

16. NO IMPLIED WAIVER

KHÔNG CÓ MIỄN TRỪ NGỤ Ý

- 16.1 Any waiver of the provisions of this Agreement or of a Party's rights or remedies under this Agreement must be in writing. The failure, neglect, or delay of either Party at any time to require performance by the other Party of any provision of the Agreement will not affect the right to require such performance at any later time, nor will the waiver by either Party of a breach of any provision of the Agreement constitute a waiver of any succeeding breach of the same or any other provision. No failure, neglect, or delay in exercising any right or remedy will operate as a waiver thereof nor will any single or partial exercise preclude other or further exercise thereof. No course of dealing or course of performance may be used to evidence a waiver or limitation of the Supplier's obligations under the Agreement.

Bất kỳ việc miễn trừ bất kỳ các điều khoản nào của Thỏa Thuận này hoặc đối với các quyền hay biện pháp khắc phục của một Bên theo Thỏa Thuận này đều phải được lập bằng văn bản. Việc một Bên không yêu cầu, bỏ sót hoặc chậm trễ yêu cầu Bên kia thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận vào bất kỳ thời điểm sẽ không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu việc thực hiện đó vào bất kỳ thời điểm sau đó, cũng như việc một Bên từ bỏ đối với một vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận sẽ không cấu thành sự từ bỏ đối với mọi hành vi vi phạm điều khoản đó hoặc bất kỳ điều khoản nào khác nào sau đó. Việc không thực hiện, bỏ sót hoặc chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào sẽ không được xem là sự từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó cũng như bất kỳ việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần nào cũng sẽ không ngăn cản việc thực hiện khác hoặc việc thực hiện thêm các quyền đó. Không có quy trình giao dịch hoặc thực hiện nào có thể được sử dụng để làm bằng chứng cho việc từ bỏ hoặc giới hạn các nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp theo Thỏa Thuận.

17. ANTI BRIBERY & CORRUPTION AND SUPPLIER CODE OF CONDUCT

CHỐNG HỐI LỘ & THAM NHŨNG VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ ÁP DỤNG CHO NHÀ CUNG CẤP

- 17.1 The Supplier shall comply with ADA's anti-bribery and anti-corruption terms and conditions ("ABAC T&C") which may be updated by ADA from time to time, located at <https://adaglobal-legal.com/ABAC-GTC/>, or at such other location as ADA may inform.

Nhà Cung Cấp sẽ tuân thủ các điều khoản và điều kiện về chống hối lộ và tham nhũng của ADA ("ĐKĐK CHLTN") mà có thể được ADA cập nhật vào từng thời điểm, có tại <https://adaglobal-legal.com/ABAC-GTC/>, hoặc tại nơi khác do ADA xác định.

- 17.2 The Supplier shall adhere to the Axiata Supplier Code of Conduct located at <http://www.axiata.com/corporate/supplier-code/>

Nhà Cung Cấp sẽ tuân thủ Quy Tắc Ứng Xử Áp Dụng Cho Nhà Cung Cấp Của Axiata tại <http://www.axiata.com/corporate/supplier-code/>.

- 17.3 In the event that ADA has reasonable grounds to believe that the Supplier has not complied with this clause then ADA may at its own discretion (a) terminate the PO and or (b) seek such remedies available to it under the law including injunctive relief.

Trong trường hợp ADA có cơ sở hợp lý để tin rằng Nhà Cung Cấp đã không tuân thủ điều khoản này thì ADA có thể theo quyết định riêng của mình (a) chấm dứt Đơn Hàng và hoặc (b) tìm kiếm các biện pháp khắc phục sẵn có theo luật, bao gồm cả biện pháp khẩn cấp.

17A. SANCTIONS

LỆNH TRỪNG PHẠT

17A.1 The Supplier represents and warrants that:

Nhà Cung Cấp cam kết và bảo đảm rằng:

- (a) neither it nor any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents or subcontractors is a Sanctioned Person or is owned or controlled by, or acting on behalf of, a Sanctioned Person; and

Nhà Cung Cấp, cũng như các cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ của mình, không phải là Người Bị Trừng Phạt, hoặc không thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát của, hoặc không hành động thay mặt cho bất kỳ Người Bị Trừng Phạt nào; và

- (b) neither it nor any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents or subcontractors has violated or potentially violated the Sanctions Laws; and

Nhà Cung Cấp, cũng như các cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ của mình, chưa từng và không có khả năng vi phạm các Luật Về Lệnh Trừng Phạt; và

- (c) neither it nor any of its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents or subcontractors has entered into any contract, transaction, agreement, arrangement or otherwise engaged in any commercial activity that could violate the Sanctions Laws or reasonably be expected to result in it being designated as a Sanctioned Person.

Nhà Cung Cấp, cũng như các cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ của mình, chưa từng ký kết bất kỳ hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, sắp xếp nào hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động thương mại nào có thể vi phạm Luật Về Lệnh Trừng Phạt hoặc có khả năng dẫn đến việc Nhà Cung Cấp bị liệt kê là Người Bị Trừng Phạt.

17A.2 The Supplier shall, during and throughout the Term, observe and comply with the Sanctions Laws and shall ensure that its shareholders, subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents or subcontractors do not violate any Sanction Laws.

Trong suốt Thời Hạn, Nhà Cung Cấp phải tuân thủ và thực hiện đúng các Luật Về Lệnh Trừng Phạt, đồng thời đảm bảo rằng các cổ đông, công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ của mình không vi phạm bất kỳ Luật Về Lệnh Trừng Phạt nào.

17A.3 In the event the Supplier has knowledge that it or any of its subsidiaries, directors, officers, employees, representatives, agents or subcontractors has:

Trong trường hợp Nhà Cung Cấp biết được rằng bản thân hoặc bất kỳ công ty con, giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện, đại lý hoặc nhà thầu phụ nào của mình:

- (a) become a Sanctioned Person;
trở thành Người Bị Trừng Phạt;
- (b) violated any Sanctions Laws;
vi phạm bất kỳ Luật Về Lệnh Trừng Phạt nào;
- (c) violated this Clause 17A; or
vi phạm Khoản 17A này; hoặc
- (d) entered into any contract, transaction, agreement, arrangement or otherwise engaged in any commercial activity that could violate any Sanctions Laws or reasonably be expected to result in it being designated as a Sanctioned Person,
ký kết bất kỳ hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, sắp xếp nào hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động thương mại nào có thể vi phạm Luật Về Lệnh Trừng Phạt hoặc có khả năng dẫn đến việc bị liệt kê là Người Bị Trừng Phạt,

then the Supplier shall provide notice in writing ("**Sanctions Notice**") to ADA as soon as practicable (and in any event, within two (2) calendar days) after becoming aware of such information.

*thì Nhà Cung Cấp phải gửi thông báo bằng văn bản ("**Thông Báo Về Lệnh Trừng Phạt**") cho ADA trong thời gian sớm nhất có thể (và trong mọi trường hợp không muộn hơn hai (2) ngày dương lịch)*

kể từ khi phát hiện thông tin nói trên.

- 17A.4 If the Supplier delivers a Sanctions Notice to ADA and ADA solely considers that the event described in Clause 17A.3 renders it impossible or unlawful (a) for ADA to substantially or partially fulfil its obligations under this Agreement, (b) for ADA to remain a party to this Agreement, or (c) for the Supplier to perform its obligations under this Agreement, ADA may, at its sole discretion, terminate this Agreement with immediate effect and without incurring any liability whatsoever by issuing termination notice to the Supplier.

Nếu Nhà Cung Cấp gửi Thông Báo Về Lệnh Trừng Phạt cho ADA và ADA, dựa trên đánh giá riêng, cho rằng sự kiện được mô tả tại Khoản 17A.3 khiến cho việc (a) ADA thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này trở nên bất khả thi hoặc vi phạm pháp luật; (b) ADA không thể tiếp tục là một bên của Thỏa Thuận này; hoặc (c) Nhà Cung Cấp không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này, thì ADA có toàn quyền chấm dứt Thỏa Thuận ngay lập tức mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào, bằng cách gửi thông báo chấm dứt cho Nhà Cung Cấp.

- 17A.5 Clause 8.2 (Upon Termination) shall apply to the termination of this Agreement under Clause 17A.4, Clause 8.2(g), Clause 8.2(h) or Clause 8.2(i) by ADA, to the maximum extent allowed by the Sanctions Laws and Applicable Laws.

Khoản 8.2 (Khi Chấm Dứt) sẽ được áp dụng đối với việc chấm dứt Thỏa Thuận theo Khoản 17A.4, Khoản 8.2(g), Khoản 8.2(h) hoặc Khoản 8.2(i) bởi ADA, trong phạm vi tối đa được phép theo Luật Về Lệnh Trừng Phạt và Luật Áp Dụng.

- 17A.6 For the purpose of termination pursuant to Clause 17A.4, Clause 8.2(g), Clause 8.2(h) or Clause 8.2(i), notwithstanding Clause 17A.3 and Clause 17A.4(d), ADA shall only be liable to make payment of any amounts outstanding (which have been approved and accepted by ADA) and for the Services that have been performed up to the date of termination in accordance with Clause 17A.4, Clause 8.2(g), Clause 8.2(h) or Clause 8.2(i), and accepted by ADA provided that the following conditions have been satisfied:

Đối với việc chấm dứt theo Khoản 17A.4, Khoản 8.2(g), Khoản 8.2(h) hoặc Khoản 8.2(i), bất kể Khoản 17A.3 và Khoản 17A.4(d), ADA chỉ có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ (đã được ADA phê duyệt và chấp nhận) và chi trả cho các Dịch Vụ đã được thực hiện đến ngày chấm dứt theo các Khoản 17A.4, Khoản 8.2(g), Khoản 8.2(h) hoặc Khoản 8.2(i), nếu các điều kiện sau được đáp ứng:

- (a) the Supplier has obtained the Sanctions Requisite Approval for Payment, authorising ADA to remit payment either to the Supplier, third party or financial institution(s), as specified in the Sanctions Requisite Approval for Payment;

Nhà Cung Cấp đã có được Phê Duyệt Bắt Buộc Về Lệnh Trừng Phạt Cho Việc Thanh Toán, cho phép ADA thực hiện việc thanh toán cho Nhà Cung Cấp, bên thứ ba hoặc tổ chức tài chính được chỉ định trong văn bản đó;

- (b) the Supplier has furnished to ADA the Sanctions Requisite Approval for Payment and all supporting documents for ADA's reference;

Nhà Cung Cấp đã cung cấp cho ADA bản sao của Phê Duyệt Bắt Buộc Về Lệnh Trừng Phạt Cho Việc Thanh Toán cùng toàn bộ tài liệu liên quan để ADA tham khảo;

- (c) the Supplier has fulfilled and accepted all the terms and conditions, including those pertaining to the payment sum, method, and schedule, as may be stipulated under the Sanctions Requisite Approval for Payment; and

Nhà Cung Cấp đã tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện, bao gồm cả các điều khoản liên quan đến số tiền, phương thức và lịch thanh toán được quy định trong Phê Duyệt Bắt Buộc Về Lệnh Trừng Phạt Cho Việc Thanh Toán; và

- (d) ADA has obtained its external legal advice confirming that the Sanctions Requisite Approval for Payment is adequate and sufficient, to ADA's satisfaction.

ADA đã nhận được ý kiến tư vấn pháp lý độc lập xác nhận rằng Phê Duyệt Bắt Buộc Về Lệnh Trừng Phạt Cho Việc Thanh Toán này là hợp lệ và đầy đủ, theo đánh giá của ADA.

Without derogation to the foregoing, payment for any Services or the Deliverables or both that have been performed up to the date of termination but have not been accepted by ADA shall be at ADA's absolute discretion.

Không ảnh hưởng đến các quy định trên, việc thanh toán cho bất kỳ Dịch Vụ hoặc Giao Phẩm nào đã được thực hiện đến ngày chấm dứt nhưng chưa được ADA chấp nhận sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định tuyệt đối của ADA.

For the avoidance of doubt, upon termination of this Agreement pursuant to Clause 17A.4, Clause 8.2(g), Clause 8.2(h) or Clause 8.2(i), ADA shall have no obligation whatsoever to pay the Supplier the Fees until and unless the conditions specified in Clause 17A.6 have been satisfied.

Để tránh hiểu lầm, sau khi Thỏa Thuận này bị chấm dứt theo Khoản 17A.4, Khoản 8.2(g), Khoản 8.2(h) hoặc Khoản 8.2(i), ADA sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào trong việc thanh toán cho Nhà Cung Cấp các khoản Phí cho đến khi và trừ khi tất cả các điều kiện được nêu tại Khoản 17A.6 được đáp ứng đầy đủ.

18. RELATIONSHIP OF PARTIES

MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC BÊN

- 18.1 The PO is non-exclusive and ADA is free to engage others to provide the Goods and Services. Nothing in the PO makes either Party the agent, employee or legal representative of the other for any purpose whatsoever, nor grants either Party any authority to assume or create any obligation on behalf of or in the name of the other Party.

Đơn Hàng này là không độc quyền và ADA có quyền tự do thuê người khác cung cấp Hàng Hóa và Dịch Vụ. Không có nội dung nào trong Đơn Hàng khiến một Bên trở thành đại lý, nhân viên hoặc đại diện pháp lý của Bên kia vì bất kỳ mục đích nào, cũng như không cấp cho mỗi Bên bất kỳ quyền nào để đảm nhận hoặc tạo ra bất kỳ nghĩa vụ nào thay mặt hoặc nhân danh Bên kia.

19. GOVERNING LAW AND JURISDICTION

LUẬT ÁP DỤNG VÀ TÀI PHÁN

- 19.1 Unless it is expressly stated otherwise, the PO and the PO GTC shall be construed in accordance with the laws applicable where the corporate domicile of ADA is located, further stipulated in the **ANNEXURE A** below, without reference to its conflict of law provisions, and the obligations, rights and remedies of the Parties hereunder shall be determined in accordance with such laws.

Trừ khi có quy định rõ ràng khác, Đơn Hàng và ĐKVDK Đơn Hàng sẽ được hiểu theo luật áp dụng tại nơi ADA đặt trụ sở, được quy định tại PHỤ LỤC A bên dưới, không bao gồm tham chiếu đến điều khoản xung đột pháp luật, và các nghĩa vụ, quyền và biện pháp khắc phục của Các Bên theo Thỏa Thuận này sẽ được xác định theo pháp luật đó.

- 19.2 If any dispute arises between the Parties concerning matters relating to the Agreement, the Parties herein shall use their best endeavors to resolve the dispute amicably. Failing which, the Parties agree to submit to the exclusive jurisdiction of the local courts where the corporate domicile of ADA is located.

Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa Các Bên liên quan đến các vấn đề liên quan đến Thỏa Thuận, Các Bên sẽ nỗ lực hết sức để giải quyết tranh chấp một cách thân thiện. Nếu không thể giải quyết, Các Bên đồng ý đệ trình lên tòa án địa phương nơi ADA đặt trụ sở.

ANNEXURE A

PHỤ LỤC A

ADA	CORPORATE DOMICILE <i>ĐỊA ĐIỂM TRỤ SỞ</i>	GOVERNING LAWS <i>LUẬT ÁP DỤNG</i>
ADA Data AI Solutions Sdn Bhd (formerly known as Axiata Digital & Analytics Sdn Bhd) <i>ADA Data AI Solutions Sdn Bhd (trước đây gọi là Axiata Digital & Analytics Sdn Bhd)</i> ADA Data AI Commerce Solutions Sdn Bhd (formerly known as ADA Asia Malaysia Sdn Bhd) Awake Asia Distribution Sdn Bhd	Kuala Lumpur, Malaysia	Malaysia
ADA Data AI Solutions Pte Ltd (formerly known as ADA Digital Singapore Pte Ltd) <i>ADA Data AI Solutions Pte Ltd (trước đây gọi là ADA Digital Singapore Pte Ltd)</i>	Singapore	Singapore

ADA	CORPORATE DOMICILE <i>ĐỊA ĐIỂM TRỤ SỞ</i>	GOVERNING LAWS <i>LUẬT ÁP DỤNG</i>
ADA Data AI Commerce Solutions Pte Ltd (formerly known as AAD Holdings Pte Ltd) <i>ADA Data AI Commerce Solutions Pte Ltd (trước đây gọi là AAD Holdings Pte Ltd)</i> AAD Indochina Pte Ltd Awake Asia Distribution Pte Ltd		
PT ADA Data Solutions PT ADA Asia Indonesia PT Awake Asia Distribution Indonesia	Jakarta, Indonesia	Indonesia
ADA Data AI Solutions Co Ltd (formerly known as ADA Digital (Thailand) Co., Ltd.) <i>ADA Data AI Solutions Co Ltd (trước đây gọi là ADA Digital (Thailand) Co., Ltd.)</i>	Bangkok, Thailand <i>Bangkok, Thái Lan</i>	Thailand <i>Thái Lan</i>
ADA Digital Philippines Inc AADistribution Phils Inc	Manila, Philippines	Philippines
Branch of ADA Digital Singapore Pte Ltd	Phnom Penh, Cambodia	Cambodia
ADA Digital Singapore Pte Ltd (Branch office)	Colombo, Sri Lanka	Sri Lanka
ADA Data AI Solutions Pte Ltd (Branch)	Seoul, South Korea <i>Seoul, Hàn Quốc</i>	South Korea <i>Hàn Quốc</i>
ADA Data AI Solutions Limited (formerly known as Axiata Digital Bangladesh (Private) Limited) <i>ADA Data AI Solutions Limited (trước đây gọi là Axiata Digital Bangladesh (Private) Limited)</i>	Dhaka, Bangladesh	Bangladesh
Thien An Investment Co Ltd	Ho Chi Minh City, Vietnam <i>TP Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>	Vietnam <i>Việt Nam</i>
ADA Digital Analytics Private Limited (formerly known as dhiOmics Analytics Solutions Private Limited) <i>ADA Digital Analytics Private Limited (trước đây gọi là dhiOmics Analytics Solutions Private Limited)</i>	Bengaluru	India <i>Ấn Độ</i>
ADA Digital Analytics K.K.	Tokyo, Japan <i>Tokyo, Nhật Bản</i>	Japan <i>Nhật Bản</i>
ADA Data AI Solutions LLC	Georgia, USA	Delaware, USA

20. SEVERABILITY

HIỆU LỰC TỪNG PHẦN

- 20.1 If any provision of the Agreement is invalid or unenforceable under any statute, regulation, ordinance, executive order or other rule of law, such provision will be deemed reformed or deleted, as the case may be, but only to the extent necessary to comply with such statute, regulation, ordinance, order or rule, and the remaining provisions of the Agreement will remain in full force and effect.

Nếu bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận này không hợp lệ hoặc không thể thi hành theo bất kỳ đạo luật, quy định, pháp lệnh, lệnh điều hành hoặc quy định pháp luật nào khác, thì điều khoản đó sẽ được xem là được sửa đổi hoặc xóa bỏ, tùy từng trường hợp, nhưng chỉ trong phạm vi cần thiết để tuân thủ với đạo luật, quy định, sắc lệnh, mệnh lệnh hoặc quy tắc đó, và các điều khoản còn lại của Thỏa Thuận sẽ vẫn có đầy đủ hiệu lực.

21. NOTICE

THÔNG BÁO

- 21.1 Any notice, invoice, request or other document to be given under this Agreement and all other communications between the Parties with respect to this Agreement shall be in writing and in English language and, shall be delivered by courier, ordinary mail, or by e-mail in accordance with the addresses stated in the PO.

Bất kỳ thông báo, hóa đơn, yêu cầu hoặc tài liệu nào khác được đưa ra theo Thỏa Thuận này và tất cả các trao đổi khác giữa Các Bên liên quan đến Thỏa Thuận này sẽ được lập bằng văn bản và bằng tiếng Anh và sẽ được gửi bằng chuyển phát nhanh, thư thông thường hoặc qua e-mail theo địa chỉ ghi trong Đơn Hàng.

22. SUBCONTRACTING AND ASSIGNMENT

GIAO THẦU PHỤ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG

- 22.1 The Supplier may not subcontract, delegate or assign any rights under this Agreement or transfer of its obligations under this Agreement without the prior written consent of ADA. The Supplier hereby consents to ADA assigning or transferring its rights and obligations under this Agreement and shall do all that is reasonably necessary to give effect to such assignment or transfer.

Nhà Cung Cấp không được giao thầu phụ phụ, chỉ định hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền nào theo Thỏa Thuận này hoặc chuyển giao nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA. Nhà Cung Cấp đồng ý cho ADA chuyển nhượng hoặc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này và sẽ thực hiện tất cả những gì cần thiết một cách hợp lý để việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao đó có hiệu lực.

- 22.2 Where the Supplier is permitted to subcontract the PO, the Supplier shall remain ADA's sole point of contact and shall remain responsible for ensuring that the subcontractors comply with this Agreement.

Trong trường hợp Nhà Cung Cấp được phép giao thầu phụ cho Đơn Hàng, Nhà Cung Cấp sẽ vẫn là đầu mối liên hệ duy nhất của ADA và sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các nhà thầu phụ tuân thủ Thỏa Thuận này.

- 22.3 The Supplier shall ensure that the subcontractors comply with and is bound by the requirements of this Agreement as they apply to the Supplier and it shall be responsible for all acts and omissions of each of its subcontractors which shall be treated as if they were the acts or omissions of the Supplier itself.

Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng các nhà thầu phụ tuân thủ và bị ràng buộc bởi các yêu cầu của Thỏa Thuận này khi áp dụng cho Nhà Cung Cấp và phải chịu trách nhiệm về mọi hành động và thiếu sót của từng nhà thầu phụ và những hành động và thiếu sót đó sẽ được xem là của chính Nhà Cung Cấp.

- 22.4 ADA may, in its discretion, revoke its prior approval on any of the subcontractors (including any approved subcontractors) where, in ADA's reasonable opinion, the performance of the subcontractor is materially inconsistent with its requirements and the terms of this Agreement.

ADA có thể, theo quyết định riêng của mình, thu hồi sự chấp thuận trước của mình đối với bất kỳ nhà thầu phụ nào (bao gồm mọi nhà thầu phụ được phê duyệt) khi, theo quan điểm hợp lý của ADA, việc thực hiện của nhà thầu phụ không phù hợp về mặt cơ bản với các yêu cầu của ADA và các điều khoản của Thỏa Thuận này.

23. LANGUAGE

NGÔN NGỮ

- 23.1 This Agreement is made in English. Notwithstanding this Agreement being signed in English language only, each Party hereto in good faith agrees that it will not (and it will not allow or assist any party to) in any manner or forum in any jurisdiction:

Thỏa Thuận này được lập bằng tiếng Anh. Bất kể nếu Thỏa Thuận này chỉ được ký bằng tiếng Anh, nhưng mỗi Bên đồng ý một cách thiện chí rằng mình sẽ không (và sẽ không cho phép hoặc hỗ trợ bất kỳ bên nào) dưới bất kỳ hình thức hoặc địa điểm nào ở bất kỳ khu vực tài phán:

- a) challenge the validity of, or raise or file any objection to, this Agreement or the transaction contemplated in this Agreement;

thách thức tính hợp lệ của, hoặc đưa ra hoặc nộp bất kỳ phản đối nào đối với, Thỏa Thuận này hoặc giao dịch được dự tính trong Thỏa Thuận này;

- b) defend its non-performance or breach of its obligations under this Agreement; and

bảo vệ việc mình không thực hiện hoặc vi phạm nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này; và

- c) allege that this Agreement is against public policy or otherwise does not constitute its legal, valid and binding obligations, enforceable against it in accordance with its terms;

cáo buộc rằng Thỏa Thuận này đi ngược lại chính sách công hoặc không cấu thành các nghĩa vụ pháp lý, hợp lệ và ràng buộc, có thể được thi hành chống lại Bên đó theo các điều khoản của Thỏa Thuận;

by reason of the Agreement being made in the English language or not made in the language required by law.

vi lý do Thỏa Thuận được lập bằng tiếng Anh hoặc không được lập bằng ngôn ngữ mà pháp luật yêu cầu.

- 23.2 The Parties, if required to comply with any relevant laws, will translate this Agreement to the required language promptly upon the request of any Party. The version of such other language shall be deemed to be executed at the effective date of this Agreement. In the event of any inconsistency or conflict between the English version and the version of such translated language, the English version shall prevail.

Các Bên, nếu được yêu cầu tuân thủ bất kỳ luật liên quan nào, sẽ nhanh chóng dịch Thỏa Thuận này sang ngôn ngữ được yêu cầu theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào. Phiên bản của ngôn ngữ khác đó sẽ được xem là được thực thi vào ngày Thỏa Thuận này có hiệu lực. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn hoặc xung đột nào giữa phiên bản tiếng Anh và phiên bản của ngôn ngữ dịch thì phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

24. NO THIRD-PARTY RIGHTS:

KHÔNG CÓ QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA

- 24.1 A person who is not a party to this Agreement shall have no right to enforce any of its terms. No person who is not a party to this Agreement shall acquire any rights under it or be entitled to benefit from any of its terms even if that person has relied on any such term or has indicated to any Party to this Agreement its assent to any such term.

Một người không phải là một bên của Thỏa Thuận này sẽ không có quyền thực thi bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận này. Không ai không phải là một bên của Thỏa Thuận này sẽ có được bất kỳ quyền nào theo Thỏa Thuận này hoặc được hưởng lợi từ bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận ngay cả khi người đó đã dựa vào bất kỳ điều khoản nào như vậy hoặc đã chỉ ra cho bất kỳ Bên nào trong Thỏa Thuận này sự đồng ý của họ đối với bất kỳ điều khoản nào như vậy.

25. COSTS

CHI PHÍ

The Supplier shall bear the cost of stamping this Agreement. Each Party shall bear its own solicitor's or consultant's costs, fees and expense in relation to the preparation, negotiation, finalisation and signing of this Agreement.

Nhà Cung Cấp sẽ chịu chi phí liên quan đến việc đóng dấu Thỏa Thuận này. Mỗi Bên sẽ tự chịu các chi phí, phí và thù lao của luật sư hoặc tư vấn viên của mình liên quan đến việc soạn thảo, đàm phán, hoàn tất và ký kết Thỏa Thuận này.

26. OTHER TERMS

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 26.1 The PO may be executed in any number of counterparts, each of which, when executed (via electronic signature, electronic means or otherwise) and delivered, shall be an original, and all the counterparts together shall constitute one and the same instrument. Delivery of the PO by email or functionally equivalent electronic transmission constitutes valid and effective delivery.

Đơn Hàng có thể được ký kết nhiều bản, mà mỗi bản khi được ký kết (thông qua chữ ký điện tử, phương tiện điện tử hoặc cách khác) và được giao sẽ là một bản gốc, và tất cả các bản cùng nhau sẽ tạo thành một và cùng một văn bản. Việc gửi Đơn Hàng qua email hoặc đường truyền điện tử có chức năng tương đương được xem là gửi hợp lệ và có hiệu lực.

- 26.2 To the extent necessary for the purposes of termination of the PO and for the implementation of the provisions under the PO, each of the Parties waives any rights or obligations that the other Party may have now or in the future under any applicable law or regulation to request or obtain the approval, order, decision, judgment of any court to terminate this Agreement.

Trong phạm vi cần thiết cho mục đích chấm dứt Đơn Đặt Hàng và để thực hiện các điều khoản theo Đơn Đặt Hàng, mỗi Bên từ bỏ mọi quyền hoặc nghĩa vụ mà Bên kia hiện có hoặc có thể có trong tương lai theo bất kỳ luật hoặc quy định áp dụng nào về việc yêu cầu hoặc phải có sự phê duyệt, quyết định, lệnh hoặc phán quyết của bất kỳ tòa án để chấm dứt Thỏa Thuận này.

- 26.3 ADA may update these PO GTC from time to time, and the Supplier is required to check this domain periodically or ask ADA for a copy of the most recent version of these PO GTC.

ADA có thể cập nhật các ĐKVDKC Đơn Hàng này vào từng thời điểm và Nhà Cung Cấp phải kiểm tra miền này định kỳ hoặc yêu cầu ADA cung cấp bản sao phiên bản mới nhất của các ĐKVDKC Đơn Hàng này.

Schedule 1

CYBER SECURITY AND DATA PROTECTION

Phụ đính 1

AN NINH MẠNG VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU

Deliverables and Performance of Services

Giao Phẩm và Thực Hiện Dịch Vụ

1. In supplying the Deliverables and performing the Services, and in carrying out the other tasks allocated to it in this Agreement, the Supplier shall in accordance with Best Industry Practice:

Khi cung cấp Giao Phẩm và thực hiện Dịch Vụ cũng như thực hiện các nhiệm vụ khác được phân bổ trong Thỏa Thuận này, Nhà Cung Cấp phải tuân theo Thông Lệ Ngành Tốt Nhất:

- (a) take all necessary steps to ensure that all ADA Data are protected at all times from accidental, unauthorised or unlawful access, processing, use or transfer, or loss, misuse, damage, destruction, corruption, or alteration and this includes the following:

thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng tất cả Dữ Liệu ADA luôn được bảo vệ khỏi sự truy cập vô tình, trái phép hoặc bất hợp pháp, việc xử lý, sử dụng hoặc chuyển giao, hoặc mất mát, lạm dụng, hư hỏng, phá hủy, hoặc thay đổi và điều này bao gồm những điều sau:

- (i) have the necessary protective policies, processes, technical and organisations measures and controls for ADA Data;

có các chính sách, quy trình, biện pháp kiểm soát và kỹ thuật cần thiết để bảo vệ Dữ Liệu ADA;

- (ii) if the Supplier does not have the necessary protective policies, processes, technical and organisations measures and controls for ADA Data or when the Supplier's Personnel is in any member of ADA Group's premises, the Supplier shall comply with the relevant member of ADA Group's data privacy, information technology, security, access and usage policies, procedures and directions set out in this Agreement or notified to it from time to time;

nếu Nhà Cung Cấp không có các chính sách, quy trình, biện pháp và biện pháp kiểm soát kỹ thuật và tổ chức cần thiết cho Dữ Liệu ADA hoặc khi Nhân Sự của Nhà Cung Cấp có mặt tại bất kỳ cơ sở nào của bất kỳ thành viên của Tập Đoàn ADA, Nhà Cung Cấp sẽ tuân thủ các chính sách, quy trình và hướng dẫn về quyền riêng tư, công nghệ thông tin, bảo mật, quyền truy cập và sử dụng của thành viên liên quan của Tập Đoàn ADA được nêu trong Thỏa Thuận này hoặc được thông báo tùy từng thời điểm;

- (iii) Notwithstanding the foregoing, the Supplier shall at a minimum implement and maintain appropriate technical and organisational measures to ensure a level of security appropriate to the risk, including (as applicable and proportionate):

Bất kể các quy định nêu trên, Nhà Cung Cấp tối thiểu phải triển khai và duy trì các biện pháp kỹ thuật và tổ chức phù hợp nhằm đảm bảo mức độ an toàn tương ứng với rủi ro, bao gồm (nếu áp dụng và phù hợp):

- (1) access control and least-privilege;
kiểm soát truy cập và nguyên tắc phân quyền tối thiểu;
- (2) encryption of Personal Data in transit and at rest;
mã hóa Dữ Liệu Cá Nhân trong quá trình truyền và khi lưu trữ;
- (3) pseudonymisation where practicable;
sử dụng mã hóa giả khi khả thi;
- (4) secure lifecycle for credentials, keys and secrets;
quy trình vòng đời an toàn cho thông tin xác thực, khóa và bí mật;
- (5) network and application security (e.g., firewalls, patch management, secure development practices);

an ninh mạng và ứng dụng (ví dụ: tường lửa, quản lý bản vá, thực hành phát triển an toàn);

- (6) data segregation and multi-tenant protections;
phân tách dữ liệu và bảo vệ trong môi trường đa người dùng;
- (7) logging, monitoring and detection capable of supporting timely breach detection;
ghi log, giám sát và phát hiện nhằm hỗ trợ việc phát hiện vi phạm kịp thời;
- (8) regular vulnerability management, penetration testing and security reviews; and
quản lý lỗ hổng, kiểm thử xâm nhập và rà soát an ninh định kỳ; và
- (9) data retention and secure disposal practices in accordance with the requirements of Applicable Laws .
thực hiện chính sách lưu trữ và tiêu hủy dữ liệu an toàn theo yêu cầu của các Luật Áp Dụng.

The Supplier shall further:

Nhà Cung Cấp cũng phải:

- a) maintain evidence of implemented controls and provide such evidence to the ADA on request;
duy trì bằng chứng về các biện pháp kiểm soát đã được triển khai và cung cấp các bằng chứng đó cho ADA khi được yêu cầu;
- b) ensure that persons authorised to process Personal Data are subject to confidentiality obligations and have received appropriate training on Personal Data protection and security; and
đảm bảo rằng những người được ủy quyền xử lý Dữ Liệu Cá Nhân đều chịu ràng buộc bởi nghĩa vụ bảo mật và đã được đào tạo đầy đủ về bảo vệ và an ninh Dữ Liệu Cá Nhân; và
- c) ensure any sub-processor implements equivalent technical and organisational measures and shall remain fully liable for the sub-processor's acts and omissions.
đảm bảo rằng bất kỳ bên xử lý phụ nào cũng triển khai các biện pháp kỹ thuật và tổ chức tương đương, đồng thời Nhà Cung Cấp vẫn chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi hành vi hoặc thiếu sót của bên xử lý phụ đó.
- (iv) take all necessary steps to prevent any Malware being introduced into any software or onto any of the ADA Systems or any other systems and/or networks used by the Supplier to access, Process, store, transmit or generate ADA Data or supply the Services to ADA;
thực hiện tất cả các bước cần thiết để ngăn chặn bất kỳ Phần Mềm Độc Hại nào được đưa vào bất kỳ phần mềm nào hoặc vào bất kỳ Hệ Thống ADA nào hoặc bất kỳ hệ thống và/hoặc mạng nào khác được Nhà Cung Cấp sử dụng để truy cập, Xử Lý, lưu trữ, truyền hoặc tạo Dữ Liệu ADA hoặc cung cấp Dịch Vụ cho ADA;
- (v) ensure that there is no unauthorised access to any of the ADA Data or ADA Systems without the prior written consent of ADA and other relevant member(s) of the ADA Group and/or by any unauthorised third party;
đảm bảo rằng không có quyền truy cập trái phép vào bất kỳ Dữ Liệu ADA hoặc Hệ Thống ADA nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA và/hoặc bởi bất kỳ bên thứ ba trái phép nào;
- (vi) ensure that there is no unauthorised disclosure of passwords, authentication tokens or credentials supplied by ADA or other member(s) of the ADA Group to access the ADA Systems and in the event of an unauthorised disclosure, to remove such access immediately, and revoke or remove such access immediately upon any personnel of the Supplier no longer having the need to know or leaving the Supplier;

đảm bảo rằng không có hành vi tiết lộ trái phép mật khẩu, mã thông báo xác thực hoặc thông tin xác thực do ADA hoặc (các) thành viên khác của Tập Đoàn ADA cung cấp để truy cập Hệ Thống ADA và trong trường hợp có hành vi tiết lộ trái phép, phải xóa quyền truy cập đó ngay lập tức, và thu hồi hoặc loại bỏ quyền truy cập đó ngay lập tức đối với bất kỳ nhân viên nào của Nhà Cung Cấp mà không còn nhu cầu biết hoặc rời khỏi Nhà Cung Cấp;

- (vii) ensure that access to ADA Data shall be solely for the purpose of performing this Agreement; and

đảm bảo rằng quyền truy cập vào Dữ Liệu ADA sẽ chỉ nhằm mục đích thực hiện Thỏa Thuận này; và

- (viii) comply with relevant guidelines and code of practices issued by the relevant Authority.

tuân thủ các hướng dẫn và quy tắc thực hành có liên quan do Cơ Quan Có Thẩm Quyền ban hành.

Personal Data Breach Notification

Thông Báo Về Vi Phạm Dữ Liệu Cá Nhân

- (b) notify ADA of any breach of Paragraphs 1(a)(i)-(viii) of this Schedule 1 above, without undue delay, within 24 hours upon becoming aware of any actual or suspected Personal Data breach. Such notification shall include, to the extent known at the time:

thông báo cho ADA về mọi hành vi vi phạm Đoạn 1(a)(i)-(viii) của Phụ Định 1 nêu trên, một cách không chậm trễ, trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm hoặc nghi ngờ vi phạm Dữ Liệu Cá Nhân nào. Thông báo đó sẽ bao gồm, trong phạm vi biết được tại thời điểm đó:

- (i) the nature of the breach and the categories of affected Personal Data;
bản chất của sự cố vi phạm và các loại Dữ Liệu Cá Nhân bị ảnh hưởng;
- (ii) the number of affected Data Subjects;
số lượng Chủ Thể Dữ Liệu bị ảnh hưởng;
- (iii) likely consequences of the breach; and
các hậu quả có thể xảy ra do sự cố vi phạm; và
- (iv) measures taken or proposed to address or mitigate the breach.
các biện pháp đã được thực hiện hoặc được đề xuất để khắc phục hoặc giảm thiểu sự cố vi phạm.

- (c) provide all reasonable assistance to ADA in managing the breach, including investigation, remediation, and any notification to authorities or affected individual as required by law;

cung cấp mọi hỗ trợ hợp lý cho ADA trong việc xử lý sự cố vi phạm, bao gồm điều tra, khắc phục và thực hiện các thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cá nhân bị ảnh hưởng theo yêu cầu của pháp luật;

- (d) cooperate fully with ADA in investigating, containing, and remedying the breach, and in meeting any reporting obligations to regulatory authorities or affected Data Subjects. The Supplier shall document all data breaches, regardless of materiality, and provide such records to the Data User upon request. The Supplier shall not make any public statements or notifications regarding the breach without the prior written approval of ADA.

hợp tác đầy đủ với ADA trong việc điều tra, kiểm soát và khắc phục sự cố vi phạm, cũng như trong việc thực hiện các nghĩa vụ báo cáo đối với cơ quan quản lý hoặc các Chủ Thể Dữ Liệu bị ảnh hưởng. Nhà Cung Cấp phải ghi chép lại tất cả các sự cố vi phạm dữ liệu, bất kể mức độ nghiêm trọng, và cung cấp các hồ sơ này cho Bên Sử dụng Dữ liệu khi được yêu cầu. Nhà Cung Cấp không được tự ý đưa ra bất kỳ tuyên bố công khai hoặc thông báo nào liên quan đến sự cố vi phạm nếu chưa có sự chấp thuận bằng văn bản trước của ADA.

1A. Biometric Data Obligations

Nghĩa Vụ Liên Quan Đến Dữ Liệu Sinh Trắc Học

- (a) Where the processing involves biometric identifiers or biometric information (including facial images, fingerprints, voiceprints, or similar data), the Supplier shall:
- Khi việc xử lý liên quan đến các định danh hoặc thông tin sinh trắc học (bao gồm hình ảnh khuôn mặt, dấu vân tay, giọng nói hoặc các dữ liệu tương tự), Nhà Cung Cấp phải:*
- (i) process such data only under the explicit written instructions of ADA;
chỉ xử lý các dữ liệu này theo hướng dẫn bằng văn bản rõ ràng của ADA;
 - (ii) apply encryption, access control, and strict segregation from other types of data;
áp dụng các biện pháp mã hóa, kiểm soát truy cập và tách biệt nghiêm ngặt với các loại dữ liệu khác;
 - (iii) ensure that biometric data is stored only in hashed or encrypted form, and never retained in raw image or voice format unless strictly necessary; and
đảm bảo rằng dữ liệu sinh trắc học chỉ được lưu trữ dưới dạng đã băm hoặc mã hóa, và không bao giờ được lưu giữ dưới dạng hình ảnh hoặc giọng nói thô trừ khi thực sự cần thiết; và
 - (iv) ensure that biometric data cannot be reverse engineered to reconstruct the original biometric feature.
đảm bảo rằng dữ liệu sinh trắc học không thể bị đảo ngược để tái tạo lại đặc điểm sinh trắc học gốc.
- (b) The Supplier shall not use biometric data for identification, profiling, or authentication purposes other than as expressly directed by ADA.
Nhà Cung Cấp không được sử dụng dữ liệu sinh trắc học cho mục đích nhận dạng, phân tích hồ sơ hoặc xác thực ngoài phạm vi được ADA chỉ đạo rõ ràng.
- (c) The Supplier shall ensure that any collection, use, storage, or transmission of biometric data complies with Applicable Laws.
Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng mọi hoạt động thu thập, sử dụng, lưu trữ hoặc truyền dữ liệu sinh trắc học đều tuân thủ các Luật Áp Dụng.

1B. The Supplier's Personal Data

Dữ Liệu Cá Nhân Của Nhà Cung Cấp

- (a) If the Supplier provides or provides access to Personal Data to ADA and/or ADA Group for processing, the Supplier expressly and explicitly acknowledge and consent to the processing of such Personal Data for the purpose of performance of this Agreement and for all other purposes that are necessary, incidental or related to the performance of this Agreement, including Processing of such Personal Data within and outside of the country, and the transfer and disclosure of such Personal Data to third parties and, where necessary, outside of the country.
Nếu Nhà Cung Cấp cung cấp hoặc cho phép ADA và/hoặc Tập Đoàn ADA truy cập vào Dữ Liệu Cá Nhân để xử lý, Nhà Cung Cấp xác nhận và đồng ý, một cách rõ ràng và minh bạch, cho việc xử lý Dữ Liệu Cá Nhân đó nhằm mục đích thực hiện Thỏa Thuận này, cũng như cho tất cả các mục đích cần thiết, phát sinh hoặc có liên quan đến việc thực hiện Thỏa Thuận này, bao gồm việc xử lý Dữ Liệu Cá Nhân trong và ngoài lãnh thổ, cũng như việc chuyển giao và tiết lộ Dữ Liệu Cá Nhân đó cho bên thứ ba và, khi cần thiết, ra ngoài lãnh thổ.
- (b) The Supplier warrants and represents that it has obtained the relevant individual's consent in accordance with Applicable Laws to disclose such Personal Data to ADA in accordance with this Agreement and for the purpose of the performance of this Agreement, and for all other purposes that are necessary, incidental or related to the performance of this Agreement.
Nhà Cung Cấp cam kết và đảm bảo rằng mình đã có được sự đồng ý của cá nhân liên quan theo đúng các Luật Áp Dụng để tiết lộ Dữ Liệu Cá Nhân đó cho ADA theo Thỏa Thuận này, nhằm phục vụ cho việc thực hiện Thỏa Thuận và cho tất cả các mục đích cần thiết, phát sinh hoặc có liên quan đến việc thực hiện Thỏa Thuận.
- (c) The Supplier further warrants and represents that all Personal Data disclosed or to be disclosed to ADA and/or ADA Group is accurate and complete, and that none of it is

misleading or out of date as of the date of this Agreement. The Supplier shall promptly inform ADA in the event of any change or update to such Personal Data and reporting obligations to the relevant Authority.

Nhà Cung Cấp tiếp tục cam kết và đảm bảo rằng tất cả Dữ Liệu Cá Nhân được tiết lộ hoặc sẽ được tiết lộ cho ADA và/hoặc Tập Đoàn ADA là chính xác và đầy đủ, không gây hiểu lầm hoặc lỗi thời tính đến ngày ký Thỏa Thuận này. Nhà Cung Cấp phải kịp thời thông báo cho ADA trong trường hợp có bất kỳ thay đổi hoặc cập nhật nào đối với Dữ Liệu Cá Nhân đó, cũng như về các nghĩa vụ báo cáo liên quan đến Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

Security Incident

Sự Cố Bảo Mật

2. If the Supplier becomes aware of any actual or suspected:

Nếu Nhà Cung Cấp biết được, dù là thực tế hoặc nghi ngờ,:

- (a) action taken through the use of computer networks that attempts to access the Supplier's information system or ADA Data residing on that system or that results in any actual or potential adverse effect on the Supplier's information system or ADA Data residing on that system;

hành động được thực hiện thông qua việc sử dụng mạng máy tính nhằm cố gắng truy cập hệ thống thông tin của Nhà Cung Cấp hoặc Dữ Liệu ADA trên hệ thống đó hoặc hành động dẫn đến bất kỳ tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn nào đối với hệ thống thông tin của Nhà Cung Cấp hoặc Dữ Liệu ADA trên hệ thống đó;

- (b) any other unauthorised access or use by a third party or misuse, damage or destruction of any ADA Data by any person;

bất kỳ truy cập hoặc sử dụng trái phép bởi bên thứ ba hoặc lạm dụng, làm hư hỏng hoặc phá hủy bất kỳ Dữ Liệu ADA bởi bất kỳ người nào;

- (c) breach of any Applicable Laws or any applicable law in relation to cyber security by the Supplier; or

vi phạm bất kỳ Luật Áp Dụng hoặc bất kỳ luật áp dụng nào liên quan đến an ninh mạng bởi Nhà Cung Cấp; hoặc

- (d) occurrence that actually or potentially jeopardises the confidentiality, integrity, or availability of an information system or the information the system Processes, stores or transmits or that constitutes a violation or imminent threat of violation of security policies, security procedures or acceptable use policies,

sự cố thực sự hoặc có khả năng gây nguy hiểm cho tính bảo mật, tính toàn vẹn hoặc tính sẵn có của hệ thống thông tin hoặc thông tin mà hệ thống Xử Lý, lưu trữ hoặc truyền tải hoặc sự cố cấu thành vi phạm hoặc đe dọa sắp xảy ra vi phạm các chính sách bảo mật, quy trình bảo mật hoặc chính sách sử dụng được chấp nhận,

(respectively or collectively shall be referred to as a “**Security Incident**”)

*(gọi riêng hoặc chung là “**Sự Cố Bảo Mật**”)*

the Supplier shall notify ADA and other relevant member(s) of the ADA Group in writing immediately (and no longer than 24 hours after becoming aware of the Security Incident and to provide the necessary assistance to ADA or other relevant member(s) of the ADA Group in relation to the said Security Incident and this includes the following:

Nhà Cung Cấp phải thông báo cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA bằng văn bản ngay lập tức (và không quá 24 giờ sau khi biết về Sự Cố Bảo Mật và cung cấp hỗ trợ cần thiết cho ADA hoặc (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA) liên quan đến Sự Cố Bảo Mật nói trên, và việc hỗ trợ này bao gồm những vấn đề sau:

- (i) to provide the full details of the Security Incident and keep ADA and other relevant member(s) of the ADA Group updated at all times thereafter in relation to the Security Incident;

cung cấp toàn bộ chi tiết về Sự Cố An Ninh và sau đó cập nhật cho ADA cũng như (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA tại mọi thời điểm, liên quan đến Sự Cố Bảo Mật;

- (ii) to assist in the investigations, mitigation and remediation of the Security Incident and in meeting any obligations to report the Security Incident to the relevant authorities;
hỗ trợ mọi cuộc điều tra, giảm nhẹ và khắc phục Sự Cố Bảo Mật và đáp ứng mọi nghĩa vụ báo cáo Sự Cố Bảo Mật cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan;
- (iii) where applicable, to assist ADA and other relevant member(s) of the ADA Group to handle and comply with their respective obligations in complying with Data Subjects' rights;
trong trường hợp áp dụng, hỗ trợ ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA xử lý và tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của họ trong việc tuân thủ các quyền của Chủ Thể Dữ Liệu;
- (iv) to provide the relevant evidence (including digital forensic evidence) about how, when and by whom the Supplier's information system or the ADA Data has or may have been compromised; and to preserve and protect the relevant evidence herein for a period of at least 12 months;
cung cấp bằng chứng liên quan (bao gồm bằng chứng pháp y kỹ thuật số) về cách thức, thời điểm và người gây ra việc hệ thống thông tin của Nhà Cung Cấp hoặc Dữ Liệu ADA đã hoặc có thể bị xâm phạm; đồng thời lưu giữ và bảo vệ bằng chứng liên quan đó trong khoảng thời gian ít nhất là 12 tháng;
- (v) to implement any mitigation strategies to contain and reduce the impact of the Security Incident or the likelihood or impact of any future similar event, incident or breach.
thực hiện bất kỳ các chiến lược giảm thiểu nhằm ngăn chặn và giảm thiểu tác động của Sự Cố Bảo Mật hoặc khả năng hoặc tác động của bất kỳ trường hợp, sự cố hoặc vi phạm tương tự nào trong tương lai.

2A. In the event of a Security Incident, without limiting any other provisions herein, ADA and other relevant member(s) of the ADA Group may investigate or engage a third party to conduct a forensic investigation and to identify the root cause of such Security Incident. Where an investigation is requested by ADA, the Supplier will immediately provide to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group or the relevant third party such information and access as may be relevant to the Security Incident, including information on and access to:

Trong trường hợp xảy ra Sự Cố Bảo Mật, không giới hạn bất kỳ điều khoản nào khác trong Thỏa Thuận, ADA và các thành viên liên quan khác của Tập Đoàn ADA có thể tự tiến hành điều tra hoặc thuê bên thứ ba thực hiện điều tra pháp y nhằm xác định nguyên nhân gốc rễ của Sự Cố Bảo Mật đó. Khi ADA yêu cầu tiến hành điều tra, Nhà Cung Cấp phải ngay lập tức cung cấp cho ADA, các thành viên liên quan khác của Tập Đoàn ADA hoặc bên thứ ba có liên quan, mọi thông tin và quyền truy cập có liên quan đến Sự Cố Bảo Mật, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (a) audit trails related to the Security Incident, whether access is required on or to the Supplier's premises, the Supplier's sub-contractors' (if any) premises, the Supplier's Sub-Processor's (if any) premises, or otherwise;
dữ liệu kiểm toán liên quan đến Sự Cố Bảo Mật, dù việc truy cập này được yêu cầu tại trụ sở của Nhà Cung Cấp, nhà thầu phụ của Nhà Cung Cấp (nếu có), Bên Xử Lý Phụ của Nhà Cung Cấp (nếu có), hoặc ở nơi khác;
- (b) employment (including background checks) and training records;
hồ sơ nhân sự (bao gồm cả kết quả kiểm tra lý lịch) và hồ sơ đào tạo;
- (c) security policies, procedures and guidelines; and
chính sách, quy trình và hướng dẫn an ninh; và
- (d) files, records, tapes, or recordings in the control of the Supplier.
hồ sơ, tài liệu, băng hoặc bản ghi do Nhà Cung Cấp quản lý.

2B. If it is proven that the Security Incident is caused by the Supplier through its acts or omissions, the Supplier shall bear the costs of forensic investigation conducted by the third-party investigator.

Nếu được chứng minh rằng Sự Cố Bảo Mật do hành động hoặc thiếu sót của Nhà Cung Cấp gây ra, thì Nhà Cung Cấp phải chịu toàn bộ chi phí điều tra pháp y do bên thứ ba thực hiện.

2C. The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp phải:

- (a) notify ADA and other relevant member(s) of the ADA Group by telephone and in writing (by email) immediately upon becoming aware of any:

Thông báo cho ADA và các thành viên liên quan khác của Tập Đoàn ADA qua điện thoại và bằng văn bản (qua email) ngay lập tức khi phát hiện bất kỳ:

- (i) Security Incident; and

Sự Cố Bảo Mật; và

- (ii) technical difficulties that may compromise any ADA System or the Supplier's ability to safeguard ADA Data and Confidential Information.

khó khăn kỹ thuật có thể ảnh hưởng đến hệ thống ADA hoặc khả năng của Nhà Cung Cấp trong việc bảo vệ Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật.

- (b) A notice pursuant to Paragraph 2C(a) of this Schedule 1 above shall be sent to:

Thông báo theo Khoản 2C(a) của Phụ Đính 1 nêu trên phải được gửi đến:

Name/ Tên: ADA Data Protection Officer

Email: dpo@adaglobal.com

- (c) Subsequent to the notification as per Paragraphs 2C(a) and (b) of this Schedule 1 above, the Supplier shall ensure that the final remediation time relating to a Security Incident shall be in accordance with the following timelines:

Sau khi gửi thông báo theo Khoản 2C(a) và (b) của Phụ Đính 1 nêu trên, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng thời gian khắc phục cuối cùng liên quan đến Sự Cố Bảo Mật tuân theo các mốc thời gian sau:

	*External *Bên Ngoài		*Internal *Nội Bộ		*External/ Internal *Bên Ngoài/ Nội Bộ	
Information Security Incident Severity <i>Mức Độ Nghiêm Trọng Của Sự Cố Bảo Mật Thông Tin</i>	P1	P2	P1	P2	P3	P3
Containment (from first notification or remediation by ADA or the Supplier, whichever is earliest) <i>Ngăn chặn (tính từ khi ADA hoặc Nhà Cung Cấp thông báo hoặc thực hiện biện pháp khắc phục đầu tiên, tùy thời điểm nào xảy ra trước)</i>	4 hours <i>4 giờ</i>	48 hours <i>48 giờ</i>	4 hours <i>4 giờ</i>	48 hours <i>48 giờ</i>	21 days <i>21 ngày</i>	21 days <i>21 ngày</i>

Complete remediation time (from first notification or remediation by ADA or the Supplier, whichever is earliest) Thời gian hoàn thành khắc phục (tính từ khi ADA hoặc Nhà Cung Cấp thông báo hoặc thực hiện biện pháp khắc phục đầu tiên, tùy thời điểm nào xảy ra trước)	48 hours if no software patch is required or with hardware component replacement 48 giờ nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng	15 days if no software patch is required or with hardware component replacement 15 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng	48 hours if no software patch is required or with hardware component replacement 48 giờ nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng	15 days if no software patch is required or with hardware component replacement 15 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng	30 days if no software patch is required or with hardware component replacement 30 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng	30 days if no software patch is required or with hardware component replacement 30 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng
	15 days 15 ngày	30 days 30 ngày	15 days 15 ngày	30 days 30 ngày	60 days 60 ngày	60 days 60 ngày

- Containment is achieved when the vulnerability is arrested from progressing further. This needs to be done with minimal or no impact on other services.

Việc ngăn chặn đạt được khi lỗ hổng được kiểm soát, ngăn chặn lan rộng thêm. Việc này cần được thực hiện với mức độ ảnh hưởng tối thiểu hoặc không ảnh hưởng đến các dịch vụ khác.

- Complete Remediation (No Software Patch) – is the activity of permanently fixing the vulnerability through non-software related updates (eg: configuration changes, or changes made to other systems).

Khắc phục hoàn toàn (Không có bản vá phần mềm) – là hoạt động khắc phục vĩnh viễn lỗ hổng thông qua các bản cập nhật không liên quan đến phần mềm (ví dụ: thay đổi cấu hình hoặc thay đổi được thực hiện đối với các hệ thống khác).

- Complete Remediation (Software Patch) – is the activity of permanently fixing the vulnerability through a software update or upgrade.

Khắc phục hoàn toàn (Bản vá phần mềm) – là hoạt động khắc phục vĩnh viễn lỗ hổng thông qua cập nhật hoặc nâng cấp phần mềm.

****“External”** refers to computing systems and applications which are on the internet or outside the protected network of the relevant Customer. **“Internal”** covers similar assets inside the relevant Customer's protected network.

****“Bên Ngoài”** dùng để chỉ các hệ thống và ứng dụng máy tính trên internet hoặc bên ngoài mạng được bảo vệ của Khách Hàng liên quan. **“Nội Bộ”** bao gồm các tài sản tương tự bên trong mạng được bảo vệ của Khách Hàng liên quan.

- (d) Definition of the priorities are set out in Paragraph 23 of this Schedule 1.

Định nghĩa về mức độ ưu tiên được quy định tại Khoản 23 của Phụ Đính 1 này

Insurance

Bảo Hiểm

3. The Supplier shall maintain insurance to protect against the risks of any Security Incident and comply with the provisions of the insurance policy.

Nhà Cung Cấp sẽ duy trì bảo hiểm để bảo vệ trước những rủi ro của bất kỳ Sự Cố Bảo Mật nào và tuân thủ các quy định của hợp đồng bảo hiểm.

Subcontracts, Supply Chain Arrangements and contracts with Sub-Processors

Hợp Đồng Phụ, Thỏa Thuận Chuỗi Cung Ứng Và Hợp Đồng Với Bên Xử Lý Phụ

4. The Supplier shall ensure that:

Nhà Cung Cấp đảm bảo rằng:

- (a) all subcontracts, other supply chain arrangements and contracts with Sub-Processors, which may allow or cause access to ADA Data, contain provisions that are at least as stringent as those in this Schedule 1 and do not contain any provisions that are inconsistent with this Schedule 1; and

tất cả các hợp đồng phụ, các thỏa thuận chuỗi cung ứng khác và hợp đồng với Bên Xử Lý Phụ, mà có thể cho phép hoặc tạo ra quyền truy cập vào Dữ Liệu ADA, đều chứa các điều khoản ít nhất nghiêm ngặt như các điều khoản trong Phụ Đính 1 này và không chứa bất kỳ điều khoản nào không nhất quán với Phụ Đính 1 này; và

- (b) all the Supplier's Personnel who have access, directly or indirectly, to ADA Data or ADA Systems comply with this Schedule 1 as if the Personnel were the Supplier.

tất cả Nhân Sự của Nhà Cung Cấp mà có quyền truy cập trực tiếp hoặc gián tiếp vào Dữ Liệu ADA hoặc Hệ Thống ADA đều tuân thủ Phụ Đính 1 này như thể Nhân Sự đó là Nhà Cung Cấp.

Obligations relating to Data Protection

Nghĩa Vụ Liên Quan Đến Bảo Vệ Dữ Liệu

5. The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp sẽ

- (a) at all times comply with the Applicable Laws in respect of the Processing, of Personal Data of ADA and other members of the ADA Group, including but not limited to Personal Data of the customers or employees of ADA or other members of the ADA Group;

luôn tuân thủ Luật Áp Dụng đối với Việc Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân của ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA, bao gồm nhưng không giới hạn Dữ Liệu Cá Nhân của khách hàng hoặc nhân viên của ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA;

- (b) not do or omit to do anything that would cause ADA or other members of the ADA Group to contravene, or that would result in ADA or other members of the ADA Group contravening, any Applicable Laws;

không làm hoặc bỏ qua bất kỳ điều gì có thể khiến ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA vi phạm hoặc sẽ dẫn đến việc ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA vi phạm bất kỳ Luật Áp Dụng nào;

- (c) only Process Personal Data of ADA and other members of the ADA Group for the sole purpose of performing the Services and in accordance with this Agreement. The Supplier shall immediately notify ADA and other relevant member(s) of the ADA Group if the data Processing instruction infringes the Applicable Laws;

chỉ Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân của ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA cho mục đích duy nhất là thực hiện Dịch Vụ và phù hợp với Thỏa Thuận này. Nhà Cung Cấp sẽ thông báo ngay cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA nếu hướng dẫn Xử Lý dữ liệu vi phạm Luật Áp Dụng;

- (d) not transfer, access or remotely access Personal Data of ADA Data or other members of the ADA Group without the prior written consent of ADA and other relevant member(s) of the ADA Group. The Supplier shall ensure that:

không chuyển, truy cập hoặc truy cập từ xa Dữ Liệu Cá Nhân của Dữ Liệu ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA. Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng

- (i) any transfer of, or remote access to, Personal Data or ADA Data or data or other members of the ADA Group does not contravene any provisions of this Agreement or any Applicable Laws and that the transfer of such Personal Data shall be encrypted over public and wireless network;

mọi hoạt động truyền hoặc truy cập từ xa vào Dữ Liệu Cá Nhân, Dữ Liệu ADA hoặc bất kỳ dữ liệu của các thành viên khác của Tập Đoàn ADA không trái với bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận này hoặc bất kỳ Luật Áp Dụng nào và việc truyền Dữ Liệu Cá Nhân đó sẽ được mã hóa qua mạng công cộng và không dây;

- (ii) comply only with ADA instructions concerning the transfer of ADA Data;
tuân thủ các hướng dẫn của ADA liên quan đến việc chuyển giao Dữ Liệu ADA;
- (iii) provide reasonable assistance and information to enable the ADA to meet its obligations under Applicable Laws; and
cung cấp hỗ trợ và thông tin hợp lý để giúp ADA thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các Luật Áp Dụng; và

- (iv) it shall not subcontract any cross-border transfer of ADA Data to any organisation or transfer ADA Data to any without (i) ADA's prior written consent, and (ii) ensuring equivalent safeguards are in place (contractual clause, technical, or legal — as applicable, approved under applicable data protection laws). The Supplier shall provide ADA with the identity and location of any proposed sub-processor and any documentation necessary for the cross-border transfer assessment.

Nhà Cung Cấp không được thuê ngoài bất kỳ hoạt động chuyển giao Dữ Liệu ADA xuyên biên giới cho bất kỳ tổ chức nào hoặc tự ý chuyển giao Dữ Liệu ADA mà không có (i) sự chấp thuận trước bằng văn bản của ADA; và (ii) đảm bảo rằng các biện pháp bảo vệ tương đương đã được thiết lập (bao gồm điều khoản hợp đồng, biện pháp kỹ thuật hoặc pháp lý — tùy trường hợp, được phê duyệt theo quy định về bảo vệ dữ liệu hiện hành). Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho ADA thông tin về danh tính và địa điểm của bất kỳ bên xử lý phụ nào được đề xuất, cũng như mọi tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá hoạt động chuyển giao dữ liệu xuyên biên giới.

- (e) not engage a Sub-Processor to Process any Personal Data of ADA and other members of the ADA Group or change any Sub-Processor without the prior written consent of ADA and other relevant member(s) of the ADA Group. Where the Supplier engages any such Sub-Processor, the Supplier shall ensure that the Sub-Processor adheres to the same obligations as the Supplier's obligations with respect to ADA Data and Confidential Information in this Agreement. The Supplier shall be responsible for verifying the Sub-Processor's compliance and responsible to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group for any non-compliance by any Sub-Processor with the aforesaid obligations or any applicable laws;

không thuê Bên Xử Lý Phụ để Xử Lý bất kỳ Dữ Liệu Cá Nhân nào của ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA hoặc thay đổi bất kỳ Bên Xử Lý Phụ nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA. Khi Nhà Cung Cấp thuê bất kỳ Bên Xử Lý Phụ nào, Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng Bên Xử Lý Phụ tuân thủ các nghĩa vụ tương tự như nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp đối với Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật trong Thỏa Thuận này. Nhà Cung Cấp sẽ chịu trách nhiệm xác minh sự tuân thủ của Bên Xử Lý Phụ và chịu trách nhiệm trước ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA về mọi hành vi không tuân thủ của bất kỳ Bên Xử Lý Phụ nào với các nghĩa vụ nói trên hoặc bất kỳ luật hiện hành nào;

- (f) ensure that if the Supplier or its Sub-Processor (where applicable) receives a complaint or any request (including but not limited to requests for access, correction, deletion, or withdrawal of consent of Personal Data) from any Data Subject or his/her agents, or from any authority, the Supplier must, without undue delay, inform ADA and other relevant member(s) of the ADA Group of the complaint or request. Upon request by ADA or other relevant member(s) of the ADA Group, the Supplier shall, without undue delay, supply the information to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group to enable them to respond to such complaint or request. The Supplier shall not respond to these complaints or requests unless instructed in writing by ADA;

đảm bảo rằng nếu Nhà Cung Cấp hoặc Bên Xử Lý Phụ của Nhà Cung Cấp (nếu có) nhận được khiếu nại hoặc bất kỳ yêu cầu nào (bao gồm nhưng không giới hạn đối với các yêu cầu về việc truy cập, chỉnh sửa, xóa bỏ hoặc rút lại sự đồng ý đối với Dữ Liệu Cá Nhân) từ bất kỳ Chủ Thể Dữ Liệu nào hoặc đại diện của họ hoặc từ bất kỳ cơ quan nào, thì Nhà Cung Cấp phải thông báo ngay cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA về khiếu nại hoặc yêu cầu đó ngay lập tức. Theo yêu cầu của ADA hoặc (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA, Nhà Cung Cấp sẽ cung cấp ngay thông tin cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA để họ có thể phản hồi khiếu nại hoặc yêu cầu đó. Nhà Cung Cấp sẽ không phản hồi những khiếu nại hoặc yêu cầu này trừ khi có hướng dẫn bằng văn bản của ADA;

- (g) maintain appropriate technical and organisational measures to facilitate the timely retrieval, correction, or erasure of Personal Data when instructed by ADA. Where a Data Subject withdraws consent, the Supplier shall, upon instruction from ADA, cease processing and securely delete the relevant Personal Data, unless retention is required under Applicable Laws.
- duy trì các biện pháp kỹ thuật và tổ chức phù hợp để hỗ trợ việc truy xuất, chỉnh sửa hoặc xóa Dữ Liệu Cá Nhân một cách kịp thời khi được ADA yêu cầu. Trường hợp Chủ Thể Dữ Liệu rút lại sự đồng ý, Nhà Cung Cấp phải, theo hướng dẫn của ADA, ngừng xử lý và xóa an toàn Dữ Liệu Cá Nhân liên quan, trừ khi việc lưu giữ là bắt buộc theo quy định Luật Áp Dụng.*
- (h) establish and maintain a record of Personal Data Processing activities in electronic form and shall furnish a copy of the up-to-date record to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group upon request. Such record shall, at the minimum, contain the following information:
- thiết lập và duy trì hồ sơ về các hoạt động Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân ở dạng điện tử và phải cung cấp bản sao hồ sơ cập nhật cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA theo yêu cầu. Hồ sơ đó ít nhất phải chứa các thông tin sau:*
- (i) types/categories of Personal Data Processed;
- loại/danh mục Dữ Liệu Cá Nhân được Xử Lý;*
- (ii) transfer details, including countries transferred to and the safeguards for the transfer;
- thông tin chi tiết về việc chuyển giao, bao gồm các quốc gia được chuyển đến và các biện pháp bảo vệ cho việc chuyển giao;*
- (iii) information of the Sub-Processor and details of the Processing activity;
- thông tin của Bên Xử Lý Phụ và chi tiết về hoạt động Xử Lý;*
- (iv) specific data security requirements;
- yêu cầu bảo mật dữ liệu cụ thể;*
- (v) information of the Supplier and its Data Protection Officer or appointed officer responsible for the Processing of Personal Data; and
- thông tin của Nhà Cung Cấp và Nhân Viên Bảo Vệ Dữ Liệu của Nhà Cung Cấp hoặc nhân viên được chỉ định chịu trách nhiệm Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân; và*
- (vi) technical and organizational security measures employed by the Supplier to safeguard Personal Data.
- các biện pháp bảo mật kỹ thuật và tổ chức được Nhà Cung Cấp sử dụng để bảo vệ Dữ Liệu Cá Nhân.*
- (i) provide reasonable assistance to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group with any data protection impact assessment and consultation with supervisory authority, when required by ADA or other relevant member(s) of the ADA Group; and
- cung cấp hỗ trợ hợp lý cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA trong mọi hoạt động đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu và tham vấn với cơ quan giám sát, khi ADA hoặc (các) thành viên liên quan khác của Tập Đoàn ADA yêu cầu; và*
- (j) assist ADA and other relevant member(s) of the ADA Group in any investigations, mitigation and remediation related to Personal Data Processed and in meeting any obligations to report any breach, outcome of investigations and any queries related to the Services to the relevant authorities.
- hỗ trợ ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA trong mọi cuộc điều tra, giảm nhẹ và khắc phục liên quan đến Dữ Liệu Cá Nhân được Xử Lý và đáp ứng mọi nghĩa vụ báo cáo mọi vi phạm, kết quả điều tra và mọi thắc mắc liên quan đến Dịch Vụ cho các cơ quan có liên quan.*
- (k) In respect of Personal Data:
- Liên quan đến Dữ Liệu Cá Nhân:*
- (i) in the event of any conflict or inconsistency between this Paragraph 5 of Schedule 1 and any other provisions in this Agreement, the former shall prevail to the extent of the conflict or inconsistency;

trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào giữa Đoạn 5 của Phụ Đính 1 và bất kỳ điều khoản nào khác trong Thỏa Thuận này, thì Đoạn 5 sẽ được ưu tiên áp dụng trong phạm vi xung đột hoặc không nhất quán;

- (ii) if compliance with any mandatory Applicable Laws will result in any conflict with any provisions in this Agreement, the Supplier shall comply with such mandatory Applicable Laws to the extent of the conflict; and

nếu việc tuân thủ bất kỳ Luật Áp Dụng bắt buộc nào sẽ dẫn đến bất kỳ xung đột nào với bất kỳ điều khoản nào trong Thỏa Thuận này, Nhà Cung Cấp sẽ tuân thủ các Luật Áp Dụng bắt buộc đó trong phạm vi xung đột; và

- (iii) in the event of any conflict or inconsistency between any provisions in this Schedule 1 and any provisions in Clause 16, the former shall prevail to the extent of the conflict or inconsistency.

trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào giữa bất kỳ điều khoản nào trong Phụ Đính 1 này và bất kỳ điều khoản nào trong Điều 16, điều khoản trong Phụ Đính 1 sẽ được ưu tiên áp dụng trong phạm vi xung đột hoặc không nhất quán.

- (l) Upon termination of this Agreement, the Supplier shall permanently and irreversibly delete all Personal Data (including biometric data) unless retention is expressly authorised or required by Applicable Laws.

Khi Thỏa Thuận này chấm dứt, Nhà Cung Cấp phải xóa vĩnh viễn và không thể khôi phục toàn bộ Dữ Liệu Cá Nhân (bao gồm cả dữ liệu sinh trắc học), trừ khi việc lưu giữ được pháp luật cho phép hoặc yêu cầu rõ ràng theo Luật Áp Dụng.

Audit & Vulnerability Scans

Kiểm Tra và Quét Lỗ Hổng Bảo Mật

6. ADA and other relevant member(s) of the ADA Group may conduct, or require a third party nominated by them to conduct, a security audit of the Supplier's facilities, safeguards, policies, procedures and security measures in place to protect the ADA Data and Confidential Information at any time and from time to time during the Term, including if directed by the data protection authority or if necessary due to any accidental, unauthorised or unlawful access to, Processing, use or transfer of, or loss, misuse, damage or destruction of, any ADA Data. The Supplier shall make available all information necessary to demonstrate compliance with the provisions of this Agreement and Applicable Laws and this includes access to the books, records, correspondence, accounts, and non-confidential supporting documentation such as Supplier's most current information security statement and digital forensic evidence.

ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA có thể tiến hành hoặc yêu cầu bên thứ ba do họ chỉ định tiến hành kiểm tra bảo mật đối với cơ sở vật chất, biện pháp bảo vệ, chính sách, thủ tục và biện pháp bảo mật hiện có của Nhà Cung Cấp để bảo vệ Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật vào bất kỳ lúc nào và tùy từng thời điểm trong Thời Hạn, bao gồm cả khi có chỉ đạo của cơ quan bảo vệ dữ liệu hoặc nếu cần thiết do bất kỳ sự truy cập vô tình, trái phép hoặc bất hợp pháp nào vào, Xử Lý, sử dụng hoặc chuyển giao hoặc làm mất, sử dụng sai mục đích, thiệt hại hoặc phá hủy bất kỳ Dữ Liệu ADA nào. Nhà Cung Cấp sẽ cung cấp tất cả thông tin cần thiết để chứng minh sự tuân thủ các quy định của Thỏa Thuận này và Luật Áp Dụng và điều này bao gồm quyền truy cập sổ sách, hồ sơ, thư từ, tài khoản và tài liệu hỗ trợ không mang tính bảo mật như tuyên bố bảo mật thông tin mới nhất của Nhà Cung Cấp và bằng chứng pháp y kỹ thuật số.

7. Further to Paragraph 6 of this Schedule 1, the Supplier may engage its own auditor, provided such auditor is acceptable to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group, and shall furnish the auditor's report to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group for their review. Subject to Paragraph 8 of this Schedule 1, each Party will bear its own cost of audit pursuant to Paragraph 6 and Paragraph 7 of this Schedule 1.

Ngoài Đoạn 6 của Phụ Đính 1 này, Nhà Cung Cấp có thể thuê kiểm toán viên riêng của mình, miễn là kiểm toán viên đó được ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA chấp nhận, đồng thời phải cung cấp báo cáo kiểm toán cho ADA và thành viên liên quan khác (các) của Tập Đoàn ADA để họ xem xét. Phụ thuộc vào Đoạn 8 của Phụ Đính 1 này, mỗi Bên sẽ chịu chi phí kiểm toán riêng theo Đoạn 6 và Đoạn 7 của Phụ Đính 1 này.

8. If the results of the security audits demonstrate that the Supplier has breached any of its obligations, or that the Supplier's safeguards and security measures in place to protect the ADA Data or Confidential Information do not meet Best Industry Practice, or there is a reasonable risk of material

security breaches, the Supplier shall (without limiting ADA's rights and remedies):

Nếu kết quả kiểm tra bảo mật chứng minh rằng Nhà Cung Cấp đã vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của mình, hoặc các biện pháp bảo vệ và bảo mật được Nhà Cung Cấp áp dụng để bảo vệ Dữ Liệu ADA hoặc Thông Tin Bí Mật không đáp ứng Thông Lệ Ngành Tốt Nhất, hoặc có nguy cơ xảy ra vi phạm an ninh nghiêm trọng hợp lý, Nhà Cung Cấp sẽ (không giới hạn các quyền và biện pháp khắc phục của ADA):

- (a) pay ADA's and other relevant member(s) of the ADA Group's costs associated with the security audit; and

thanh toán chi phí cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA liên quan đến việc kiểm tra bảo mật; và

- (b) promptly take such steps as are necessary to remediate the issues identified in respect of the safeguards and security measures to the Best Industry Practice identified as adequate in the security audit and will provide to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group regular status updates of such remediation. The frequency of such status updates will be agreed upon by the Supplier and ADA and other relevant member(s) of the ADA Group but in any event will be at least once every seven (7) days.

nhANH chóng thực hiện các bước cần thiết để khắc phục các vấn đề được xác định liên quan đến các biện pháp bảo vệ và an ninh theo Thông Lệ Ngành Tốt Nhất được xác định là đầy đủ trong quá trình kiểm tra an ninh và sẽ thường xuyên cung cấp cho ADA và (các) thành viên liên quan khác của Tập Đoàn ADA cập nhật về tình trạng khắc phục các vấn đề đó. Tần suất cập nhật sẽ được Nhà Cung Cấp, ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA thống nhất nhưng trong mọi trường hợp sẽ ít nhất là bảy (7) ngày một lần.

In addition, ADA and other relevant member(s) of the ADA Group may conduct periodic vulnerability scans of any network or site maintained by the Supplier that stores ADA Data or Confidential Information. The Supplier shall take all reasonable steps to facilitate such scans by ADA and other relevant member(s) of the ADA Group and shall promptly remediate any vulnerability identified by ADA and other relevant member(s) of the ADA Group within the timelines as may be or to be stipulated by ADA and other relevant member(s) of the ADA Group.

Ngoài ra, ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA có thể tiến hành kiểm tra lỗ hổng bảo mật định kỳ đối với bất kỳ mạng hoặc trang web nào do Nhà Cung Cấp duy trì có lưu trữ Dữ Liệu ADA hoặc Thông Tin Bí Mật. Nhà Cung Cấp sẽ thực hiện tất cả các bước hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra đó của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA và sẽ khắc phục kịp thời mọi lỗ hổng được xác định bởi ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA trong khung thời gian có thể hoặc được quy định bởi ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA.

9. The Supplier shall ensure that any and all electronic transmission or exchange of system and application data with ADA and other member(s) of the ADA Group and any other parties designated by ADA shall take place via secure means (e.g. using S/MIME, HTTPS or SFTP or equivalent).

Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng mọi hoạt động truyền hoặc trao đổi điện tử dữ liệu hệ thống và ứng dụng với ADA và (các) thành viên khác của Tập Đoàn ADA và bất kỳ bên nào khác do ADA chỉ định sẽ diễn ra thông qua các phương tiện an toàn (ví dụ: sử dụng S/MIME, HTTPS hoặc SFTP hoặc tương đương).

10. The Supplier shall store all ADA Data and Confidential Information as part of its designated backup and recovery processes in encrypted form, using a commercially supported encryption solution.

Nhà Cung Cấp sẽ lưu trữ tất cả Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật như một phần của quy trình sao lưu và phục hồi được chỉ định ở dạng mã hóa, sử dụng giải pháp mã hóa được hỗ trợ thương mại.

Implementation Agreement

Thỏa Thuận Thực Hiện

11. The Supplier shall ensure that all devices, applications and database under the scope of this Agreement have been security hardened in accordance with the respective minimum baseline security standards ("MBSS") provided or to be provided by ADA and other relevant member(s) of the ADA Group. Where such hardening commands are not obvious, the Supplier shall provide written methods and procedures on how to validate the compliance to the standard.

Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng tất cả các thiết bị, ứng dụng và cơ sở dữ liệu trong phạm vi của Thỏa Thuận này đều được tăng cường bảo mật theo các tiêu chuẩn bảo mật cơ bản tối thiểu tương ứng ("**TCBMTT**") do ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA cung cấp. Trong trường hợp các yêu cầu tăng cường đó không rõ ràng, Nhà Cung Cấp sẽ cung cấp các phương pháp và quy trình bằng văn bản về cách xác nhận việc tuân thủ với tiêu chuẩn.

12. If either the Supplier or ADA:

Nếu Nhà Cung Cấp hoặc ADA:

- (a) discovers any Malware or unauthorised code; or
phát hiện bất kỳ Phần Mềm Độc Hại hoặc mã trái phép nào; hoặc
- (b) identifies any unauthorised code that has been invoked or activated,
xác định bất kỳ mã trái phép nào đã được gọi hoặc kích hoạt,

in any ADA Systems, where the Malware or unauthorised code was introduced by any Personnel of the Supplier ("**At-Risk Software**"), that Party will immediately notify the other Party and provide all information reasonably requested by the other Party in relation to the At-Risk Software (including, its functionality, origin and criticality).

*trong bất kỳ Hệ Thống ADA nào, trong đó Phần Mềm Độc Hại hoặc mã trái phép được bất kỳ Nhân Sự nào của Nhà Cung Cấp ("**Phần Mềm Có Rủi Ro**") giới thiệu, Bên đó sẽ thông báo ngay cho Bên kia và cung cấp tất cả thông tin hợp lý mà Bên kia yêu cầu liên quan đến Phần Mềm Có Rủi Ro (bao gồm cả chức năng, nguồn gốc và mức độ nghiêm trọng của nó).*

13. The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp sẽ:

- (a) at the Supplier's cost, promptly take all steps necessary to eliminate, quarantine or minimise the risk in relation to the At-Risk Software and prevent its introduction or re-introduction to any ADA Systems;
bằng chi phí của Nhà Cung Cấp, nhanh chóng thực hiện tất cả các bước cần thiết để loại bỏ, cách ly hoặc giảm thiểu rủi ro liên quan đến Phần Mềm Có Rủi Ro và ngăn chặn việc giới thiệu hoặc giới thiệu lại phần mềm này vào bất kỳ Hệ Thống ADA nào;
- (b) provide all reasonable assistance to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group to minimise the effects of, or risks posed by, the At-Risk Software.
cung cấp mọi hỗ trợ hợp lý cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA để giảm thiểu tác động hoặc rủi ro do Phần Mềm Có Rủi Ro gây ra.

14. If the presence of the At-Risk Software results:

Nếu sự hiện diện của Phần mềm có rủi ro dẫn đến:

- (a) in a loss of data (including ADA Data); or
mất dữ liệu (bao gồm cả Dữ Liệu ADA); hoặc
- (b) has a negative impact on the operation of the affected ADA Systems,
có tác động tiêu cực đến hoạt động của Hệ Thống ADA bị ảnh hưởng,

and the Supplier knowingly or unknowingly caused such At-Risk Software to be introduced into the relevant system, then the Supplier shall at the Supplier's cost:

và Nhà Cung Cấp cố ý hoặc vô tình khiến Phần Mềm Có Rủi Ro đó được đưa vào hệ thống liên quan thì Nhà Cung Cấp sẽ phải, bằng chi phí của Nhà Cung Cấp:

- (i) mitigate the loss of data;
giảm thiểu việc mất dữ liệu;
- (ii) promptly restore the data (so far as the same is capable of restoration); and
kịp thời khôi phục dữ liệu (trong chừng mực dữ liệu đó có khả năng khôi phục); và
- (iii) ensure the operation of the affected system is promptly remedied.
đảm bảo hoạt động của hệ thống bị ảnh hưởng được khắc phục kịp thời.

15. The notification pursuant to Paragraph 12 of this Schedule 1 shall be sent to:

Thông báo theo Đoạn 12 của Phụ Định 1 này sẽ được gửi tới:

ADA

Name/Tên: Data Protection Officer

Email: dpo@adaglobal.com

Supplier/ Nhà Cung Cấp: as provided in the PO/như được quy định tại Đơn Hàng

or such other person as most recently notified to the Supplier or ADA (as the case may be) from time to time.

hoặc người khác được thông báo gần nhất cho Nhà Cung Cấp hoặc ADA (tùy từng trường hợp) vào từng thời điểm.

Privacy Impact Assessment

Đánh Giá Tác Động Đến Quyền Riêng Tư

16. In the event that ADA and/or any other relevant member(s) of the ADA Group conducts any data protection impact assessment, the Supplier shall provide reasonable assistance to ADA and/or other relevant member(s) of the ADA Group (as the case may be). Such assistance may, at the discretion of ADA and other relevant member(s) of the ADA Group, include:

Trong trường hợp ADA và/hoặc bất kỳ thành viên có liên quan nào khác của Tập Đoàn ADA tiến hành đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu, Nhà Cung Cấp sẽ cung cấp hỗ trợ hợp lý cho ADA và/hoặc (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA (tùy từng trường hợp). Sự hỗ trợ đó có thể, theo quyết định của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA, bao gồm:

- (a) a systematic description of the envisaged processing and Processing (respectively) operations and the purpose of the processing and Processing;
mô tả có hệ thống về các hoạt động xử lý và Xử Lý dự kiến (tương ứng) cũng như mục đích của việc xử lý và Xử Lý đó;
- (b) an assessment of the necessity and proportionality of the processing and Processing (respectively) operations in relation to the Services;
đánh giá sự cần thiết và tính cân xứng của việc xử lý và các hoạt động Xử Lý (tương ứng) liên quan đến Dịch Vụ;
- (c) an assessment of the risks to the rights and freedoms of Data Subjects; and
đánh giá rủi ro đối với quyền và quyền tự do của Chủ Thể Dữ Liệu; V=và
- (d) the measures envisaged to address the risks, including safeguards, security measures and mechanisms to ensure the protection of Personal Data.
các biện pháp dự kiến để giải quyết rủi ro, bao gồm các biện pháp bảo vệ, biện pháp bảo mật và cơ chế để đảm bảo bảo vệ Dữ Liệu Cá Nhân.

Data Migration

Di Chuyển Dữ Liệu

17. The Supplier is responsible for all data migration activities (if any are agreed by the Parties) associated with ADA Data and Confidential Information and shall ensure that no ADA Data or Confidential Information is lost or corrupted as a result of any data migration.

Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm về mọi hoạt động di chuyển dữ liệu (nếu có, được các Bên đồng ý) liên quan đến Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật và sẽ đảm bảo rằng không có Dữ Liệu ADA hoặc Thông Tin Bí Mật nào bị mất hoặc bị hỏng do bất kỳ quá trình di chuyển dữ liệu nào.

18. Without limiting Paragraph 17 of this Schedule 1, the Supplier shall:

Không giới hạn Đoạn 17 của Phụ Định 1 này, Nhà Cung Cấp sẽ:

- (a) retain secured back-up copies of all ADA Data and Confidential Information being migrated until the successful completion of the process; and
giữ lại các bản sao dự phòng bảo mật của tất cả Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật đang được di chuyển cho đến khi quá trình hoàn tất thành công; và

- (b) ensure that in the event of any data migration failure or problem, ADA and other members of ADA Group are able to utilise the ADA Data and Confidential Information within the ADA Systems to store, process and Process the ADA Data and Confidential Information so that ADA's and other members of ADA Group's business operations are not affected.

đảm bảo rằng trong trường hợp có bất kỳ sự cố hoặc lỗi di chuyển dữ liệu nào, ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA có thể sử dụng Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật trong Hệ Thống ADA để lưu trữ, xử lý và Xử Lý Dữ Liệu ADA và Thông Tin Bí Mật sao cho hoạt động kinh doanh của ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA không bị ảnh hưởng.

19. In the event of any breach by the Supplier of Paragraph 17, 18, 19, 20 or 21 of this Schedule 1 which adversely impacts on ADA's or other members of the ADA Group's business operations in any way, and without limiting any of ADA's rights and remedies under this Agreement or applicable law, the Supplier shall, at no additional cost to ADA, immediately work with ADA and other members of the ADA Group to identify any possible workarounds to the cause of the adverse impact, and provide resources (where necessary) to implement workarounds approved by ADA and other members of the ADA Group in writing.

Trong trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm Đoạn 17, 18, 19, 20 hoặc 21 của Phụ Đính 1 này và gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA dưới bất kỳ hình thức nào và không giới hạn bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào của ADA theo Thỏa Thuận này hoặc luật hiện hành, Nhà Cung Cấp sẽ, không tính thêm chi phí nào cho ADA, ngay lập tức làm việc với ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA để xác định mọi giải pháp có thể giải quyết được nguyên nhân gây ra tác động bất lợi và cung cấp nguồn lực (nếu cần) để thực hiện các biện pháp giải quyết đã được phê duyệt bởi ADA và các thành viên khác của Tập Đoàn ADA bằng văn bản.

20. The Supplier shall, upon the written request of ADA, provide ADA with a copy of ADA Data in a structured, commonly used, and machine-readable format.

Khi có yêu cầu bằng văn bản từ ADA, Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho ADA một bản sao của Dữ Liệu ADA ở định dạng có cấu trúc, phổ biến và có thể đọc được bằng máy.

21. The Supplier shall ensure that the export, transmission, or transfer of ADA Data is carried out securely, in accordance with Applicable Laws and any written instructions of ADA.

Nhà Cung Cấp phải đảm bảo rằng việc xuất khẩu, truyền tải hoặc chuyển giao Dữ Liệu ADA được thực hiện một cách an toàn, tuân thủ các Luật Áp Dụng và mọi hướng dẫn bằng văn bản của ADA.

Software Development

Phát Triển Phần Mềm

22. The Supplier shall:

Nhà Cung Cấp sẽ:

- (a) apply a secure Software Development Lifecycle (SDLC) methodology within its product development process that includes design reviews, source code audit on the developed material, and penetration tests on a regular basis;

áp dụng phương pháp Vòng Đời Phát Triển Phần Mềm (SDLC) an toàn trong quy trình phát triển sản phẩm của mình, bao gồm đánh giá thiết kế, kiểm tra mã nguồn trên tài liệu đã phát triển và kiểm tra thâm nhập một cách thường xuyên;

- (b) enable ADA and other relevant member(s) of the ADA Group to audit the SDLC and patch level on a regular basis or, with prior written agreement of ADA and other relevant member(s) of the ADA Group, provide vulnerability assessment reports issued by reputable international agencies to ADA and other relevant member(s) of the ADA Group to prove that the Supplier's security controls are effective;

cho phép ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA kiểm tra SDLC và cấp độ bản vá một cách thường xuyên hoặc, với sự đồng ý trước bằng văn bản của ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA, cung cấp đánh giá lỗ hổng các báo cáo do các cơ quan quốc tế có uy tín đưa ra cho ADA và (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA để chứng minh rằng các biện pháp kiểm soát an ninh của Nhà Cung Cấp có hiệu quả;

- (c) maintain and support the software (including updates, upgrades of the software and third-party software) that it uses or provides to ADA or other members of ADA Group in connection

with the Services such that, and to provide verifiable assurance that, the software is, and remains, secure from known vulnerabilities. This includes, but is not limited to, the following measures:

duy trì và hỗ trợ phần mềm (bao gồm các bản cập nhật, nâng cấp phần mềm và phần mềm của bên thứ ba) mà nó sử dụng hoặc cung cấp cho ADA hoặc các thành viên khác của Tập Đoàn ADA liên quan đến Dịch Vụ và để cung cấp sự đảm bảo có thể kiểm chứng rằng, phần mềm vẫn được bảo mật khỏi các lỗ hổng đã biết. Điều này bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau:

- (i) providing up-to-date updates and upgrades; and
cung cấp các bản cập nhật và nâng cấp cập nhật; và
- (ii) regularly and in a timely manner test and install all available security patches for the operating system, libraries, middleware components, and installed applications.

kiểm tra và cài đặt thường xuyên và kịp thời tất cả các bản vá bảo mật có sẵn cho hệ điều hành, thư viện, thành phần phần mềm trung gian và ứng dụng đã cài đặt.

- (d) ensure that the verifiable assurance provided under Paragraph 22(c) of this Schedule 1 should include the attestations from security audits and certifications like SOC-2 and 3, SSAE-18 and ISO27001.

đảm bảo rằng sự đảm bảo có thể kiểm chứng được cung cấp theo Đoạn 22(c) của Phụ Đính 1 này phải bao gồm các chứng thực từ các cuộc kiểm tra và chứng nhận an ninh như SOC-2 và 3, SSAE-18 và ISO27001.

Vulnerability Management/Security Incident

Quản Lý Lỗ Hổng/Sự Cố Bảo Mật

23. The Supplier shall enable ADA or any third party authorised by ADA or other relevant member(s) of the ADA Group (as the case may be) to conduct additional penetration testing on a periodic basis. In the event any information security vulnerabilities are identified pursuant to the penetration testing conducted, the Supplier shall remediate the vulnerabilities based on the service levels requirements for final remediation as per the Security Vulnerability Remediation Service Level Agreement (“**Security Vulnerability Remediation SLA**”) below:

*Nhà Cung Cấp sẽ giúp ADA hoặc bất kỳ bên thứ ba nào được ADA ủy quyền hoặc (các) thành viên có liên quan khác của Tập Đoàn ADA (tùy từng trường hợp) tiến hành thử nghiệm thâm nhập bổ sung trên cơ sở định kỳ. Trong trường hợp bất kỳ lỗ hổng bảo mật thông tin nào được xác định theo thử nghiệm thâm nhập được tiến hành, Nhà Cung Cấp sẽ khắc phục các lỗ hổng dựa trên các yêu cầu cấp độ dịch vụ để khắc phục cuối cùng theo Thỏa Thuận Cấp Độ Dịch Vụ Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật (“**TTCCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật**”) bên dưới:*

Security Vulnerability Remediation SLA

TTCCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật

Vulnerability Category <i>Danh Mục Lỗ Hổng</i>	Internal nodes & services <i>Các nút và dịch vụ nội bộ</i>	Public Internet facing nodes & services <i>Các nút và dịch vụ trực tiếp kết nối với Internet công cộng</i>
CVSS* 9-10 (Critical) (Nguy Hiểm)	- Implement effective Containment Measures (as defined below) within 72 hours <i>Thực hiện các Biện Pháp Ngăn Chặn hiệu quả (như được định nghĩa dưới đây) trong vòng 72 giờ</i> - Implement permanent solution within 4 weeks <i>Triển khai giải pháp lâu dài trong vòng 4 tuần</i>	
CVSS 7-8 (High) (Cao)	Remediate vulnerability within 3 months after public disclosure of the vulnerability or notification by ADA (whichever is earlier)	Implement effective Containment Measures within 2 weeks <i>Thực hiện các Biện Pháp Ngăn Chặn hiệu quả trong vòng 2 tuần</i>

	<i>Khắc phục lỗ hổng trong vòng 3 tháng sau khi ADA công bố thông tin về lỗ hổng hoặc thông báo (tùy điều kiện nào đến trước)</i>	Remediate the vulnerability within 6 weeks after public disclosure of the same or notification by ADA (whichever is earlier) <i>Khắc phục lỗ hổng bảo mật trong vòng 6 tuần sau khi công bố thông tin về lỗ hổng hoặc thông báo của ADA (tùy điều kiện nào đến trước)</i>
CVSS <7 (Medium & Low) (Trung Bình & Thấp)	Remediate vulnerability within 4 months after disclosing or discovering of that vulnerability by ADA or any industry community or global researchers <i>Khắc phục lỗ hổng trong vòng 4 tháng sau khi ADA hoặc bất kỳ cộng đồng ngành hoặc nhà nghiên cứu toàn cầu nào tiết lộ hoặc phát hiện ra lỗ hổng đó</i>	

*as defined below.

**như được định nghĩa dưới đây*

Vulnerabilities found through vulnerability assessment scans must be remediated following the Security Vulnerability Remediation SLA provided above based on their respective vulnerability score.

Các lỗ hổng được tìm thấy thông qua quá trình quét đánh giá lỗ hổng bảo mật phải được khắc phục theo TTCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật được cung cấp ở trên dựa trên điểm lỗ hổng tương ứng của chúng.

Applicability of the above-mentioned Security Vulnerability Remediation SLA:

Khả năng áp dụng TTCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật nêu trên:

The above Security Vulnerability Remediation SLA will be applied for any systems or software delivered and/or maintained by the Supplier to ADA and/or any members of ADA Group (“**Customer**”). Any changes to the said Security Vulnerability Remediation SLA shall be mutually agreed by the Supplier and Customer.

*TTCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật ở trên sẽ được áp dụng cho mọi hệ thống hoặc phần mềm được Nhà Cung Cấp phân phối và/hoặc duy trì cho ADA và/hoặc bất kỳ thành viên nào của Tập Đoàn ADA (“**Khách Hàng**”). Mọi thay đổi đối TTCDDV Khắc Phục Lỗ Hổng Bảo Mật nói trên sẽ phải được Nhà Cung Cấp và Khách Hàng đồng ý.*

Definition:

Định Nghĩa:

“**Containment Measures**” are compensating controls or adjustments in processes, configuration or changing one or more parameters, recommended by ADA and/or the relevant Customer or reputed industry researchers to reduce the severity and associated risks to an acceptable level. However, permanent solution shall be considered after implementing and testing of relevant patches and/or fixes recommended by ADA and/or the relevant Customer or industry researchers or experts.

*“**Các Biện Pháp Ngăn Chặn**” là các biện pháp kiểm soát hoặc điều chỉnh bù đắp trong quy trình, cấu hình hoặc thay đổi một hoặc nhiều thông số, được ADA và/hoặc Khách Hàng có liên quan hoặc các nhà nghiên cứu có uy tín trong ngành khuyến nghị nhằm giảm mức độ nghiêm trọng và rủi ro liên quan xuống mức có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, giải pháp lâu dài sẽ được xem xét sau khi triển khai và thử nghiệm các bản vá và/hoặc bản sửa lỗi có liên quan được ADA và/hoặc Khách Hàng liên quan hoặc nhà nghiên cứu hoặc chuyên gia trong ngành khuyến nghị.*

Common Vulnerability Scoring System (“CVSS”) is an open framework for communicating the characteristics and severity of software vulnerabilities. CVSS consists of three metric groups: Base, Temporal, and Environmental. ADA’s current severity classifications are 0.1-3.9 = Low, 4.0-6.9 = Medium, 7.0-8.9 = High and **9.0 - 10.0** = Critical.¹

*Hệ thống chấm điểm lỗ hổng bảo mật phổ biến (“**CVSS**”) là một khuôn khổ mở để truyền đạt các đặc điểm và mức độ nghiêm trọng của các lỗ hổng phần mềm. CVSS bao gồm ba nhóm số liệu: Cơ sở, Tạm Thời và Môi Trường. Phân loại mức độ nghiêm trọng hiện tại của ADA là 0,1-3,9 = Thấp, 4,0-6,9 = Trung bình, 7,0-8,9 = Cao và 9,0 - 10,0 = Nguy hiểm.*

¹ Use reference from FIRST: <https://www.first.org/cvss/v3.1/specification-document>

The service level requirements for information security incidents identified by penetration testing and other assessments/tests will be as follows:

Các yêu cầu về cấp độ dịch vụ đối với các sự cố an toàn thông tin được xác định bằng thử nghiệm thâm nhập và các đánh giá/kiểm tra khác sẽ như sau:

	*External <i>Bên ngoài</i>		*Internal <i>Nội bộ</i>		*External/ Internal <i>Bên ngoài/ Nội bộ</i>	
Information Security Incident Severity <i>Mức độ nghiêm trọng của sự cố bảo mật thông tin</i>	P1	P2	P1	P2	P3	P3
Containment (from first notification or remediation by ADA or the Supplier, whichever is earliest) <i>Ngăn chặn (kể từ thông báo đầu tiên hoặc biện pháp khắc phục của ADA hoặc Nhà Cung Cấp, tùy theo thời điểm nào sớm nhất)</i>	4 hours <i>4 tiếng</i>	48 hours <i>48 tiếng</i>	4 hours <i>4 tiếng</i>	48 hours <i>48 tiếng</i>	21 days <i>21 ngày</i>	21 days <i>21 ngày</i>
Complete remediation time (from first notification or remediation by ADA or the Supplier, whichever is earliest) <i>Thời gian hoàn thành khắc phục (kể từ khi có thông báo đầu tiên hoặc thời điểm khắc phục của ADA hoặc Nhà Cung Cấp, tùy thời điểm nào đến sớm nhất)</i>	48 hours if no software patch is required or with hardware component replacement <i>48 giờ nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>	15 days if no software patch is required or with hardware component replacement <i>15 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>	48 hours if no software patch is required or with hardware component replacement <i>48 giờ nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>	15 days if no software patch is required or with hardware component replacement <i>15 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>	30 days if no software patch is required or with hardware component replacement <i>30 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>	30 days if no software patch is required or with hardware component replacement <i>30 ngày nếu không cần bản vá phần mềm hoặc thay thế linh kiện phần cứng</i>
	15 days if a software patch is necessary <i>15 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>	60 days if a software patch is necessary <i>60 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>	15 days if a software patch is necessary <i>15 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>	60 days if a software patch is necessary <i>60 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>	120 days a software patch is necessary <i>120 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>	120 days a software patch is necessary <i>120 ngày nếu cần có bản vá phần mềm</i>

TABLE 1: SECURITY INCIDENT REMEDIATION SCHEDULE

Bảng 1: Lịch trình khắc phục sự cố bảo mật

* Priority and External / Internal scope is defined below

*Mức độ ưu tiên và phạm vi Bên ngoài/Nội bộ được xác định bên dưới

- Containment is achieved when the vulnerability is arrested from progressing further. This needs to be done with minimal or no impact on other services.

Việc ngăn chặn đạt được khi lỗ hổng bị chặn lại và không tiến triển thêm nữa. Việc này cần được thực hiện với mức độ ảnh hưởng tối thiểu hoặc không ảnh hưởng đến các dịch vụ khác.

- Complete Remediation (No Software Patch) – is the activity of permanently fixing the vulnerability through non-software related updates (eg: configuration changes, or changes made to other systems)

Khắc phục hoàn toàn (Không có bản vá phần mềm) – là hoạt động khắc phục vĩnh viễn lỗ hổng thông qua các bản cập nhật không liên quan đến phần mềm (ví dụ: thay đổi cấu hình hoặc thay đổi được thực hiện đối với các hệ thống khác)

- Complete Remediation (Software Patch) – is the activity of permanently fixing the vulnerability through a software update or upgrade.

Khắc phục hoàn toàn (Bản vá phần mềm) – là hoạt động khắc phục vĩnh viễn lỗ hổng thông qua cập nhật hoặc nâng cấp phần mềm.

*“**External**” refers to computing systems and applications which are on the internet or outside the protected network of the relevant Customer. “**Internal**” covers similar assets inside the relevant Customer’s protected network.

*“**Bên ngoài**” dùng để chỉ các hệ thống và ứng dụng máy tính trên internet hoặc bên ngoài mạng được bảo vệ của Khách Hàng liên quan. “**Nội bộ**” bao gồm các tài sản tương tự bên trong mạng được bảo vệ của Khách Hàng liên quan.

Priority <i>Ưu Tiên</i>	Impact Description <i>Mô Tả Tác Động</i>
P1 (Severity – Critical/Emergency) <i>(Mức độ nghiêm trọng – Quan trọng/Khẩn cấp)</i>	A fault or vulnerability with a severe effect on the relevant Customer’s business operations or end- user services, including but not limited to capacity or traffic, billing and maintenance capabilities which have the effect of reducing such capabilities by more than 25%. <i>Lỗi hoặc lỗ hổng bảo mật có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh hoặc dịch vụ người dùng cuối của Khách Hàng có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở năng lực hoặc lưu lượng truy cập, khả năng thanh toán và bảo trì có tác động làm giảm hơn 25% các khả năng đó.</i> Scenario Examples: <i>Ví dụ tình huống:</i> - Total revenue loss <i>Tổng thiệt hại về doanh thu</i> - Total system outage <i>Toàn bộ hệ thống ngừng hoạt động</i> - Partial outage affecting a minimum of 25% of the network active subscribers <i>Mất điện một phần ảnh hưởng đến tối thiểu 25% số thuê bao đang hoạt động trên mạng</i> - Aggregated traffic capacity reduction minimum by 25% <i>Giảm tổng công suất giao thông tối thiểu 25%</i> - Loss of management capability by more of the 25% of the total network elements <i>Mất khả năng quản lý hơn 25% tổng số thành phần mạng</i>

P2 (Severity –Major) <i>(Mức độ nghiêm trọng – Chính)</i>	Severe problem, vulnerability or disturbance affecting a specific area of functionality, but not the whole system, or serious disturbances with an impact on end- user services. <i>Sự cố nghiêm trọng, lỗ hổng hoặc nhiễu loạn ảnh hưởng đến một khu vực chức năng cụ thể nhưng không ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống hoặc nhiễu loạn nghiêm trọng ảnh hưởng đến dịch vụ của người dùng cuối.</i> Scenario Examples: <i>Ví dụ tình huống:</i> - Errors in procedures where service risks are involved <i>Sai sót trong quy trình có liên quan đến rủi ro dịch vụ</i> - Failures in the ability to add, delete or reconfigure any network element <i>Lỗi về khả năng thêm, xóa hoặc cấu hình lại bất kỳ thành phần mạng nào</i> - A disturbance degrading performance of the system and/or parts of the system with minor impact to the system <i>Sự xáo trộn làm giảm hiệu suất của hệ thống và/hoặc các bộ phận của hệ thống với tác động nhỏ đến hệ thống</i> - Total outage of a non-major network element <i>Sự cố ngừng hoạt động của một thành phần mạng không quan trọng</i> - Failures with tools and supporting systems that have no impact on network monitoring and network performance <i>Lỗi với các công cụ và hệ thống hỗ trợ không ảnh hưởng đến việc giám sát mạng và hiệu suất mạng</i> - Reduction in traffic measurement function <i>Giảm chức năng đo lưu lượng</i> - Root Cause Analysis (“RCA”) report delivery <i>Gửi báo cáo Phân tích nguyên nhân gốc rễ (“RCA”)</i>
P3 (Severity – Minor) <i>(Mức độ nghiêm trọng – Thấp)</i>	General consultation and minor problems that have a minor effect on the functionality of the product. Minor events are problems that are not viewed as critical or major. Minor events neither significantly impair the functioning of the system nor significantly affect service to end-users. These events are tolerable during system use. A minor event on the device may have impact on one or limited number of users. <i>Tư vấn chung và các vấn đề nhỏ có ảnh hưởng nhỏ đến chức năng của sản phẩm. Các sự kiện nhỏ là những vấn đề không được coi là quan trọng hoặc nghiêm trọng. Các sự kiện nhỏ không làm suy giảm đáng kể chức năng của hệ thống cũng như không ảnh hưởng đáng kể đến dịch vụ cho người dùng cuối. Những sự kiện này có thể chấp nhận được trong quá trình sử dụng hệ thống. Một sự kiện nhỏ trên thiết bị có thể ảnh hưởng đến một hoặc một số lượng người dùng hạn chế.</i>

TABLE 2: INCIDENT PRIORITY CLASSIFICATION

Bảng 2: Phân loại mức độ ưu tiên sự cố

Governance

Quản Trị

24. The Supplier shall advise ADA of other practices, procedures and safeguards with respect to data (including ADA Data) when the Supplier becomes aware of any improved practices, procedures and safeguards in accordance with Best Industry Practices.

Nhà Cung Cấp sẽ tư vấn cho ADA về các biện pháp, quy trình và biện pháp bảo vệ khác liên quan đến dữ liệu (bao gồm cả Dữ Liệu ADA) khi Nhà Cung Cấp nhận thấy bất kỳ biện pháp, thủ tục và biện pháp bảo vệ nào được cải tiến phù hợp với Thông Lệ Ngành Tốt Nhất.

Network Security

An ninh mạng

25. The Supplier shall at all times maintain network security that conforms to Best Industry Practice. At a minimum, network protection shall include:

Nhà Cung Cấp phải luôn duy trì an ninh mạng phù hợp với Thông Lệ Ngành Tốt Nhất. Ở mức tối thiểu, việc bảo vệ mạng phải bao gồm:

- (a) network firewall provisioning;
cung cấp tường lửa mạng;
- (b) strong user authentication;
xác thực người dùng mạnh;
- (c) encrypted transmissions and storage;
truyền và lưu trữ được mã hóa;
- (d) anti-malware programs;
các chương trình chống phần mềm độc hại;
- (e) intrusion detection;
phát hiện xâm nhập;
- (f) controlled access to the physical location of computer hardware; and
quyền truy cập được kiểm soát vào vị trí vật lý của phần cứng máy tính; và
- (g) regular (two or more each calendar year) third party vulnerability assessments.
đánh giá lỗ hổng bảo mật của bên thứ ba thường xuyên (hai hoặc nhiều hơn mỗi năm dương lịch).

[END]

[HẾT]